

---

## BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

### MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÙNG TÂY NGUYÊN

#### I. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC QUẦN CƯ

Tây Nguyên là một lãnh thổ lớn nằm trong phạm vi dãy Nam Trường Sơn. Trên địa bàn Tây Nguyên có trên 36 dân tộc khác nhau cư trú xen kẽ. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ dân số vùng Tây Nguyên hiện có 4,1 triệu người, trong đó có tỷ lệ đồng bào dân tộc ít người chiếm khoảng 34%, người Kinh chiếm 66% dân số. Trên địa bàn Tây Nguyên có trên 36 dân tộc khác nhau cư trú xen kẽ. Trong đó, có 12 dân tộc cư trú lâu đời tại Tây Nguyên là : Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho, Xơ đăng, Xtiêng, Gié triêng, Mạ, Chu ru, Brâu, Rơ năm. Dân tộc Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho chiếm một tỷ lệ tương đối lớn so với dân tộc ít người ở Tây Nguyên. Theo chủ trương của Đảng và nhà nước tập trung điều tra và khai thác tài nguyên vùng đất Tây Nguyên, lực lượng lao động từ các miền đất nước vào Tây Nguyên phát triển tương đối nhanh. Phân bố dân cư tại Tây Nguyên chủ yếu là các dạng: Dân cư nông lâm trường, dân cư lâm nghiệp, dân cư kinh tế mới, dân cư các buôn làng của đồng bào tại chỗ vẫn đang tiếp tục tồn tại và phát triển.

#### I. 1. QUY MÔ CÁC ĐIỂM DÂN CƯ

Quy mô các buôn làng Tây nguyên đều bị tác động bởi các giải pháp định canh định cư. Việc bố trí các điểm dân cư hay các làng bản dựa theo nguồn nước suối không còn được coi trọng, vì đồng bào đã quen dần việc sử dụng nguồn nước ngầm. Ranh giới trước đây của các làng thường được quy ước với nhau bởi ngọn núi, dòng suối, dòng sông và ranh giới đó người dân trong buôn thường chọn quyền sử dụng trong việc thu hái lâm sản, đặc sản xuất khẩu, săn bắn và thậm chí họ có quyền thừa kế. Ranh giới đó là bất khả xâm phạm ... Mỗi làng đều có diện tích sử dụng hàng chục thậm chí hàng ngàn hec-ta tự nhiên, tùy theo điều kiện cụ thể mỗi vùng

Đến nay, hệ thống giao thông được mở mang và nâng cấp, nối liền các điểm dân cư của đồng bào mới đến và điểm dân cư của đồng bào địa phương. Hệ thống mạng lưới dân cư dày đặc hơn, tạo điều kiện giao lưu giữa điểm dân cư nông thôn và thành thị giữa người Kinh và đồng bào dân tộc tại chỗ, có tác dụng kích thích nhau để phát triển, đời sống văn hoá tinh thần của đồng bào được nâng cao rõ rệt. Sự trao đổi, mua bán hàng hoá giữa người Kinh và đồng bào dân tộc đã tạo điều kiện cho đồng bào biết sử dụng tiếng Kinh, học tập cách làm kinh tế của người Kinh học tập những cách sống, sinh hoạt của người Kinh, mở mang về trí thức khoa học

...Vì vậy các điểm dân cư cũng có nhiều quy mô phù hợp với điều kiện sinh sống đa dạng đó của đồng bào.

Quy mô các điểm dân cư nông thôn ở Tây Nguyên phổ biến 100 ÷ 200 hộ (40 ÷ 50%), loại quy mô lớn hơn 200 hộ còn ít (10 ÷ 15%), loại dưới 50 hộ rất ít (3 ÷ 5%), số còn lại có quy mô 50 ÷ 200 hộ.

Mỗi làng thường có 30 ÷ 40 nóc nhà, có từ 150 ÷ 200 nhân khẩu. Ngày xưa quy mô làng thường lớn hơn, người ta ít chia làng như hiện nay, bởi làng càng lớn thì có lượng thanh niên càng đông, như vậy sẽ dễ áp đảo các làng khác khi có chiến tranh.

Ngoại trừ người Kinh là những người mới đến định canh định cư tập trung tại các thị xã và phân bố theo các tuyến giao thông chính, còn hầu hết các làng bản của các dân tộc đều phân bố thưa thớt, vài km mới có một làng. Quy mô các làng khác nhau tùy theo mật độ dân cư của từng làng, có làng chỉ có 20-30 nóc nhà.

## I. 2. CÁC YẾU TỐ NHẬN DIỆN KHÔNG GIAN

### **1.2.1. Yếu tố về truyền thống đặc trưng của mỗi dân tộc**

Truyền thống dân cư của các dân tộc Tây Nguyên là mỗi dân tộc tự tìm cho mình một địa bàn cư trú thích hợp. Mỗi dân tộc Tây nguyên có một truyền thống văn hoá đặc trưng lâu đời, những phong tục, lối sống mang những phong thái riêng, xuất phát từ những điều đó mà truyền thống quy hoạch xây dựng làng bản, nhà ở, công trình văn hoá của mỗi dân tộc cũng có những nét đặc trưng riêng. Chỉ cần nhìn cách quy hoạch kiểu làng, bố trí nhà ở và kiến trúc công trình ta có thể nhận biết được đó là dân tộc nào. Mỗi một nét trang trí trên công trình đều ghi lại những nét riêng, đặc trưng văn hoá của các dân tộc. có một truyền thống văn hóa đặc trưng,.

Đối với các đồng bào dân tộc Tây Nguyên, việc xây dựng buôn làng cũng theo truyền thống của mỗi dân tộc, cái chung nhất của họ là mật độ nhà ở trong buôn làng dày đặc gần nhau. Khu ở thường được đặt ở những vùng đất tương đối bằng phẳng để thuận tiện cho việc xây dựng. Đối với những căn nhà dài, nếu độ dốc càng lớn, độ chênh lệch giữa hai đầu càng cao, do vậy thường các khu đất này ít khi dốc trên 5%. Không bố trí vườn rau hoặc vườn cây ăn trái trong buôn làng, buôn làng trơ trọi ít bóng cây xanh. Gia súc, gia cầm chăn thả tự nhiên, sống dưới gầm các nhà sàn. Vì vậy diện tích chiếm đất xây dựng buôn làng rất ít. Một điểm giống nhau nữa là hầu hết buôn làng của các dân tộc Tây Nguyên bố trí cách xa đường giao thông chính, xa các điểm dân cư đô thị, thường đặt gần nguồn nước mạch và trên một quả đồi thoải, có diện tích rộng rãi hoặc bên sườn núi.

Khoảng cách giữa các buôn làng thường 3 ÷ 5km, thậm chí có khi đi bộ hết nửa ngày. Các buôn làng thường phải ở sâu, đi lại khó khăn để kẻ thù khó tấn công do ảnh hưởng của những cuộc chiến tranh trước đây đồng thời để tránh sự tấn công của thú dữ. Xung quanh buôn làng thường được bao bọc bằng một hệ thống hàng rào chắc chắn bằng lồ ô vót nhọn cắm dựa vào nhau tránh sự đột nhập của kẻ thù hoặc người lạ mặt vào làng. Thông thường, buôn làng chỉ bố trí một cổng chính và một cổng phụ để ra vào làng.

Qua quá trình điều tra khảo sát thực địa, thực trạng nhà ở đồng bào dân tộc miền núi Tây Nguyên cho thấy quan niệm truyền thống về tổ chức không gian xây dựng nhà cũng như quy hoạch cụm dân cư, buôn làng.. vẫn mang tính truyền thống từ xa xưa. Nhìn chung, cùng trên một địa bàn cư trú, cũng có những điều kiện địa lý, tự nhiên tương tự như nhau, cách tổ chức làng bản của nhiều dân tộc có những nét giống nhau. Đồng thời, cũng có những nét riêng biệt đặc trưng cho từng dân tộc tùy thuộc điều kiện tự nhiên cụ thể, cùng với truyền thống văn hoá của mỗi dân tộc.

### **1.2.2. Phân bố các điểm dân cư**

Các điểm dân cư phân bố theo dạng tuyến dọc đường tỉnh lộ, huyện lộ ít phân bố trong nội đồng và không lệ thuộc vào bán kính canh tác. Các điểm dân cư trung tâm xã chưa hình thành rõ nét. Hệ thống thị tứ vùng ở tình trạng tương tự, mặc dầu nhiều nơi có điều kiện phát triển thuận lợi

Hiện nay có thể hình thành các điểm dân cư theo 3 nhóm :

Cộng đồng dân cư bản địa ( gồm các dân tộc ít người )

Cộng đồng người Kinh đến trước năm 1975 ( chủ yếu ở các thị trấn thị xã).

Cộng đồng người Kinh đến sau 1975 ( từ nhiều tỉnh khác nhau hình thành các nông lâm trường , khu kinh tế mới ) .

Hầu hết dân di cư đến thuộc các tỉnh miền Trung và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là dân tộc Kinh. Ngoài ra còn có một số dân tộc thiểu số Mông, Tày, Mường, Thái, Nùng .

Các điểm dân cư được tạo nên do nhiều dạng như đồng tâm, tuyến v.v.

Ngoài việc xác định các điều kiện cần và đủ cho điểm dân cư tồn tại lâu dài , vấn đề bố trí mạng lưới điểm dân cư cũng cần được nghiên cứu . Nếu bố trí các điểm dân cư nông , lâm trường , các điểm dân cư đô thị , các điểm dân cư kinh tế mới dưới dạng xen kẽ trên địa bàn, xen kẽ những vẫn có gian giới và khoảng cách để tránh sự tranh chấp về đất đai có thể xảy ra

nhu tạo điều kiện giao lưu văn hoá giữa đô thị và nông thôn , giữa người Kinh và đồng bào tại chỗ nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ hiểu biết của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên .

### 1.3.HÌNH THÁI TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Đặc điểm đời sống cộng đồng** thể hiện rõ ở truyền thống hình thành và xây dựng các buôn làng, hầu hết tại các buôn làng của các dân tộc đều có mật độ nhà ở bố trí dày đặc và liền kề nhau thành từng cụm lớn, xung quanh làng thường được bao bọc bởi một hàng rào bằng cây lồ ô vót nhọn thông thường chỉ bố trí một cổng chính và một cổng phụ để ra vào làng. Điều đó xuất phát từ tâm lý và quan niệm chống thú dữ và kẻ thù từ xa xưa và chính vì vậy mà nhà ở của đồng bào đều là nhà sàn và nổi bật là hầu như không bố trí vườn cây trong buôn làng mà tổ chức một vùng đất canh tác riêng gọi là vườn rừng, đồng thời các bản làng đặt cách xa các tuyến đường giao thông chính mà gần bên các triền núi và nơi có nguồn nước tự nhiên.

Ngoại trừ người Kinh là người mới đến cư trú tập trung tại các thị xã, thị trấn và trung tâm huyện lỵ, còn hầu hết các dân tộc ít người cư trú chủ yếu ở nông thôn với lãnh thổ tộc người khá rõ rệt và những buôn, làng có sắc thái khác nhau ở từng vùng và từng dân tộc.

- Tỉnh Kontum có các dân tộc : Banar, Giẻ triêng, Bâu, Rơmăm, Xơ Đăng, Gia rai. Dân tộc Banar chiếm số đông và ở các huyện : Đắc Pốt, Kôn Plông, An Khê và ngoại vị trí xã Komtum.

- Tỉnh Gia Lai có dân tộc Gia rai gồm 5 nhóm : Hơ Đung, Tbulan, Mthur, Chor và Arap.

- Tỉnh Đắk Lắk tập trung 2 dân tộc chính : Êđê và Mnông. Dân tộc Êđê có nhiều nhóm : Kpa, Adtham , Krung, Mthur, Ruê, Blô, Kdrao.

- Tỉnh Lâm Đồng có các dân tộc chủ yếu : Chu Ru, Cơ Ho, Mạ.

#### **Nơi cư trú của dân tộc ít người ở Tây Nguyên như sau :**

+ Dân tộc Gia rai : gồm 5 nhóm : Hơ đung, Tbulan, M Thục, Choe và Aráp cư trú chủ yếu ở phía Tây thị xã Kontum, chiếm chon cao nguyên Pleiku bằng phẳng, màu mỡ và phần lớn thung lũng A YunPa.

+ Dân tộc Êđê : có nhiều nhóm nhỏ : Kpả, Adtham, Krung, Mthục, Ktul, Ruê, Blô, Kdrao... cư trú phần lớn tại tỉnh Đắk Lắk, chủ yếu tập trung ở vùng trung tâm và các huyện Krông Buk, M'Drak.

+ Dân tộc Banar : có nhiều nhóm nhỏ thường mang tên nơi cư trú : Banadông, Banatây, BanaB' nằm cư trú ở phía Nam Kontum, chủ yếu ở các huyện : Đak Pốt, Kon Plông, An Khê và ngoại vi thị xã Kontum, ngoài ra còn ở Nghĩa Bình, Khánh Hoà và Đắk Lắk.

+ Dân tộc Xơ đăng : (còn gọi là Xơ teng) cư trú ở phía Bắc cao nguyên Pleiku và các nơi : huyện Kon Plông và Đăk tô (Kontum).

+ Dân tộc Bnâu : làng nhỏ gọi là Snúc cư trú ở huyện Đăk Tô (Kontum).

+ Dân tộc Mơ Nông : Gồm các nhóm : M'Nông, M'Nông Pre, M'Nông Gar, M'Nông Kuen, M'Nông Chil cư trú ở phía Nam Đăk Lak và phía Tây tỉnh Lâm Đồng, tập trung ở các huyện Lak, Đak Nông, Đak Mil tỉnh Đăk Lăk.

+ Dân tộc Xtiêng còn gọi là : Xa Điêng, Bu Lách, Bul, Bu Lo, Bu Dip cư trú ở dọc biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc tỉnh Lâm Đồng và sông Bé.

+ Dân tộc Mạ : còn có tên : Chên Mạ, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung cư trú trên cao nguyên Di Linh (thuộc các huyện Di Linh, Bảo Lộc, Đrúc trong tỉnh Lâm Đồng).

+ Dân tộc Cơ Ho : còn có tên : Cho Xrre, Nộp, Codon, cư trú tại huyện Lạc Dương, Đức Trọng, Bảo Lộc, Di Linh, Đa Huoai, Đà Lạt (Lâm Đồng) và một số huyện thuộc tỉnh Đồng Nai...

Các sinh hoạt còn phụ thuộc vào nhiều tập tục cũ, mặc dù các bản làng đều có thôn trường, nhưng sự điều hành trong làng bản đối với vai trò già làng còn rất lớn, các thủ tục lễ hội, ma chay chiếm mất nhiều thời gian và tốn kém kinh tế.

Về ngôn ngữ các dân tộc ít người miền núi phía Bắc Tây Nguyên : Banar, Gié triêng, Sơ đăng, Hrê, Bru, Vân kiều... thuộc ngôn ngữ Khơ me. Các dân tộc Êđê, JaJai, Chu ru thuộc ngôn ngữ MalaiYo - Polinêđi dòng nam đảo.

Tuy cuộc sống khó khăn, song đời sống tinh thần phong phú, Người Tây Nguyên tự chế tạo những loại nhạc cụ đặc trưng như : Đàn Trưng, đàn Krông pút, đàn đá, nổi tiếng và nhiều loại nhạc cụ khác. Với cộng đồng các dân tộc khá lớn và đa dạng nên đời sống văn hoá xã hội ở Tây Nguyên cũng rất phong phú. Mỗi dân tộc có truyền thống văn hoá lâu đời và điều đó cùng với điều kiện tự nhiên lãnh thổ có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và xây dựng quy hoạch bản làng, nhà ở, cũng như các công trình văn hoá công cộng, tín ngưỡng.

Xã hội Tây Nguyên mang tính cộng đồng cao, đồng bào các dân tộc sống và lao động sản xuất đều vì ý thức cộng đồng. Cuộc sống chủ yếu là đốt rẫy, hái lượm lâm sản và săn bắt thú rừng, một bộ phận nhỏ trong cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên trồng lúa nước tại những vùng ruộng trũng dọc các sông suối.

Đất trong buôn là đất sở hữu chung, chỉ được phân chia làm nhà, các gia đình không được chiếm dụng cho mục đích riêng. Do vậy giữa các nhà không có hàng rào phân cách.

#### 1.4.HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Tây Nguyên là vùng kinh tế mới phát triển, trong những năm qua kinh tế - xã hội vùng đã có những bước tiến đáng kể, nhưng nhiều mặt chưa đạt mức trung bình của cả nước, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn thấp kém, dịch vụ thương mại và du lịch (trừ các điểm du lịch nổi tiếng như Đà Lạt-Lâm Đồng) chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

Tốc độ phát triển gần ngang mức trung bình toàn quốc (8%). Kinh tế nông thôn đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, đặc biệt là cà phê, cao su, cây điều có giá trị xuất khẩu lớn và trở thành kinh tế mũi nhọn của vùng. Phát triển kinh tế vùng chủ yếu ở các vùng có tiềm năng lớn về sản xuất công nghiệp (cây công nghiệp) và khu định canh định cư. Vũng sâu, vùng xa còn kém phát triển, chủ yếu sống bằng hái lượm lâm sản, săn bắt thú rừng, đốt rẫy chọc tỉa. Sản xuất lâm nghiệp chưa cân đối với bảo vệ môi trường. Trình độ kỹ thuật công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất còn lạc hậu.

Đất Tây Nguyên từ xưa xưa chủ yếu là rừng, nguồn sống chính của đồng bào là sản phẩm dưới tán rừng: Săn bắn chim thú làm thực phẩm hàng ngày. Hái rau, măng, nấm làm thực phẩm. Thu lượm sa nhân, mật ong, các loại dược liệu để tự sử dụng phục vụ nhu cầu đời sống, trao đổi bên ngoài để lấy các sản phẩm họ thiếu. Cơ cấu đất đai của một buôn làng cho thấy rõ là hình thức canh tác theo kiểu tự cung tự cấp, nhưng thực tế thì hình thức sản xuất này sẽ tồn tại nhiều năm nữa mà chúng ta không thể đốt cháy giai đoạn, chính vì vậy trong một điều kiện để đáp ứng được mục tiêu lớn của Đảng và Nhà nước, chúng ta cần tôn trọng một thực trạng để có bước đi thích hợp .

Chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay giao rừng cho dân để bảo vệ nhưng nếu hiểu rằng đó là giao cho từng hộ gia đình thì việc đó không biết bao giờ thực hiện được, bởi lẽ rừng Tây Nguyên là rừng nhiệt đới nhiều tầng , nhiều lớp vì vậy rất khó xác định ranh giới cho từng hộ chính vì vậy chủ trương này đã đặt ra nhiều năm nhưng không thực hiện được, rừng rất nhiều chủ nhưng thực chất là vô chủ, lực lượng kiểm lâm, các biện pháp phòng chống nhưng rừng vẫn bị tàn phá dưới nhiều hình thức . Chính vì vậy biện pháp giao rừng tốt nhất cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là giao cho từng buôn làng, ranh giới được quy ước bởi các dòng sông con suối , các điểm cao ... Đây là quy ước đã gắn bao đời với đồng bào dân tộc , nếu chúng ta khôi phục lại thì hoàn toàn thuận lợi , bởi lẽ

- Nó phù hợp với tập quán lâu đời của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đó là việc phân chia ranh giới giữa các buôn làng, một đống ong, một cây rừng xưa kia đều có chủ và được tôn trọng tuyệt đối và không ai giữ đất , giữ rừng chặt như người dân Tây Nguyên , chính vì vậy mà hai đế quốc lớn xâm lược đất nước ta và chúng hiểu rằng chỉ lấy được Tây Nguyên là lấy được đất nước này nhưng chúng đã thất bại và không làm được điều đó bởi người dân Tây Nguyên biết bảo vệ đất và rừng của mình , của tổ quốc .

- Việc giao đất, giao rừng như vậy hoàn toàn thuận lợi cho việc đo đạc phân chia, ít tốn kém về kinh phí mà hoàn toàn có thể thực hiện được trong thời gian ngắn và chắc chắn Tây Nguyên sẽ giữ được rừng và rừng Tây Nguyên sẽ phát triển .

- Thói quen lâu đời của người dân Tây Nguyên là hái lượm lâm sản dưới tán rừng như mật ong, sa nhân và nhiều sản vật của rừng nhiệt đới , cộng thêm sự hướng dẫn khoan nuôi, bảo vệ chăm sóc và khai thác hợp lý, khoa học thì đó là một nguồn lợi thu nhập rất lớn góp phần phát triển đời sống kinh tế của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên .

Giữ được rừng mới giữ được nhiều thứ đó là lời khẳng định của ông chủ tịch tỉnh Đắk Lắk . Tháng 9 năm 1999 UBND tỉnh Đắk Lắk đã quyết định phê duyệt dự án giao hơn 2000 ha đất lâm nghiệp và rừng tự nhiên cho dân tại lâm trường Ea Hơle . Theo đó , người địa phương được UBND xã xác nhận (ưu tiên đồng bào dân tộc) được giao đất lâm nghiệp và rừng tự nhiên tới 50 năm . Trong đó chủ rừng này được thu nhập toàn bộ sản phẩm phụ trên diện tích được nhận , được ăn chia sản phẩm gỗ với nhà nước theo các tỷ lệ 30% ; 60% ; 90% giá trị tương ứng với các thời hạn 5,10,15 năm quản lý bảo vệ rừng . Từ năm thứ 16 trở đi hộ gia đình được hưởng 100% giá trị sản phẩm gỗ được phép lấy ra từ rừng .

Bên cạnh buôn làng bao giờ cũng có một vùng đất canh tác mà ta quen gọi là vườn rừng. Khoảng cách từ buôn tới đó khoảng 0,5 ÷ 1km. ở đây, người ta trồng bông để dệt vải có thể trồng thêm một loại rau và lương thực. Mỗi làng có một vùng đất sản xuất riêng, trồng lúa, lúa nước, chăn nuôi... Khu này thường cách xa bản 2 ÷ 3km, có khi xa hơn. ở tại khu vực sản xuất đó, đồng bào cũng xây dựng thành một buôn làng, mỗi hộ có một căn nhà ở đây và đồng bào thường gọi là “Nhà đằm”. ở thời điểm trồng lúa tĩa hoặc thu hoạch thì hầu hết họ sinh sống ở đây và chỉ sau vụ trồng lúa tĩa và thu hoạch xong họ mới về buôn làng sinh hoạt. Tuy nhiên, khu nhà đằm thường xuyên có người vì ở đó họ còn chăn nuôi. Việc ra đời “Nhà đằm” là do một yếu tố tự nhiên, đó là vấn đề bán kính đi lại sản xuất cần phải rút ngắn, đỡ mất sức đi lại và kịp thời phục vụ sản xuất . Điểm này rất trùng hợp với nguyên lý quy hoạch hệ thống dân cư làm lâm nghiệp. Ranh giới này được quy định từ khá lâu trước đây và là bất khả xâm phạm

## **II. ĐẶC TRƯNG KIẾN TRÚC CỦA CÁC LOẠI HÌNH CÔNG TRÌNH**

### **2.1. KIẾN TRÚC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**

Đặc điểm nổi bật nhất ở các dân tộc vùng Tây Nguyên là các làng đều có một trung tâm chính là nhà Rông, sự có mặt của nhà Rông cũng xuất phát từ tính cộng đồng cao của các dân tộc. Nhà Rông là một công trình kiến trúc công cộng của đồng bào Tây Nguyên . Hầu hết các dân tộc Tây Nguyên để có nhà Rông (trừ nhóm người Chor và người Êđê). Khi nhóm nhà ở dân cư được hình thành và xây xong nhà ở của gia đình là tiến hành ngay việc xây dựng nhà

Rông. Nhà Rông được xây dựng ở khu đất rộng giữa buôn làng. Mỗi buôn làng có vài chục nóc nhà. Những bản đông người hoặc có nhiều chi tộc thì có tới hai, ba nhà Rông, có nhà quy mô quá lớn chứa tới hai ba trăm người. Nhà Rông mang đậm nét hình thái và dấu ấn chức năng của một xã hội nguyên sơ. Một công trình độc đáo về kiến trúc nghệ thuật biểu tượng đẹp nhất của đồng bào Tây Nguyên, tương tự như ngôi đình làng của dân tộc kinh ở miền xuôi .

Nhà Rông là nơi họp bàn của các già làng và dân làng về tất cả mọi công việc từ tinh thần đến sản xuất trong bản, là nơi buôn làng tổ chức “ Hội đồng già làng “ đứng đầu là “ chủ làng “ và là chủ nhà Rông quản lý thực hiện mọi luật lệ, tập tục của buôn làng. Nhà Rông, đồng thời là nơi tập trung thường trực của toàn bộ dân làng khi có chiến tranh cũng như các ngày hội với chức năng nhiệm vụ chính như sau :

- Người của buôn làng từ khi mới sinh ra phải làm lễ cúng nhà Rông gọi là “lễ hiến sinh“ , lễ đặt tên và thổi tai “ế plei chắt con“. Đến tuổi thành niên ”làm lễ thành đĩnh“ được gia nhập cộng đồng người lớn ra ở tập thể tại nhà Rông cùng với những người chưa vợ. Họ tách khỏi gia đình sống ở tập thể thực hiện các nghĩa vụ của người thanh niên đối với buôn làng và đất nước. Những năm tháng sống ở nhà Rông được già làng ra giáo dục dạy nghề cần thiết phục vụ cho đời sống và xã hội, khi lấy vợ về ở cùng với vợ.

- Nhà Rông là nơi thực hiện các nghi lễ nghi tôn giáo tín ngưỡng của buôn làng như : Nơi thờ “Hòn đá thiêng“ “lưới sét chữa bệnh“. Thờ các vị thần tạo hoá, thần cấp cao thần cấp thấp ... Các nghi lễ liên quan đến sản xuất: Lễ cúng thần lửa, thần lúa, thần nông nghiệp , thần núi, thần nước. Lễ chọn rừng, phát rẫy, trỉa hạt, lễ mừng thu hoạch ăn mừng lúa mới. Các nghi lễ liên quan đến sức khoẻ như: Lễ cầu an, cúng khi trong làng có dịch, lễ rửa sui, cúng thần làng, các lễ tạ ơn, mừng ở nhà mới, lễ mừng chiến thắng . . .

- Nhà Rông là nơi bảo tồn lưu giữ những hiện vật quý giá như giống ngũ cốc, đầu sừng trâu, dê thú rừng; các loại nhạc cụ, đàn công, chiêng, trống lớn, khiêng thờ và lưu giữ các chiến tích, các vũ khí ....

- Nhà Rông là câu lạc bộ sinh hoạt văn nghệ vui chơi giải trí : ca hát, tấu nhạc cụ, nhảy múa, luyện tập võ nghệ, quân sự .

- Nhà Rông là nơi thực hiện các kế hoạch công việc của buôn làng, sau cách mạng tháng 8 nhà Rông được sử dụng sinh hoạt học tập phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và còn là nơi tiếp khách của cả buôn làng .

- Về nội dung tích chất sử dụng của nhà Rông với dân tộc Tây Nguyên; về cơ bản giống nhau song về mặt kiến thức mỗi nơi có những nét khác nhau mang tính đa dạng phong phú của từng địa phương .



Tóm lại nhà Rông đối với cư dân Bắc Tây Nguyên rất quan trọng. Suốt cả cuộc đời từ khi sinh ra lớn lên, trưởng thành đến lúc qua đời đều gắn bó nghĩa tình sâu nặng với nhà Rông. Nhà Rông đã in sâu trong tâm thức của người trai làng, gắn kết quan hệ trong cộng đồng buôn làng để khắc phục thiên nhiên, đấu tranh xã hội để tồn tại mãi mãi đến ngày nay và mai sau.

*Kiến trúc* nhà Rông thường có mặt bằng hình thang trống, diện tích sàn lớn từ 100m<sup>2</sup> đến 200m<sup>2</sup>. Nhà có 4 mái, mái trước và sau hình thang cân. Chiều cao của phần mái theo đứng thẳng chiếm gần 3/4 so với chiều cao của toàn nhà và khoảng 5,6 lần so với chiều cao phần tường vách nhà. Chân cột thẳng đứng và thu hẹp so với mặt sàn và chân cột to, cao so với mặt nền nên nhà càng cao, thanh thế và vững chắc.

*Tường* quanh nhà bằng vách đất trát nhẵn trộn rơm quét vôi trắng hay bằng phen nửa đan, ngoài có các đồ gỗ đỡ phen và nẹp dọc, ngang theo kiểu thượng thách hạ thu. Phía trước, phía sau của hai gian bên và hai gian đầu hồi có cửa sổ hình chữ nhật.

*Bộ khung nhà*: Nhà ba gian, bốn vì, hai vì đầu hồi hẹp lòng và thấp hơn để tạo độ cong trên nóc ở giữa nhà. Khung cột chỉ có cột và quá giang. Mái nhà lợp bằng tôn, đứng ở bên trong nhà và lợp từ trên xuống.

*Phần trang trí*: Phía ngoài có hai cột trước sàn thang và riềm trên nóc mái. Trong nhà ở các cột, quá giang và thêm các băng ở gian giữa trang trí các cảnh sinh hoạt, hình mặt chiêng trống, ngôi sao, gùi, con thú, cây hoa... đủ các màu sắc: Xanh, đỏ, tím, vàng, vui tươi lành mạnh.

Hiện nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà Nước, các buôn làng Tây Nguyên đã dần đi đến cuộc sống ổn định, các làng bản đã xuất hiện tại các trung tâm những cụm công trình mang tính chất cộng đồng cao như trường học, trạm y tế, nhà trẻ, mẫu giáo, uỷ ban nhân dân xã, bưu điện văn hoá v.v.

#### *Công trình y tế - giáo dục.*

Mô hình phù hợp với điều kiện học tập của con em đồng bào các dân tộc Tây nguyên là trường trung học nội trú. Tuy nhiên, chỉ có ở khu vực trung tâm huyện mới có; còn chủ yếu là hình thức trường trung học bán trú ở các trung tâm xã và các lớp học nhỏ phân bố rải rác ở các bản.

Các lớp học ở thôn bản thường xây dựng đơn lẻ từ một đến vài lớp học trong một bản, tùy thuộc số lượng dân cư trong bản. Kết cấu trường học bán trú đa số tường gạch, vì kèo gỗ, lợp mái ngói (đôi khi ở những khu vực khó khăn thì vẫn sử dụng hệ khung cột, vì kèo gỗ truyền thống).

Cơ cấu mặt bằng của các trường học còn rất tự nhiên, chưa được nghiên cứu xây dựng nên còn nhiều vấn đề chưa hợp lý ảnh hưởng đến việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Xây dựng lớp học hoàn toàn sử dụng kết cấu truyền thống của dân tộc và địa phương nơi cư trú.

Trang thiết bị cho trường lớp rất thiếu thốn, nhất là các lớp học ở thôn bản. Nhiều thôn bản còn chưa có điều kiện nên ảnh hưởng rất nhiều đến việc dạy học

Các thôn bản đã có trạm y tế, ở các trung tâm huyện lỵ đã có phòng khám đa khoa. Các hình thức kiến trúc còn rất đơn giản, thô sơ, đáp ứng nhu cầu tối thiểu của người dân.

## 2.2. ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC NHÀ Ở

Truyền thống xây dựng nhà ở của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên như : Gia rai , Êđê , Xơ Đăng, Banar, Brâu ... đều là nhà sàn, ở một số dân tộc nhà ở của họ đã chuyển sang nhà đất, hoặc phần ở là nhà sàn, khu phụ là nhà đất. Khu ở thường được đặt ở những vùng đất tương đối bằng phẳng để thuận tiện cho việc xây dựng. Đối với những căn nhà dài, nếu độ dốc càng lớn, độ chênh lệch giữa hai đầu càng cao, do vậy thường các khu đất này ít khi dốc trên 5%. Dạng này thường được xây dựng phổ cập đối với người Êđê, JaJai.... Việc xây dựng nhà sàn của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên do nhiều nguyên nhân :

- Chống thú dữ: Giữa núi rừng hoang dã, từ xa xưa khi mà thú dữ như hổ, lợn lòi và một số loài khác chưa bị tình trạng báo động diệt chủng như hiện nay thì việc chống thú dữ (đặc biệt vào đêm) là một vấn đề quan tâm hàng đầu với đồng bào dân tộc và nhà sàn là một biện pháp chống thú dữ.

- Phù hợp với địa hình đồi núi : Trong mọi điều kiện địa hình cho phép thì việc xây dựng nhà sàn không cần san ủi, thi công xây dựng nhanh và chống được sói lở mùa mưa.

- Phù hợp với điều kiện sinh hoạt vệ sinh : Do việc sinh hoạt từ nấu ăn, ăn uống, ngủ đều thực hiện quanh bếp lửa nhà sàn vì vậy tiện cho việc tiêu thoát nước và nhanh khô ráo. Đặc biệt là giữa rừng già thì nhà sàn tạo ra sự thoáng mát về mùa hè, khô ráo về mùa mưa.

Việc xây dựng nhà sàn để ở là xuất phát từ một điều kiện sống cụ thể, một môi trường thiên nhiên cụ thể, để bảo tồn giống nòi của mình, con người luôn luôn phải chống trả kẻ thù “hai chân và bốn chân” để tồn tại phát triển. Việc đó nó đã ăn sâu vào tiềm thức, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, điều đó nó đã ăn sâu vào máu thịt của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Sắc thái trên mỗi căn nhà, cách trang trí trên mỗi căn nhà đều được thể hiện rõ sắc thái của từng dân tộc Tây Nguyên, cũng là nơi ngồi uống rượu, giã gạo, đan lát nhưng cách bố trí của người Banar khác với người JaJai, khác với người Xơ đăng và khác với người Êđê.

Những nét đặc thù của mỗi dân tộc cũng rất khác nhau : Diềm mái nhà của người Banar xưa được trang trí bằng một hàng hoa văn, mà hàng hoa văn này giống như được trang trí diềm váy của phụ nữ mặc vào ngày lễ hội. Điều đó tượng trưng cho một xã hội sống theo chế độ “mẫu quyền”. Người JaJai cũng thể hiện chế độ “mẫu quyền” theo cách : Trên hai cột từ cầu thang vào nhà thường tạc hai quả bầu. Với họ, quả bầu tượng trưng cho người mẹ. Và các dân tộc khác cũng vậy, họ đều có những cách trang trí, những biểu tượng riêng thể hiện trong xây dựng nhà ở mà ta dễ nhận biết đó là dân tộc nào.

Từ những điều đó để chúng ta thấy rằng, mỗi dân tộc đều có truyền thống một văn hoá riêng, và truyền thống đó được thể hiện rất tinh tế trong lĩnh vực xây dựng nhà ở. Nếu bỗng nhiên điều kiện đó mất thì họ cảm thấy ngôi nhà đó hoàn toàn xa lạ với họ dù là căn nhà đó to cao và kiên cố.

Ngoài những nét đặc thù riêng trong việc bố trí nhà ở của mình, trong quá trình bố trí đan xen giữa các dân tộc qua một thời gian dài, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc diễn ra và trong quá trình đó các dân tộc có quy mô dân số lớn hơn sẽ đồng hoá các dân tộc có ít dân cư trú trong địa bàn của mình. Ví dụ như một số buôn làng của người JaJai sống trên địa bàn cư trú của người Banar thì việc xây dựng nhà ở của họ cũng mang đậm nét của người Banar, hay một vài buôn của dân tộc Banar, Xơ đăng đóng trên địa bàn cư trú của dân tộc JaJai thì việc xây dựng nhà ở của họ cũng mang những nét nhà ở của đồng bào dân tộc JaJai.

Nhưng trong mặt bố trí của căn nhà, chúng ta thấy có một điểm chung là đều phải bố trí bếp lửa, bởi lẽ điều kiện môi trường cư trú của các dân tộc giống nhau; song số lượng bếp lửa, vị trí đặt của mỗi dân tộc có khác nhau.

- Bếp lửa có tác dụng sưởi ấm cho gia đình trong lúc ăn cơm, lúc sinh hoạt trong nhà, lúc ngủ trong điều kiện khí hậu núi rừng lạnh lẽo, trong điều kiện sinh hoạt của đồng bào dân tộc là thiếu áo ấm, thiếu chăn đắp ấm...

- Bếp lửa còn có tác dụng nhanh làm khô ráo nơi ở và sinh hoạt trong điều kiện hầu hết các sinh hoạt của đồng bào là ăn, rửa tại chỗ.

- Bếp lửa có tác dụng đuổi muỗi, chống được bệnh sốt rét và một số bệnh dịch truyền qua muỗi trong điều kiện người dân ngủ không có màn hoặc có thói quen ngủ không màn.

- Ánh lửa còn có tác dụng chống thú dữ trong đêm .

- Bếp lửa là nơi cả gia đình đoàn tụ sau một ngày làm việc, nghe người già kể chuyện về dân tộc mình, có chuyện cần lưu lại cho các đời con cháu, và từ đó bếp lửa là một “vị thần” trong nhà, bếp lửa đã đi vào đời sống tâm linh của đồng bào.

Nó cũng giống như nhiều tộc người trên thế giới trước đây, thậm chí đối với người Kinh, bếp lửa trong nhà đã gắn bó suốt bao đời, bao thế hệ, khi đời sống kinh tế phát triển, nơi ngủ, đồ mặc đã đủ ấm, ngủ có màn chống muỗi thì bếp lửa sẽ dần mất đi hoặc thay thế bằng những lò sưởi văn minh hơn mà nhiều dân tộc ở vùng lạnh vẫn đang dùng, thậm chí những ống khói nhà sưởi vẫn còn tồn tại ở các biệt thự thời Pháp xây dựng tại Hà Nội và nhiều nơi ở Việt Nam.

\* *Khuôn viên*: Diện tích đất xây dựng thường 200m<sup>2</sup> - 1500m<sup>2</sup>. Diện tích công trình thường 40m<sup>2</sup> - 100m<sup>2</sup>. Trong khuôn viên nhà thường không có diện tích trồng rau, cây ăn quả, gia súc chăn thả tự nhiên

\* *Bố cục*: Mặt bằng tổ chức theo dạng "ống", Nhà thường dài 20 -30m, từ 4 đến 10 gian, rộng 5-6m, độ dài nhà khác nhau tùy theo điều kiện từng hộ gia đình nhiều hay ít hộ ở chung. Nhà thường có sàn và thang lên nhà ở hai đầu hồi, Một số nhà ở dân tộc có 3 thang, một thang phía trước ở giữa, hai thang còn lại ở hai đầu hồi. Trong nhà chia 2 phần theo chiều ngang: Phần ngoài có một khoảng đất rộng để tiếp khách và sinh hoạt cộng đồng. Phần trong chia làm 2 phần theo chiều dọc. Phần trên ngăn thành buồng của vợ chồng chủ nhà. Phần dưới hành lang đi lại, đặt bếp và các dụng cụ sinh hoạt. Đối với hầu hết các dân tộc Tây Nguyên thường bố trí bếp lửa bên trong nhà, vị trí đặt của mỗi dân tộc có khác nhau.

Các dân tộc có sự bố trí, tổ chức mặt bằng khác nhau:

+ *Đối với dân tộc Gia rai* :

Mặt bằng tổ chức theo dạng " ống " một cửa ra vào chính phía tiền sảnh và một cửa phụ phía sau . Phần tiếp khách và sinh hoạt chung ở ngay phần đầu hồi , phía sau là sinh hoạt con cái , mỗi bếp lửa trong nhà là đặc trưng cho một cặp vợ chồng, bố mẹ, con cái sống trong ngôi nhà đó .

Phần tiền sảnh thường không lợp mái là nơi để cối giã gạo và cho một số công việc khác như ngồi đan lát, thêu ren. Nhà chỉ duy nhất có hai cửa lên xuống ở hai đầu , hai cầu thang chính và phụ , không có cửa sổ và vậy trong nhà thường thiếu ánh sáng .

+ *Đối với dân tộc Xơ Đăng* :

Bố trí mặt bằng sinh hoạt cũng giống như người Gia rai , song chỉ có điều khác là người Xơ Đăng thường bố trí 3 - 4 cửa chính quay về các hướng , đặc điểm này tạo nên cho nhà đồng bào Xơ Đăng thoáng mát hơn song lại rất hạn chế về diện tích sử dụng .

+ *Đối với dân tộc Êđê* :

Bố trí mặt bằng sinh hoạt cũng giống người Gia rai song có điều khác là người Êđê thường bố trí hướng dọc nhà theo hướng Bắc - Nam. Hai mái đầu hồi đều đưa ra rộng hơn

vách và có diềm mái trang trí, độ dài nhà khác nhau tùy theo điều kiện từng hộ gia đình nhiều hay ít hộ ở chung .

Bố trí cửa chính và phụ đi vào bằng đầu hồi , hai bên dọc nhà có bố trí nhiều cửa sổ nên nhà thoáng , sáng sủa và tận dụng được diện tích sử dụng.

+ *Đối với dân tộc Banar :*

Mặt bằng nhà hình chữ nhật , kích thước ngang thường từ 3,2m - 3,6m . Dọc nhà bước cột gỗ từ 1,5m - 1,7m , mỗi nhà khoảng từ 5 -7 bước .

Bố trí hiên đón và cửa chính ở vị trí giữa nhà , hiên đón thường vuông có kích thước 2,1m x 2,1m , có cầu thang bằng gỗ đểo bậc lên xuống .

Nhà kho nhỏ hơn , kích thước thường 1,2m x 3m , cầu thang lên kho đặt ở đầu hồi và thường bố trí kho gần vị trí cổng ra vào khu vườn nhà .

+ *Đối với dân tộc Gia Lai ( Lâm Đồng ) :*

Kiểu nhà tương đối giống nhà người Kinh , không làm nhà sàn mà làm trên nền đất . Kết cấu nhà bằng khung cột gỗ đặc biệt tường nhà từ nền lên cao 1m đóng gỗ ván nằm ngang , còn lại phần trên đóng gỗ ván đứng. Mái nhà dốc đều hai phía lợp tôn

\**Kết cấu* với hệ thống cột khung nhỏ. Nhà sàn của các đồng bào dân tộc Tây Nguyên có chiều cao gầm sàn từ 1,2m - 1,8m, không gian trong nhà khoảng 2 -2,5m, dưới sàn là nơi để dự trữ củi đốt và chứa dụng cụ sản xuất. Kho lương thực đặt cạnh nhà. Hệ thống khung nhà chủ yếu là cột gỗ tròn, hệ thống cột khung nhỏ hơn nhà sàn của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc, kết cấu đơn giản chủ yếu là “Ngàm” và dùng dây song mây để buộc. Hệ kết cấu bộ khung nhà có hai kiểu: Kiểu hia cột ( cột đòn tay cái - quá giang). Kiểu 4 cột, thêm một vì hai cột quân thấp hơn ở hai bên, quá giang được buộc vào thân cột cái. Khung mái làm vồng cong úp lên hệ thống khung cột

\* *Vật liệu:* Mái chủ yếu lợp bằng cỏ tranh, vách thượng và sàn chủ yếu bằng tre nửa đập dập hoặc đan mỏng, đắp đất (rom trộn bùn). Các khu dân cư gần thị trấn, thị xã, trục đường giao thông đã được lợp bằng ngói, tôn, vách ngăn sàn bằng gỗ ván. Có khác chỉ là cách tổ chức mặt bằng

\* *Mặt đứng* nhà ở của các dân tộc Tây Nguyên cũng có những nét đặc trưng khác nhau, như mặt đứng nhà đồng bào dân tộc Banar khác mặt đứng đồng bào dân tộc JaJai hay Xơ

đăng, mặt đứng của đồng bào dân tộc Êđê... xuất phát là do mặt bằng bố trí khác nhau vì vậy dẫn đến mặt đứng khác nhau.

\* *Trang trí:* Một số dân tộc như Banar, Jalai có đặc trưng của chế độ mẫu hệ, do đó hình thức trang trí nhà ở của họ cũng mang đậm nét đặc trưng này. Tại các căn nhà đều có một điểm chung là giữa nhà bố trí bếp lửa. Hình thức trang trí mái, lối ra vào, cầu thang lên nhà cũng có những đặc trưng khác nhau. Diềm mái nhà của người Banar thường được trang trí bằng một diềm hoa văn bằng tre nứa, mà hình dáng của đường diềm này rất giống đường diềm hoa văn trên váy của phụ nữ Banar trong những ngày lễ hội, có lẽ nó đặc trưng cho một chế độ mẫu quyền một thời kỳ dài của dân tộc Banar. Trước cửa vào nhà của người JaJai, trên hai trụ cột cầu thang người ta thường trạm hai quả bầu - quả bầu đối với người JaJai cũng tượng trưng cho người mẹ, cũng thể hiện cho một chế độ mẫu quyền của dân tộc này. Những biểu tượng của các dân tộc rất phong phú, cùng tượng trưng cho người mẹ, nhưng người JaJai và người Banar hai hình ảnh rất khác nhau và đều tôn sùng người mẹ. Một lối lên nhà (cầu thang) hay các chi tiết trang trí hoa văn của mỗi dân tộc thể hiện trên nhà ở của mình đôi khi cũng rất khác nhau, đồng thời cũng biểu hiện tính đặc trưng của dân tộc mình.

### **III. MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN TÂY NGUYÊN**

#### **III.1. THÍCH ỨNG VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI TỰ NHIÊN**

Do địa hình Tây Nguyên bị chia cắt bởi các hệ thống sông suối và các dãy núi cao, xen kẽ là các cao nguyên tạo ra những cao độ khác nhau. Nên vị trí giữa các buôn làng cách xa nhau thường 3 - 7km. Song việc bố trí khá mềm dẻo theo địa hình, không san ủi để xây dựng, sản xuất. Nhìn chung, đặc điểm phân bố dân cư chủ yếu là tuân theo những quy luật tự nhiên, chưa có những tác động đáng kể của chiến tranh, cũng như các yêu cầu tổ chức lại sản xuất.

Mỗi dân tộc lựa chọn một hệ thống quy hoạch đặc trưng, khác nhau để thích ứng với điều kiện sinh thái của từng vùng. Buôn làng của người Banar hình thành dưới dạng quy hoạch mạng nhện hình gần như tròn hoặc bán nguyệt. Hệ thống đường ngang được chạy song song với đường đồng mức của quả đồi, đồng thời có 3 ÷ 4 tuyến chính chạy vuông góc với đường đồng mức về nhà Rông đặt ở điểm cao nhất của bản làng, các nhà ở đều đặt song song với đường đồng mức. Việc lựa chọn hệ thống giao thông dạng mạng nhện (Dân tộc Banar) và công trình công cộng đặt gần như về phía tâm của buôn làng là một việc làm hợp lý trong điều kiện địa hình miền núi, tránh san ủi nhiều trong quá trình mở hệ thống giao thông nội bộ, tạo ra một khoảng cách đi lại ngắn nhất giữa các nhà, phù hợp cho việc sản xuất lúa rẫy và gần các cánh rừng có điều kiện hái lượm, săn bắt tăng thêm nhu cầu thực phẩm, có gỗ, tre để làm nhà. Khi có

điều kiện xây dựng hệ thống cấp điện và nước và các hệ thống kỹ thuật khác thì việc đầu tư hệ thống đường ống, dây dẫn là ngắn nhất, kinh tế nhất.

Các buôn làng của người Êđê, Jarai thì vị trí của khu ở trước tiên phải là vị trí của nguồn nước sạch và đặc điểm là tất cả các căn nhà trong buôn đều có hai đầu hồi quay về hướng Bắc Nam, đặt so le hoặc song song với nhau, mặt nhà thẳng hàng hoặc so le cùng hướng ra con đường chính xuyên qua buôn làng, các buôn chỉ xoay về một hướng là hướng Bắc, dốc từ Bắc xuống Nam. Khu ở được chọn cũng gắn liền với khu vực sản xuất, là nơi đất đai, địa hình phù hợp cho việc sản xuất lúa rẫy và gần các cánh rừng có điều kiện hái lượm, săn bắt tăng thêm nhu cầu thực phẩm, có gỗ, tre để làm nhà.

Sự thích ứng trong quy hoạch xây dựng được thể hiện qua các giải pháp sau:

### **Giải pháp ô bàn cờ :**

Quy hoạch xây dựng buôn làng có hệ thống giao thông ô bàn cờ là giải pháp xây dựng ở những nơi có địa hình tương đối bằng phẳng hay có độ dốc ít về một phía phù hợp với truyền thống xây dựng của đồng bào các dân tộc Êđê, Jarai. Hệ thống đường được chia theo hình ô bàn cờ :

Ưu điểm : Khu ở gọn gàng, dễ tổ chức và phân chia đất ở. Mỗi hộ có phần đất riêng của mình sẽ có trách nhiệm giữ gìn và trông trọt các loại cây một cách dễ dàng. Khu sản xuất phụ bên cạnh khu ở giải quyết được vấn đề ô nhiễm. Xây dựng các công trình phúc lợi và hạ tầng kỹ thuật thuận lợi.

Nhược điểm : Không phù hợp với cảnh quan tự nhiên của điểm dân cư miền núi. Đất kinh tế vườn không gắn liền với nhà ở tạo ra việc quản lý và đi lại khó khăn. Nhưng đối với đồng bào dân tộc Banar và một số dân tộc khác ở vùng sâu vùng xa tổ chức được một buôn làng có hệ thống giao thông kiểu bàn cờ có nghĩa là tiến hành san ủi một mặt bằng tương đối lớn tốn kém kinh phí, mà kinh phí đó nhẽ ra nên dành để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Một nhược điểm nữa là khoảng cách một số nhà đến khu trung tâm xa, thiếu đất dự trữ phát triển cho xây dựng. Trong quá trình san ủi, đất màu mỡ đã bị san hết, trong khi dân tộc Banar nhiều vùng chưa biết dùng phân gia súc để bón cây, vì vậy hầu hết các buôn làng được xây dựng đã lâu nhưng cây cối trong vườn trơ trọi. Khi dân cư có nhu cầu phát triển, khi có đủ điều kiện để đầu tư các công trình kỹ thuật như cấp điện, cấp nước thì phải chịu tốn kém cho hệ thống kỹ thuật này. Tất nhiên để giải quyết phương án này nhằm tạo điều kiện cho buôn làng tiếp tục phát triển thì phải bổ sung một số yếu tố : Tiến hành khoanh hành lang làm vườn để đồng bào trồng rau xanh và một số cây công nghiệp truyền thống, đồng thời cũng là đất dự trữ cho xây dựng khi dân cư phát triển trong tương lai. Tiến hành bổ sung một số công

trình công cộng trong khu vực nhà rông hiện có để đảm bảo việc học hành , vui chơi giải trí cho đồng bào sau giờ lao động . Tiến hành giao đất , giao rừng cho bản làng để họ tự chăm sóc , bảo vệ và khai thác theo pháp luật .

### **Giải pháp đồng tâm (hệ giao thông dạng mạng nhện)**

Quy hoạch xây dựng buôn làng theo hệ thống giao thông dạng mạng nhện . Giải pháp này áp dụng cho xây dựng buôn làng ở những vùng đồi núi cao , địa hình dốc hơn , thường phù hợp với truyền thống xây dựng buôn làng của đồng bào Banar , Xơ đăng ....

Với giải pháp này trong địa hình điều kiện dốc , phức tạp thì hệ thống giao thông san ủi đỡ tốn kém , được thiết kế chạy song song với các đường đồng mức , đường xá đỡ bị sụt lở về mùa mưa . Với những dạng buôn làng thiết kế theo giải pháp này tạo ra một buôn làng có không gian đẹp , nếu biết nghiên cứu các mẫu nhà ở , mẫu nhà các công trình công cộng mang những nét đặc trưng của đồng bào dân tộc

### **Giải pháp tuyến đồng tâm (bên sườn đồi) :**

Được đặt ra trong điều kiện có đủ các yếu tố thuận lợi như giải pháp đồng tâm song đất đai xây dựng không phải là khu một quả đồi , mà vị trí được đặt bên một sườn núi địa hình dốc, thường phù hợp với dân tộc Banar , Xơ đăng .

Đối với giải pháp này việc tổ chức nhà ở , công trình công cộng được bố trí như giải pháp đồng tâm và nhìn chung giải pháp này cũng có những ưu điểm như giải pháp đồng tâm , song vấn đề giải quyết giao thông trong giải pháp này còn sang giải quyết hệ thống thoát nước mưa , tránh tình trạng đường xá bị xói mòn mạnh trong mùa mưa.

### **Giải pháp đường xương cá :**

Đó là giải pháp xây dựng buôn làng theo hệ thống đường xương cá . Bao gồm một trục đường chính xuyên buôn , dẫn đến khu sản xuất và ra bên ngoài buôn , các trục phụ xuất phát từ trục chính mỗi trục có thể tổ chức một nhóm nhà bao gồm các gia đình có các mối quan hệ với nhau hay từ một nhà dài chia ra.

Ưu điểm : Khu ở tập trung nhưng nhà ở được phân thành từng nhóm độc lập. Có thể phân chia đất cho từng hộ . Xây dựng các công trình phúc lợi và kỹ thuật hạ tầng thuận lợi . Phù hợp với nhiều loại địa hình .

Nhược điểm : Các đường nhánh là đường cụt không thuận tiện giao thông . Nhà ở bố trí theo nhiều hướng

### **Giải pháp phân nhánh :**



Điểm dân cư này được tổ chức thành nhiều nhóm nhà được đặt trên những khu đất thuận lợi cho việc xây dựng và các nhóm nhà được phân cách nhau bởi các khu sản xuất phụ hay các giải cây xanh . Hệ thống giao thông bao gồm một trục chính dẫn từ bên ngoài vào và đưa ra khu sản xuất, từ trục chính này phân ra các nhánh và mỗi nhánh là một nhóm nhà, ở vị trí trung tâm sẽ hình thành một khu công trình công cộng cho cả khu nhà ở, có thể là một xã gồm nhiều buôn hay chỉ là buôn tùy theo quy hoạch chung cũng như địa hình và quy mô của khu ở .

Ưu điểm : Dễ phù hợp với địa hình , có thể ứng dụng phổ biến . Khu sản xuất gần với khu nhà ở . Phù hợp với cách tổ chức buôn làng truyền thống . Gần được với cảnh quan tự nhiên .

Khuyết điểm : Khu ở bị phân tán dẫn đến hệ thống kỹ thuật hạ tầng bị kéo dài . Các công trình công cộng có bán kính phục vụ lớn hơn các khu ở tập trung .

### **Điểm dân cư theo tuyến**

Đối với những khu vực bố trí điểm dân cư có địa hình hẹp không thể mở rộng được hai chiều . Do vậy phải bố trí điểm dân cư chạy dài theo tuyến , các tuyến được chọn nên là các trục đường liên buôn hay liên xã để tiện việc giao lưu. Điểm dân cư có thể chỉ có một tuyến hay có một tuyến chính và 1-2 tuyến phụ tùy điều kiện địa hình, nhưng không nên trải quá dài dẫn đến việc mở rộng bán kính phục vụ. Do vậy chỉ nên áp dụng cho điểm dân cư có quy mô nhỏ . Dọc theo tuyến chính chỉ có một dãy nhà ở bám dọc theo và phía sau là khu đất sản xuất phụ , như vậy khu sản xuất phụ gần như gắn liền với nhà ở tạo điều kiện cho việc chăm sóc nhưng vẫn có một khoảng cách ly cần thiết để không ảnh hưởng đến khu ở . Tổ chức khu ở theo tuyến đường tương tự như cách tổ chức buôn làng truyền thống của đồng bào Êđê , do vậy dễ được tiếp nhận , đất trong khu ở có thể phân riêng cho từng hộ hay được xem như sở hữu chung và không có hàng rào phân cách các căn nhà , tùy theo từng trường hợp đều có thể chấp nhận được một trong hai cách trên .

#### **• Giải pháp một tuyến**

Đối với khu ở có quy mô nhỏ vì một điều kiện nào đó không thể kết hợp được với các buôn khác để tạo thành một điểm dân cư lớn , chỉ cần bố trí nhà dọc theo hai bên tuyến đường chính là đủ , phía sau nhà là khu sản xuất phụ được phân chia cho từng hộ gần như gắn liền với nhà ở rất thuận lợi cho việc chăm sóc nhưng vẫn có khoảng cách ly cần thiết.

Ưu điểm : Phù hợp với cách tổ chức buôn làng truyền thống . Nhà ở gắn liền với sản xuất phụ .

Khuyết điểm : Quy mô nhỏ không đủ để bố trí các công trình phúc lợi . Việc đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng dẫn đến khu ở không thuận lợi .

### • Giải pháp nhiều tuyến

Đối với những điểm dân cư trải dài theo một tuyến quá dài có thể tạo thêm 1-2 tuyến song song với tuyến chính để giảm chiều dài, hoặc những điểm dân cư được bố trí dọc hai bên bờ suối, hai tuyến được phân cách bởi con suối và giải cây xanh dọc suối. Sau từng dãy nhà là khu sản xuất phụ.

Ưu điểm: Tuy bố trí trải dài nhưng vẫn không quá phân tán. Vẫn giữ được theo những phong cách tổ chức khu ở của người Êđê. Gắn được với điều kiện tự nhiên. Gắn được khu ở với khu sản xuất phụ.

Nhược điểm: Các tuyến có khoảng phân cách bởi cây xanh và khu sản xuất phụ tạo nên bán kính phục vụ các công trình phúc lợi và kỹ thuật hạ tầng bị kéo dài.

### III.2. THÍCH ỨNG VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI NHÂN VĂN, SẢN XUẤT.

Mỗi dân tộc Tây nguyên có một truyền thống văn hoá lâu đời, điều đó thể hiện rất rõ qua những đặc trưng trong việc quy hoạch, xây dựng bản làng và nhà ở mỗi dân tộc. Chỉ cần nhìn cách quy hoạch kiểu làng, bố trí nhà ở và kiến trúc công trình ta có thể nhận biết được đó là dân tộc nào. Mỗi một nét trang trí trên công trình đều ghi lại những nét riêng, đặc trưng văn hoá của các dân tộc.

Nói chung với điều kiện sinh thái nhân văn truyền thống lâu đời của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã ảnh hưởng mạnh đến kiến trúc nhà ở cũng như quy hoạch giữa các buôn làng. Mặc dù mỗi dân tộc đều có truyền thống văn hoá mang nét đặc trưng riêng song trong quá trình phân bố đan xen lẫn nhau trong một thời gian dài, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc không loại trừ sự đồng hoá của các dân tộc lớn đối với các dân tộc thiểu số mà kiến trúc nhà ở có những nét ngoại lai, pha trộn giữa các dân tộc nhưng chúng ta vẫn nhận ra được những nét nguyên bản của các dân tộc được thể hiện tinh tế trong kiến trúc nhà ở.

Mỗi dân tộc Tây Nguyên đều có những phong tục, lối sống mang sắc thái riêng, có truyền thống văn hoá đặc trưng, xuất phát từ điều đó mà truyền thống xây dựng làng bản, nhà ở, các công trình văn hoá, công cộng của mỗi dân tộc có những nét riêng. Phong tục, tập quán của các dân tộc Tây Nguyên biểu hiện trong lối sống và sản xuất mang tính cộng đồng cao. Việc ra đời nhà "Đầm" là do vấn đề bán kính đi lại sản xuất cần phải rút ngắn, đỡ mất sức đi lại và kịp thời phục vụ sản xuất. Đặc điểm này rất phù hợp với nguyên lý quy hoạch hệ thống dân cư lâm nghiệp.

Cuộc sống gần gũi hoà nhập với thiên nhiên đã tạo nên đặc điểm phân bố dân cư tuân theo những quy luật tự nhiên, chưa có những tác động của các yêu cầu tổ chức lại sản xuất mà chủ yếu là vừa hoà nhập vừa đối phó với môi trường tự nhiên. Phần lớn các buôn làng đều có

tác động bởi các giải pháp định canh định cư . Trong đời sống hiện nay, hệ thống giao thông được mở mang và nâng cấp, nối liền các điểm dân cư của đồng bào mới đến và điểm dân cư của đồng bào địa phương. Hệ thống mạng lưới dân cư dày đặc hơn, tạo điều kiện giao lưu giữa điểm dân cư nông thôn và thành thị giữa người Kinh và đồng bào dân tộc tại chỗ, có tác dụng kích thích nhau để phát triển, đời sống văn hoá tinh thần của đồng bào được nâng cao rõ rệt . Đất làm khu ở có khả năng bố trí làm kinh tế vườn và chủ yếu là trồng cây công nghiệp ( cà phê , chè , ...) . Việc bố trí dựa theo nguồn nước suối không còn được coi trọng , vì đồng bào đã quen dần việc sử dụng nguồn nước ngầm .

Tóm lại, cuộc sống của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên luôn luôn gắn liền với môi trường sinh thái, điều kiện tự nhiên. Điều đó thể hiện rõ nét từ nếp ăn ở đến hình thức kiến trúc, quy hoạch các bản làng, sự giao thoa giữa các nền văn hoá, cũng như quá trình định canh định cư, và di dân tự do đã đem lại cho kiến trúc ở Tây Nguyên sự phong phú đa dạng song vẫn mang những nét đặc thù truyền thống của mỗi dân tộc.

Các giải pháp quy hoạch kiến trúc đã đảm bảo được một số các yếu tố cơ bản: Kế thừa một truyền thống xây dựng buôn làng lâu đời của từng dân tộc. Phát huy những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm, đưa được ra những nguyên lý quy hoạch hiện đại vào một cách hài hoà. Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa bàn cư trú như điều kiện địa hình, đất đai xây dựng , thiên nhiên khí hậu, thời tiết , đặc biệt là mô hình sinh sống và đối tượng sản xuất để xây dựng buôn làng. Việc quy hoạch xây dựng buôn làng đã tính đến đất dự trữ phát triển điểm dân cư đó cho 10 đến 15 năm sau, đồng thời đã tính toán trước những khả năng từng bước đô thị hoá những điểm dân cư đó khi có điều kiện. Tính toán xây dựng một số công trình văn hoá phục vụ công cộng với quy mô hợp lý trong giai đoạn trước mắt và dự trữ đất phát triển cùng với sự phát triển dân số trong điểm dân cư theo từng giai đoạn . Đã quy hoạch đường giao thông đi lại thuận lợi giữa các điểm dân cư với nhau và với các điểm dân cư đô thị để tạo điều kiện giao lưu văn hoá , đây là yếu tố quan trọng để sớm nâng cao trình độ dân cư của đồng bào ./.

Quy mô các điểm dân cư nông thôn ở Tây Nguyên phổ biến 100 - 200 hộ (40 - 50%), loại quy mô > 200 hộ còn ít (10 -15%), loại dưới 50 hộ rất ít (3- 5%), số còn lại có quy mô 50 - 200 hộ .

Dân cư phân bố theo dạng tuyến dọc đường tỉnh lộ, huyện lộ ít phân bố trong nội đồng và không lệ thuộc vào bán kính canh tác .

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ dân số vùng Tây Nguyên hiện có 4,1 triệu người, trong đó có tỷ lệ đồng bào dân tộc ít người chiếm khoảng 34%, người Kinh chiếm 66% dân số. Mật độ dân số thấp 56,8 người/km<sup>2</sup>. Phân bố dân cư không đồng đều, tập trung chủ yếu tại các khu vực đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là vùng trồng cây công nghiệp mật độ dân cư 300 ÷ 500 người/km<sup>2</sup>. Ở các đô thị phát triển và vùng phụ cận, mật độ dân cư 500 ÷ 2000 người/km<sup>2</sup>. Ngược lại, ở các vùng lâm nghiệp, mật độ dân số 50 người/km<sup>2</sup>, nơi thấp nhất dưới 10 người/km<sup>2</sup>.

Dân cư phân bố phần lớn theo các tuyến giao thông nhằm sử dụng lợi thế của hạ tầng kỹ thuật.

Làng bản phân bố thưa thớt thông thường một vài km mới có một làng bản. Quy mô làng bản cũng không mấy giống nhau có những bản chỉ có 20÷30 nóc nhà. Đó là vấn đề khó khăn cho những nhà nghiên cứu kiến trúc khi đặt ra các nhu cầu về xây dựng các công trình văn hoá, giáo dục, y tế phục vụ đồng bào.

### **III.1.2. Các yếu tố nhân diện không gian**

Mỗi dân tộc Tây nguyên có một truyền thống văn hoá lâu đời, điều đó thể hiện rất rõ qua những đặc trưng trong việc quy hoạch, xây dựng bản làng và nhà ở mỗi dân tộc. Chỉ cần nhìn cách quy hoạch kiểu làng, bố trí nhà ở và kiến trúc công trình ta có thể nhận biết được đó là dân tộc nào. Mỗi một nét trang trí trên công trình đều ghi lại những nét riêng, đặc trưng văn hoá của các dân tộc.

Đối với các đồng bào dân tộc Tây Nguyên, việc xây dựng buôn làng cũng theo truyền thống của mỗi dân tộc, cái chung nhất của họ là mật độ nhà ở trong buôn làng dày đặc gần nhau. Khu ở thường được đặt ở những vùng đất tương đối bằng phẳng để thuận tiện cho việc

xây dựng. Đối với những căn nhà dài, nếu độ dốc càng lớn, độ chênh lệch giữa hai đầu càng cao, do vậy thường các khu đất này ít khi dốc trên 5%. Không bố trí vườn rau hoặc vườn cây ăn trái trong buôn làng, buôn làng trồng ít bóng cây xanh. Gia súc, gia cầm chăn thả tự nhiên, sống dưới gầm các nhà sàn. Vì vậy diện tích chiếm đất xây dựng buôn làng rất ít. Một điểm giống nhau nữa là hầu hết buôn làng của các dân tộc Tây Nguyên bố trí cách xa đường giao thông chính, xa các điểm dân cư đô thị, thường đặt gần nguồn nước mạch và trên một quả đồi thoải, có diện tích rộng rãi hoặc bên sườn núi.

Khoảng cách giữa các buôn làng thường 3 ÷ 5km, thậm chí có khi đi bộ hết nửa ngày. Các buôn làng thường phải ở sâu, đi lại khó khăn để kẻ thù khó tấn công do ảnh hưởng của những cuộc chiến tranh trước đây đồng thời để tránh sự tấn công của thú dữ. Xung quanh buôn làng thường được bao bọc bằng một hệ thống hàng rào chắc chắn bằng lồ ô vót nhọn cắm dựa vào nhau tránh sự đột nhập của kẻ thù hoặc người lạ mặt vào làng. Thông thường, buôn làng chỉ bố trí một cổng chính và một cổng phụ để ra vào làng.

Mỗi dân tộc lựa chọn một hệ thống giao thông đặc trưng, khác nhau. Buôn làng của người Banar hình thành dưới dạng mạng nhện hình gần như tròn hoặc bán nguyệt. Hệ thống đường ngang được chạy song song với đường đồng mức của quả đồi, đồng thời có 3 ÷ 4 tuyến chính chạy vuông góc với đường đồng mức về nhà Rông đặt ở điểm cao nhất của bản làng, các nhà ở đều đặt song song với đường đồng mức. Buôn làng của người Êđê thường bố trí các nhà song song với nhau, mặt nhà thẳng hàng hoặc so le cùng hướng ra con đường chính xuyên qua buôn làng, các buôn chỉ xoay về một hướng là hướng Bắc, dốc từ Bắc xuống Nam.

Nhìn chung, cùng trên một địa bàn cư trú, cùng có những điều kiện địa lý, tự nhiên tương tự như nhau. Do đó, cách tổ chức làng bản của nhiều dân tộc có những nét giống nhau. Đồng thời, cũng có những nét riêng biệt đặc trưng cho từng dân tộc tùy thuộc điều kiện tự nhiên cụ thể, cùng với truyền thống văn hoá của mỗi dân tộc.

### **III.1. 3. Hình thức tổ chức sản xuất**

Tây Nguyên là vùng kinh tế mới phát triển, trong những năm qua kinh tế - xã hội vùng đã có những bước tiến đáng kể, nhưng nhiều mặt chưa đạt mức trung bình của cả nước, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn thấp kém, dịch vụ thương mại và du lịch (trừ các điểm du lịch nổi tiếng như Đà Lạt-Lâm Đồng) chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

Tốc độ phát triển gần ngang mức trung bình toàn quốc (8%). Kinh tế nông thôn đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, đặc biệt là cà phê, cao su, cây điều có giá trị xuất khẩu lớn và trở thành kinh tế mũi nhọn của vùng. Phát triển kinh tế vùng chủ yếu ở các vùng có tiềm năng lớn về sản xuất công nghiệp (cây công nghiệp) và khu định canh định cư. Vũng sâu, vùng

xa còn kém phát triển, chủ yếu sống bằng hái lượm lâm sản, săn bắt thú rừng, đốt rẫy chọc tỉa. Sản xuất lâm nghiệp chưa cân đối với bảo vệ môi trường. Trình độ kỹ thuật công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất còn lạc hậu.

### III.1. 4. Hình thái tổ chức cộng đồng xã hội

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ dân số vùng Tây Nguyên hiện có 4,1 triệu người, trong đó có tỷ lệ đồng bào dân tộc ít người chiếm khoảng 34%, người Kinh chiếm 66% dân số. Trên địa bàn Tây Nguyên có trên 36 dân tộc khác nhau cư trú xen kẽ. Trong đó, có 12 dân tộc cư trú lâu đời tại Tây Nguyên là : Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho, Xơ đăng, Xtiêng, Gié triêng, Mạ, Chu ru, Brâu, Rơ năm. Dân tộc Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho chiếm một tỷ lệ tương đối lớn so với dân tộc ít người ở Tây Nguyên.

Ngoại trừ người Kinh là người mới đến cư trú tập trung tại các thị xã, thị trấn và trung tâm huyện lỵ, còn hầu hết các dân tộc ít người cư trú chủ yếu ở nông thôn với lãnh thổ tộc người khá rõ rệt và những buôn, làng có sắc thái khác nhau ở từng vùng và từng dân tộc.

- Tỉnh Kontum có các dân tộc : Banar, Gié triêng, Brâu, Rơ măm, Xơ Đăng, Gia rai. Dân tộc Banar chiếm số đông và ở các huyện : Đắc Pốt, Kôn Plông, An Khê và ngoại vi thị xã Kontum.

- Tỉnh Gia Lai có dân tộc Gia rai gồm 5 nhóm : Hơ Đung, Tbulan, Mthur, Chor và Arap.

- Tỉnh Đắk Lắk tập trung 2 dân tộc chính : Êđê và Mnông. Dân tộc Êđê có nhiều nhóm : Kpa, Adtham , Krung, Mthur, Ruê, Blô, Kdrao.

- Tỉnh Lâm Đồng có các dân tộc chủ yếu : Chu Ru, Cơ Ho, Mạ.

Nơi cư trú của dân tộc ít người ở Tây Nguyên như sau :

+ Dân tộc Gia rai : gồm 5 nhóm : Hơ đung, Tbulan, M Thực, Choe và Aráp cư trú chủ yếu ở phía Tây thị xã Kontum, chiếm chọn cao nguyên Pleiku bằng phẳng, màu mỡ và phần lớn thung lũng A YunPa.

+ Dân tộc Êđê : có nhiều nhóm nhỏ : Kpả, Adtham, Krung, Mthực, Ktul, Ruê, Blô, Kdrao... cư trú phần lớn tại tỉnh Đắk Lắk, chủ yếu tập trung ở vùng trung tâm và các huyện Krông Buk, M'Đrak.

+ Dân tộc Banar : có nhiều nhóm nhỏ thường mang tên nơi cư trú : Banadông, Banatây, BanaB' nằm cư trú ở phía Nam Kontum, chủ yếu ở các huyện : Đak Pốt, Kon Plông, An Khê và ngoại vi thị xã Kontum, ngoài ra còn ở Nghĩa Bình, Khánh Hoà và Đắk Lắk.

+ Dân tộc Xơ đăng : (còn gọi là Xơ teng) cư trú ở phía Bắc cao nguyên Pleiku và các nơi :

huyện Kon Plông và Đăk tô (Kontum).

+ Dân tộc Bnâu : làng nhỏ gọi là Snúc cư chú ở huyện Đăk Tô (Kontum).

+ Dân tộc Mơ Nông : Gồm các nhóm : M'Nông, M'Nông Pre, M'Nông Gar, M'Nông Kuen, M'Nông Chil cư trú ở phía Nam Đăk Lak và phía Tây tỉnh Lâm Đồng, tập trung ở các huyện Lak, Đak Nông, Đak Mil tỉnh Đăk Lăk.

+ Dân tộc Xtiêng còn gọi là : Xa Điêng, Bu Lách, Bul, Bu Lo, Bu Dip cư trú ở dọc biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc tỉnh Lâm Đồng và sông Bé.

+ Dân tộc Mạ : còn có tên : Chên Mạ, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung cư trú trên cao nguyên Di Linh (thuộc các huyện Di Linh, Bảo Lộc, Đrác trong tỉnh Lâm Đồng).

+ Dân tộc Cơ Ho : còn có tên : Cho Xrre, Nộp, Codon, cư trú tại huyện Lạc Dương, Đức Trọng, Bảo Lộc, Di Linh, Đa Huoai, Đà Lạt (Lâm Đồng) và một số huyện thuộc tỉnh Đồng Nai...

Các sinh hoạt còn phụ thuộc vào nhiều tập tục cũ, mặc dù các bản làng đều có thôn trường, nhưng sự điều hành trong làng bản đối với vai trò già làng còn rất lớn, các thủ tục lễ hội, ma chay chiếm mất nhiều thời gian và tốn kém kinh tế.

Về ngôn ngữ các dân tộc ít người miền núi phía Bắc Tây Nguyên : Banar, Gié triêng, Sơ đăng, Hrê, Bru, Vân kiều... thuộc ngôn ngữ Kơ me. Các dân tộc Êđê, JaJai, Chu ru thuộc ngôn ngữ MalaiYo - Polinêđi dòng nam đảo.

Mỗi dân tộc Tây Nguyên đều có những phong tục, lối sống mang những phong thái riêng, có một truyền thống văn hóa đặc trưng, xuất phát từ điều đó mà truyền thống xây dựng làng bản, nhà ở, công trình văn hóa của mỗi dân tộc cũng có những nét đặc trưng riêng.

Tuỳ thuộc cuộc sống khó khăn, song đời sống tinh thần phong phú, Người Tây Nguyên tự chế tạo những loại nhạc cụ đặc trưng như : Đàn Trưng, đàn Krông pút, đàn đá, nổi tiếng và nhiều loại nhạc cụ khác.

### **III.2 ĐẶC TRƯNG KIẾN TRÚC CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH Ở TÂY NGUYÊN :**

#### **b. Đặc trưng kiến trúc nhà ở**

Truyền thống xây dựng nhà ở của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đều là nhà sàn. Nhà sàn của các đồng bào dân tộc Tây Nguyên với hệ thống cột khung nhỏ hơn nhà sàn của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc và chiều cao gầm sàn từ 1,2 ÷ 1,8m, không gian trong nhà khoảng 2 ÷ 2,5m. Việc xây dựng nhà sàn của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên do nhiều nguyên nhân :

- Chống thú dữ: Giữa núi rừng hoang dã, từ xa xưa khi mà thú dữ như hổ, lợn lòi và một số loài khác chưa bị tình trạng báo động diệt chủng như hiện nay thì việc chống thú dữ (đặc biệt vào đêm) là một vấn đề quan tâm hàng đầu với đồng bào dân tộc và nhà sàn là một biện pháp chống thú dữ.

- Phù hợp với địa hình đồi núi : Trong mọi điều kiện địa hình cho phép thì việc xây dựng nhà sàn không cần san ủi, thi công xây dựng nhanh và chống được sỏi lở mùa mưa.

- Phù hợp với điều kiện sinh hoạt vệ sinh : Do việc sinh hoạt từ nấu ăn, ăn uống, ngủ đều thực hiện quanh bếp lửa nhà sàn vì vậy tiện cho việc tiêu thoát nước và nhanh khô ráo. Đặc biệt là giữa rừng già thì nhà sàn tạo ra sự thoáng mát về mùa hè, khô ráo về mùa mưa.

Việc xây dựng nhà sàn để ở là xuất phát từ một điều kiện sống cụ thể, một môi trường thiên nhiên cụ thể, để bảo tồn giống nòi của mình, con người luôn luôn phải chống trả kẻ thù “hai chân và bốn chân” để tồn tại phát triển. Việc đó nó đã ăn sâu vào tiềm thức, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, điều đó nó đã ăn sâu vào máu thịt của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Sắc thái trên mỗi căn nhà, cách trang trí trên mỗi căn nhà đều được thể hiện rõ sắc thái của từng dân tộc Tây Nguyên, cũng là nơi ngồi uống rượu, già gạo, đan lát nhưng cách bố trí của người Banar khác với người JaJai, khác với người Xơ đăng và khác với người Êđê.

Những nét đặc thù của mỗi dân tộc cũng rất khác nhau : Diềm mái nhà của người Banar xưa được trang trí bằng một hàng hoa văn, mà hàng hoa văn này giống như được trang trí diềm váy của phụ nữ mặc vào ngày lễ hội. Điều đó tượng trưng cho một xã hội sống theo chế độ “mẫu quyền”. Người JaJai cũng thể hiện chế độ “mẫu quyền” theo cách : Trên hai cột từ cầu thang vào nhà thường tạc hai quả bầu. Với họ, quả bầu tượng trưng cho người mẹ. Và các dân tộc khác cũng vậy, họ đều có những cách trang trí, những biểu tượng riêng thể hiện trong xây dựng nhà ở mà ta dễ nhận biết đó là dân tộc nào.

Từ những điều đó để chúng ta thấy rằng, mỗi dân tộc đều có truyền thống một văn hoá riêng, và truyền thống đó được thể hiện rất tinh tế trong lĩnh vực xây dựng nhà ở. Nếu bỗng nhiên điều kiện đó mất thì họ cảm thấy ngôi nhà đó hoàn toàn xa lạ với họ dù là căn nhà đó to cao và kiên cố.

Nhìn chung, mỗi dân tộc đều có những nét đặc thù riêng trong việc bố trí nhà ở của mình. Song trong quá trình bố trí đan xen giữa các dân tộc qua một thời gian dài, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc diễn ra và trong quá trình đó các dân tộc có quy mô dân số lớn hơn sẽ đồng hoá các dân tộc có ít dân cư trú trong địa bàn của mình. Ví dụ như một số buôn làng của người JaJai sống trên địa bàn cư trú của người Banar thì việc xây dựng nhà ở của họ cũng mang đậm



nét của người Banar, hay một vài buôn của dân tộc Banar, Xơ đăng đóng trên địa bàn cư trú của dân tộc JaJai thì việc xây dựng nhà ở của họ cũng mang những nét nhà ở của đồng bào dân tộc JaJai.

Nhưng trong mặt bố trí của căn nhà, chúng ta thấy có một điểm chung là đều phải bố trí bếp lửa, bởi lẽ điều kiện môi trường cư trú của các dân tộc giống nhau; song số lượng bếp lửa, vị trí đặt của mỗi dân tộc có khác nhau.

- Bếp lửa có tác dụng sưởi ấm cho gia đình trong lúc ăn cơm, lúc sinh hoạt trong nhà, lúc ngủ trong điều kiện khí hậu núi rừng lạnh lẽo, trong điều kiện sinh hoạt của đồng bào dân tộc là thiếu áo ấm, thiếu chăn đắp ấm...

- Bếp lửa còn có tác dụng nhanh làm khô ráo nơi ở và sinh hoạt trong điều kiện hầu hết các sinh hoạt của đồng bào là ăn, rửa tại chỗ.

- Bếp lửa có tác dụng đuổi muỗi, chống được bệnh sốt rét và một số bệnh dịch truyền qua muỗi trong điều kiện người dân ngủ không có màn hoặc có thói quen ngủ không màn.

- Ánh lửa còn có tác dụng chống thú dữ trong đêm .

- Bếp lửa là nơi cả gia đình đoàn tụ sau một ngày làm việc, nghe người già kể chuyện về dân tộc mình, có chuyện cần lưu lại cho các đời con cháu, và từ đó bếp lửa là một "vị thần" trong nhà, bếp lửa đã đi vào đời sống tâm linh của đồng bào.

Nó cũng giống như nhiều tộc người trên thế giới trước đây, thậm chí đối với người Kinh, bếp lửa trong nhà đã gắn bó suốt bao đời, bao thế hệ, khi đời sống kinh tế phát triển, nơi ngủ, đồ mặc đã đủ ấm, ngủ có màn chống muỗi thì bếp lửa sẽ dần mất đi hoặc thay thế bằng những lò sưởi văn minh hơn mà nhiều dân tộc ở vùng lạnh vẫn đang dùng, thậm chí những ống khói nhà sưởi vẫn còn tồn tại ở các biệt thự thời Pháp xây dựng tại Hà Nội và nhiều nơi ở Việt Nam.

Mặt đứng nhà ở của các dân tộc Tây Nguyên cũng có những nét đặc trưng khác nhau, như mặt đứng nhà đồng bào dân tộc Banar khác mặt đứng đồng bào dân tộc JaJai hay Xơ đăng, mặt đứng của đồng bào dân tộc Êđê... xuất phát là do mặt bằng bố trí khác nhau vì vậy dẫn đến mặt đứng khác nhau.

Tuy nhiên ngay hình thức trang trí mái, lối ra vào, cầu thang lên nhà cũng có những đặc trưng khác nhau. Diềm mái nhà của người Banar thường được trang trí bằng một diềm hoa văn bằng tre nứa, mà hình dáng của đường diềm này rất giống đường diềm hoa văn trên váy của phụ nữ Banar trong những ngày lễ hội - có lẽ nó đặc trưng cho một chế độ mẫu quyền một thời kỳ dài của dân tộc Banar. Trước cửa vào nhà của người JaJai, trên hai trụ cột cầu thang người ta thường trạm hai quả bầu - quả bầu đối với người JaJai cũng tượng trưng cho người mẹ,

cũng thể hiện cho một chế độ mẫu quyền của dân tộc này. Những biểu tượng của các dân tộc rất phong phú, cùng tượng trưng cho người mẹ, nhưng người JaJai và người Banar hai hình ảnh rất khác nhau và đều tôn sùng người mẹ. Một lối lên nhà (cầu thang) hay các chi tiết trang trí hoa văn của mỗi dân tộc thể hiện trên nhà ở của mình đôi khi cũng rất khác nhau, đồng thời cũng biểu hiện tính đặc trưng của dân tộc mình.

### **b. Đặc trưng kiến trúc công trình công cộng - Nhà Rông ở Tây Nguyên**

Nhà Rông là một công trình kiến trúc công cộng của đồng bào Tây Nguyên . Hầu hết các dân tộc Tây Nguyên để có nhà Rông (trừ nhóm người Chor và người Êđê). Khi nhóm nhà ở dân cư được hình thành và xây xong nhà ở của gia đình là tiến hành ngay việc xây dựng nhà Rông. Nhà Rông được xây dựng ở khu đất rộng giữa buôn làng. Mỗi buôn làng có vài chục nóc nhà. Những bản đồng người hoặc có nhiều chi tộc thì có tới hai, ba nhà Rông, có nhà quy mô quá lớn chứa tới hai ba trăm người. Nhà Rông mang đậm nét hình thái và dấu ấn chức năng của một xã hội nguyên sơ. Một công trình độc đáo về kiến trúc nghệ thuật biểu tượng đẹp nhất của đồng bào Tây Nguyên, tương tự như ngôi đình làng của dân tộc kinh ở miền xuôi .

Nhà Rông được cái buôn làng tổ chức một “ Hội đồng già làng “ đứng đầu là “ chủ làng “ và là chủ nhà Rông quản lý thực hiện mọi luật lệ , tập tục của buôn làng với chức năng nhiệm vụ chính như sau :

- Người của buôn làng từ khi mới sinh ra phải làm lễ cúng nhà Rông gọi là “lễ hiến sinh“ , lễ đặt tên và thổi tai “é plei chắt con“. Đến tuổi thành niên ”làm lễ thành định“ được gia nhập cộng đồng người lớn ra ở tập thể tại nhà Rông cùng với những người chưa vợ. Họ tách khỏi ra đình sống ở tập thể thực hiện các nghĩa vụ của người thanh niên đối với buôn langf và đất nước. Những năm tháng sống ở nhà Rông được già làng ra giáo dục dạy nghề cần thiết phục vụ cho đời sống và xã hội, khi lấy vợ về ở cùng với vợ.

- Nhà Rông là nơi thực hiện các nghi lễ nghi tôn giáo tín ngưỡng của buôn làng như : Nơi thờ “Hòn đá thiêng“ “lưoi sét chữa bệnh“. Thờ các vị thần tạo hoá, thần cấp cao thần cấp thấp ... Các nghi lễ liên quan đến sản xuất: Lễ cúng thần lửa, thần lúa, thần nông nghiệp , thần núi, thần nước. Lễ chọn rừng, phát rẫy, trỉa hạt, lễ mừng thu hoạch ăn mừng lúa mới. Các nghi lễ liên quan đến sức khoẻ như: Lễ cầu an, cúng khi trong làng có dịch, lễ rửa sui, cúng thần làng, các lễ tạ ơn, mừng ở nhà mới, lễ mừng chiến thắng . . .

- Nhà Rông là nơi bảo tồn lưu giữ những hiện vật quý giá như giống ngũ cốc, đầu sừng trâu, dê thú rừng; các loại nhạc cụ, đàn công, chiêng, trống lớn, khiêng thờ và lưu giữ các chiến tích, các vũ khí ....

- Nhà Rông là câu lạc bộ sinh hoạt văn nghệ vui chơi giải trí : ca hát, tấu nhạc cụ, nhảy múa, luyện tập võ nghệ, quân sự .

- Nhà Rông là nơi thực hiện các kế hoạch công việc của buôn làng, sau cách mạng tháng 8 nhà Rông được sử dụng sinh hoạt học tập phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và còn là nơi tiếp khách của cả buôn làng .

- Về nội dung tích chất sử dụng của nhà Rông với dân tộc Tây Nguyên; về cơ bản giống nhau song về mặt kiến thức mỗi nơi có những nét khác nhau mang tính đa dạng phong phú của từng địa phương .

- Tóm lại nhà Rông đối với cư dân Bắc Tây Nguyên . Suốt cả cuộc đời từ khi sinh ra lớn lên , trưởng thành đến lúc qua đời đều gắn bó nghĩa tình sâu nặng với nhà Rông . Nhà Rông đã in sâu trong tâm thức của người trai làng , gắn kết quan hệ trong cộng đồng buôn làng để khắc phục thiên nhiên, đấu tranh xã hội để tồn tại mãi mãi đến ngày nay và mai sau .

### **III.3. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC HIỆN TRẠNG VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN ĐỊA PHƯƠNG KHẢO SÁT.**

Điều kiện sinh thái nhân văn truyền thống lâu đời của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã ảnh hưởng mạnh đến kiến trúc nhà ở cũng như quy hoạch giữa các buôn làng. Mặc dù mỗi dân tộc đều có truyền thống văn hoá mang nét đặc trưng riêng song trong quá trình phân bố đan xen lẫn nhau trong một thời gian dài, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc không loại trừ sự đồng hoá của các dân tộc lớn đối với các dân tộc thiểu số mà kiến trúc nhà ở có những nét ngoại lai, pha trộn giữa các dân tộc nhưng chúng ta vẫn nhận ra được những nét nguyên bản của các dân tộc được thể hiện tinh tế trong kiến trúc nhà ở.

Qua sơ đồ mạng lưới điểm dân cư thực trạng giai đoạn này ta có thể rút ra một số kết luận như sau :

- Phần lớn các buôn làng đều có tác động bởi các giải pháp định canh định cư .

- Hệ thống giao thông được mở mang và nâng cấp, nối liền các điểm dân cư của đồng bào mới đến và điểm dân cư của đồng bào địa phương. Hệ thống mạng lưới dân cư dày đặc hơn, tạo điều kiện giao lưu giữa điểm dân cư nông thôn và thành thị giữa người Kinh và đồng bào dân tộc tại chỗ, có tác dụng kích thích nhau để phát triển, đời sống văn hoá tinh thần của đồng bào được nâng cao rõ rệt .

---

- Đất làm khu ở phải có khả năng bố trí làm kinh tế vườn và chủ yếu là trồng cây công nghiệp ( cà phê , chè , ... ) .

- Việc bố trí dựa theo nguồn nước suối không còn được coi trọng , vì đồng bào đã quen dần việc sử dụng nguồn nước ngầm .

Các giải pháp quy hoạch kiến trúc đã đảm bảo được một số các yếu tố cơ bản: Kế thừa một truyền thống xây dựng buôn làng lâu đời của từng dân tộc. Phát huy những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm, đưa được ra những nguyên lý quy hoạch hiện đại vào một cách hài hoà. Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa bàn cư trú như điều kiện địa hình, đất đai xây dựng , thiên nhiên khí hậu, thời tiết , đặc biệt là mô hình sinh sống và đối tượng sản xuất để xây dựng buôn làng. Việc quy hoạch xây dựng buôn làng đã tính đến đất dự trữ phát triển điểm dân cư đó cho 10 đến 15 năm sau, đồng thời đã tính toán trước những khả năng từng bước đô thị hoá những điểm dân cư đó khi có điều kiện. Tính toán xây dựng một số công trình văn hoá phục vụ công cộng với quy mô hợp lý trong giai đoạn trước mắt và dự trữ đất phát triển cùng với sự phát triển dân số trong điểm dân cư theo từng giai đoạn . Đã quy hoạch đường giao thông đi lại thuận lợi giữa các điểm dân cư với nhau và với các điểm dân cư đô thị để tạo điều kiện giao lưu văn hoá , đây là yếu tố quan trọng để sớm nâng cao trình độ dân cư của đồng bào ./.

## MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÙNG TÂY NGUYÊN CỦA VIỆT NAM

### I. ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THUỘC CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN.

#### I.1. Đặc điểm các khu dân cư đồng bào dân tộc Tây Nguyên :

##### I.1.1. Về phân bố dân cư :

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ dân số vùng Tây Nguyên hiện có 4,1 triệu người, trong đó có tỷ lệ đồng bào dân tộc ít người chiếm khoảng 34%, người Kinh chiếm 66% dân số. Trên địa bàn Tây nguyên có trên 36 dân tộc khác nhau cư trú xen kẽ. Trong đó, có 12 dân tộc cư trú lâu đời tại Tây Nguyên là : Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho, Xơ đăng, Xtiêng, Gié triêng, Mạ, Chu ru, Brâu, Rơ năm. Dân tộc Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho chiếm một tỷ lệ tương đối lớn so với dân tộc ít người ở Tây Nguyên.

Mật độ dân số thấp 56,8 người/km<sup>2</sup>. Phân bố dân cư không đồng đều, tập trung chủ yếu tại các khu vực đất canh tác nông nghiệp, đặc biệt là vùng trồng cây công nghiệp mật độ dân cư 300 ÷ 500 người/km<sup>2</sup>. Ở các đô thị phát triển và vùng phụ cận , mật độ dân cư 500 ÷ 2000 người/km<sup>2</sup>. Ngược lại, ở các vùng lâm nghiệp, mật độ dân số 50 người/km<sup>2</sup>, nơi thấp nhất dưới 10 người/km<sup>2</sup>.

Dân cư phân bố phần lớn theo các tuyến giao thông nhằm sử dụng lợi thế của hạ tầng kỹ thuật.

Làng bản phân bố thưa thớt thông thường một vài km mới có một làng bản. Quy mô làng bản cũng không mấy giống nhau có những bản chỉ có 20÷30 nóc nhà. Đó là vấn đề khó khăn cho những nhà nghiên cứu kiến trúc khi đặt ra các nhu cầu về xây dựng các công trình văn hoá, giáo dục, y tế phục vụ đồng bào.

##### I.1.2. Cơ cấu phân bố dân cư các dân tộc Tây Nguyên :

Ngoại trừ người Kinh là người mới đến cư trú tập trung tại các thị xã, thị trấn và trung tâm huyện lỵ, còn hầu hết các dân tộc ít người cư trú chủ yếu ở nông thôn với lãnh thổ tộc người khá rõ rệt và những buôn, làng có sắc thái khác nhau ở từng vùng và từng dân tộc. Nơi cư trú của dân tộc ít người ở Tây Nguyên như sau :

+ Dân tộc Gia rai : gồm 5 nhóm : Hơ đưng, Tbulan, M Thực, Choe và Aráp cư trú chủ yếu ở phía Tây thị xã Kontum, chiếm chôn cao nguyên Pleiku bằng phẳng, màu mỡ và phần lớn thung lũng A YunPa.

+ Dân tộc Êđê : có nhiều nhóm nhỏ : Kpả, Ađtham, Krung, Mthực, Ktul, Ruê, Blô, Kdrao... cư trú phần lớn tại tỉnh Đắk Lắk, chủ yếu tập trung ở vùng trung tâm và các huyện Krông Buk, M'Đrak.

+ Dân tộc Banar : có nhiều nhóm nhỏ thường mang tên nơi cư trú : Banadông, Banatây, BanaB' nằm cư trú ở phía Nam Kontum, chủ yếu ở các huyện : Đak Pốt, Kon Plông, An Khê và ngoại vi thị xã Kontum, ngoài ra còn ở Nghĩa Bình, Khánh Hoà và Đắk Lắk.

+ Dân tộc Xơ đăng : (còn gọi là Xơ teng) cư trú ở phía Bắc cao nguyên Pleiku và các nơi : huyện Kon Plông và Đăk Tô (Kontum).

+ Dân tộc Bnâu : làng nhỏ gọi là Snúc cư chú ở huyện Đăk Tô (Kontum).

+ Dân tộc Mơ Nông : Gồm các nhóm : M'Nông, M'Nông Pre, M'Nông Gar, M'Nông Kuen, M'Nông Chil cư trú ở phía Nam Đăk Lak và phía Tây tỉnh Lâm Đồng, tập trung ở các huyện Lak, Đak Nông, Đak Mil tỉnh Đak lak.

+ Dân tộc Xtiêng còn gọi là : Xa Điêng, Bu Lách, Bul, Bu Lo, Bu Dip cư trú ở dọc biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc tỉnh Lâm Đồng và sông Bé.

+ Dân tộc Mạ : còn có tên : Chên Mạ, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung cư trú trên cao nguyên Di Linh (thuộc các huyện Di Linh, Bảo Lộc, Đrúc trong tỉnh Lâm Đồng).

+ Dân tộc Cơ Ho : còn có tên : Cho Xrre, Nộp, Codon, cư trú tại huyện Lạc Dương, Đức Trọng, Bảo Lộc, Di Linh, Đa Huoai, Đà Lạt (Lâm Đồng) và một số huyện thuộc tỉnh Đồng Nai...

Quy mô các điểm dân cư nông thôn ở Tây Nguyên phổ biến 100 ÷ 200 hộ (40 ÷ 50%), loại quy mô lớn hơn 200 hộ còn ít (10 ÷ 15%), loại dưới 50 hộ rất ít (3 ÷ 5%), số còn lại có quy mô 50 ÷ 200 hộ.

Dân cư phân bố theo dạng tuyến dọc đường tỉnh lộ, huyện lộ ít phân bố trong nội đồng và không lệ thuộc vào bán kính canh tác.

### **1.1.3. Truyền thống quy hoạch xây dựng buôn làng (Plây) của dân tộc Tây Nguyên :**

Tây Nguyên có trên 36 dân tộc cư trú xen kẽ, trong đó có 12 dân tộc cư trú lâu đời tại Tây Nguyên là : Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho, Xơ đăng, Mnông, Xtiêng, Gié triêng, Mạ, Chu ru, Brâu, Rơ năm. Đặc biệt là dân tộc Brâu chỉ có 231 người và dân tộc Rơ năm có 227 người, một số dân tộc có dân số tương đối lớn so với các dân tộc Tây Nguyên như Ja Jai, Êđê, Banar, Cơ ho... Mỗi dân tộc Tây nguyên có một truyền thống văn hoá lâu đời, điều đó thể hiện rất rõ phong cách xây dựng bản làng và nhà ở mỗi dân tộc. Chỉ cần nhìn cách bố trí nhà ở và kiến trúc công trình ta có thể nhận biết được đó là dân tộc nào. Mỗi một nét trang trí trên công trình đều ghi lại những nét đặc trưng văn hoá của dân tộc họ.

Đối với các đồng bào dân tộc Tây Nguyên, việc xây dựng buôn làng cũng theo truyền thống của mỗi dân tộc, cái chung nhất của họ là mật độ nhà ở trong buôn làng dày đặc gần nhau, không bố trí vườn rau hoặc vườn cây ăn trái trong buôn làng, buôn làng trơ chọi ít bóng cây xanh. Có lẽ điều này do một tâm lý chung là chống thú dữ và kẻ thù đột nhập vào làng. Một điểm giống nhau nữa là hầu hết buôn làng của các dân tộc Tây Nguyên bố trí cách xa đường giao thông chính, xa các điểm dân cư đô thị, bên triền núi và gần nguồn nước.

Nhìn chung, cùng trên một địa bàn cư trú, cùng có những điều kiện địa lý, tự nhiên tương tự như nhau. Do đó, cách tổ chức làng bản của nhiều dân tộc có những nét giống nhau. Đồng thời, cũng có những nét riêng biệt đặc trưng cho từng dân tộc tùy thuộc điều kiện tự nhiên cụ thể, cùng với truyền thống văn hoá của mỗi dân tộc.

### **a. Đồng bào dân tộc Banar :**

#### **a.1. Tập quán cư trú của dân tộc Banar :**

Nói chung, dân tộc Banar và một số dân tộc khác nhau, trên đất Tây Nguyên đều tự tìm cho mình một địa bàn cư trú thích hợp. Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đã tạo nên một sự cư trú xen lẫn. Song nhìn chung địa bàn cư trú lâu đời của các dân tộc vẫn cơ bản ổn định. Dân tộc Banar cũng vậy, họ đã tìm cho dân tộc mình một địa bàn cư trú thích hợp và trên địa bàn chung ấy, mỗi buôn làng đều có địa bàn cư trú riêng.

Ở người Banar tính cộng đồng dân tộc rất cao, một dòng họ hay nhiều dòng họ cư trú trong một buôn làng, kinh tế chủ yếu là hái lượm, săn bắn, phương thức canh tác là đốt rừng, chọc tỉa. Do những tập tục lạc hậu lâu đời như cúng tế Giàng bằng người sống (lễ hiến sinh) dẫn đến việc bắt cóc người của làng khác và chiến tranh giữa các buôn làng xảy ra. Có lẽ đây là một nguyên nhân chính dẫn tới sự cư trú phân tán các buôn làng .

Dân tộc Banar có nhiều nhóm nhỏ thường mang tên nơi cư trú : BanarĐông, Banar Tây, Banar B'Nam, cư trú ở phía Nam Kontum chủ yếu ở các huyện : Đak Pốt, Kon Plông, An Khê và ngoại vi thị xã Kontum; ngoài ra còn ở Nghĩa Bình, Khánh Hoà, Đắk Lắk. Khoảng cách giữa buôn làng thường 3 ÷ 5km, có khi đi bộ hết nửa ngày đường.

Ranh giới các làng thường được quy ước với nhau bởi ngọn núi, dòng suối, dòng sông và ranh giới đó người dân trong buôn thường chọn quyền sử dụng trong việc thu hái lâm sản, đặc sản xuất sản, săn bắn và thậm chí họ có quyền thừa kế. Ranh giới đó là bất khả xâm phạm ... Mỗi làng đều có diện tích sử dụng hàng chục thậm chí hàng ngàn hec-ta tự nhiên, tùy theo điều kiện cụ thể mỗi vùng.

Mỗi làng thường có 30 ÷ 40 nóc nhà, có từ 150 ÷ 200 nhân khẩu. Ngày xưa quy mô làng thường lớn hơn, người ta ít chia làng như hiện nay, bởi làng càng lớn thì có lượng thanh niên càng đông, như vậy sẽ dễ áp đảo các làng khác khi có chiến tranh.

Đất Tây Nguyên từ xa xưa chủ yếu là rừng, nguồn sống chính của đồng bào là sản phẩm dưới tán rừng:

- Săn bắn chim thú làm thực phẩm hàng ngày.
- Hái rau, măng, nấm làm thực phẩm .
- Thu lượm sa nhân, mật ong, các loại dược liệu để tự sử dụng phục vụ nhu cầu đời sống, trao đổi bên ngoài để lấy các sản phẩm họ thiếu.

Bên cạnh buôn làng bao giờ cũng có một vùng đất canh tác mà ta quen gọi là vườn rừng. Khoảng cách từ buôn tới đó khoảng 0,5 ÷ 1km. Ở đây, người ta trồng bông để dệt vải có thể

trồng thêm một loại rau và lương thực. Mỗi làng có một vùng đất sản xuất riêng, trồng lúa, lúa nước, chăn nuôi... Khu này thường cách xa bản 2 ÷ 3km, có khi xa hơn.

Ở tại khu vực sản xuất đó, đồng bào cũng xây dựng thành một buôn làng, mỗi hộ có một căn nhà ở đây và đồng bào thường gọi là “Nhà đằm”. Ở thời điểm trồng lúa tủa hoặc thu hoạch thì hầu hết họ sinh sống ở đây và chỉ sau vụ trồng lúa tủa và thu hoạch xong họ mới về buôn làng sinh hoạt. Tuy nhiên, khu nhà đằm thường xuyên có người vì ở đó họ còn chăn nuôi.

Việc ra đời “Nhà đằm” là do một yếu tố tự nhiên, đó là vấn đề bán kính đi lại sản xuất cần phải rút ngắn, đỡ mất sức đi lại và kịp thời phục vụ sản xuất. Điểm này rất trùng hợp với nguyên lý quy hoạch hệ thống dân cư làm lâm nghiệp.

Phải chăng xuất phát từ hoàn cảnh thực tế, việc tổ chức sản xuất của người dân mang một ý nghĩa khoa học. Điều này cần được nghiên cứu, bổ sung trong công tác quy hoạch mạng lưới điểm dân cư đồng bào Banar.

### ***Nhận xét :***

- Qua sơ đồ, ta thấy mạng lưới phân bố dân cư truyền thống của đồng bào dân tộc Banar tuy manh nhúm nhưng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, việc bảo vệ tài nguyên tương đối hợp lý. Tuy đồng bào có đốt rừng chọc tủa, nhận thức của họ là luân hồi rẫy 3 ÷ 5 năm hoặc lâu hơn, vì vậy mặt đất luôn có màu xanh, đất ít bị rửa trôi. Một lý do rất đơn giản để giải thích việc bảo vệ tài nguyên của họ tốt là vì họ đã thực hiện làm chủ trên ranh giới quy ước của họ.

- Điểm dân cư tuy xa song an ninh buôn làng được bảo vệ nghiêm ngặt, chỉ cần có người xâm phạm ranh giới là bị phát hiện. Bài học năm xưa của thực dân Pháp bao lần đặt chân đến biên giới làng Stơ đều bị Đinh Núp và dân bản đánh tan tành. Điều này là một chứng minh cho công tác bảo vệ an ninh buôn làng của người Banar rất tốt.

Việc bố trí sản xuất cũng tương đối hợp lý, việc ra đời “Nhà đằm” của đồng bào dân tộc Banar nhằm rút ngắn thời gian đi lại sản xuất, tiết kiệm sức lực để lao động cho kịp thời vụ. Mặc dù đó là nhu cầu thực tế nảy sinh nhưng cũng rất khoa học. Chúng ta cần phát huy và thừa kế trong nghiên cứu bố trí mạng lưới điểm dân cư.

Song chúng ta cũng thấy có một đặc điểm nổi rõ : Điểm dân cư bố trí sâu trong rừng, các buôn làng lại cách xa, giao thông đi lại khó khăn vì vậy sự giao lưu đi lại tiếp xúc với bên ngoài bị hạn chế, họ không có điều kiện học tập trao đổi những điều mới lạ, đời sống kinh tế, văn hoá nghèo nàn, lạc hậu chậm phát triển. Điều này đặt ra cho chúng ta những nhu cầu cần phải giải quyết cho giai đoạn trước mắt và lâu dài nhằm nhanh chóng xoá đi sự nghèo nàn, lạc hậu, nâng cao đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Banar.

### ***a.2. Truyền thống quy hoạch xây dựng buôn làng của dân tộc Banar :***

Buôn làng dân tộc Banar thường được đặt ở những vùng đồi cao, những khu rừng xa đường giao thông, đi lại khó khăn. Khoảng cách giữa các buôn làng thường 3 ÷ 5km, thậm chí có khi đi bộ hết nửa ngày. Nguyên do là cả một thời kỳ dài của lịch sử, xuất phát từ những luật tục mê tín như “tục hiến sinh” ( dùng mạng người để tế Giàng), do vậy đã xảy ra việc bắt cóc



người từ làng khác để phục vụ cho lễ tế. Sự tuyên truyền của thực dân Pháp đã chia rẽ các dân tộc, chiến tranh giữa các buôn làng luôn luôn xảy ra. Chính vì vậy, buôn làng thường phải ở sâu, đi lại khó khăn để kẻ thù khó tấn công.

Trong buôn làng và khu vực xung quanh làng của người Banar thường không trồng cây xanh để tránh thú rừng và kẻ thù tấn công bất ngờ.

Buôn làng Banar thường đặt gần nguồn nước mạch và trên một quả đồi thoải, có diện tích rộng rãi hoặc bên sườn núi. Xung quanh buôn làng thường được bao bọc bằng một hệ thống hàng rào chắc chắn bằng lồ ô vót nhọn cắm dựa vào nhau tránh sự đột nhập của kẻ thù hoặc người lạ mặt vào làng. Thông thường, buôn làng chỉ bố trí một cổng chính và một cổng phụ để ra vào làng.

Hệ thống giao thông trong bản làng được hình thành dưới dạng mạng nhện hình gần như tròn hoặc bán nguyệt. Hệ thống đường ngang được chạy song song với đường đồng mức của quả đồi, đồng thời có 3 ÷ 4 tuyến chính chạy vuông góc với đường đồng mức về nhà Rông đặt ở điểm cao nhất của bản làng, các nhà ở đều đặt song song với đường đồng mức và quay mặt về phía nhà Rông.

#### *Giải thích điều này :*

Trước hết là do đặc điểm cư trú của dân tộc Banar, việc tạo ra hệ thống giao thông mềm dẻo như vậy là phù hợp với địa hình, không phải san ủi gây ra sạt lở trong mùa mưa.

Nhà Rông là nơi thờ cúng các thần linh trong những ngày hội lễ lớn, các nhà ở quay về phía nhà Rông là để tỏ lòng kính trọng đối với các vị thần linh.

Nhà Rông còn là nơi họp bàn của các già làng và dân làng bàn về lao động, sản xuất, về hoà bình và chiến tranh giữa các buôn làng. Nhà Rông còn là nơi thường trực trai tráng của buôn làng luôn sẵn sàng chiến đấu. Vì vậy, khi ánh lửa từ nhà Rông được đốt lên là các gia đình có thể nhận biết qua ánh lửa để chuẩn bị đến nhà Rông tập trung bảo vệ buôn làng.

Một đặc điểm của dân tộc Banar cũng như nhiều dân tộc khác là trong buôn làng chỉ bố trí nhà ở, không có vườn rau, gia súc, gia cầm được chăn thả tự nhiên, vì vậy diện tích chiếm đất xây dựng buôn làng rất ít, buôn làng thường bản, hơi thối là nguyên nhân gây dịch bệnh.

Mỗi buôn làng Banar thường có một nghĩa địa riêng và thường đặt ở hướng Tây của buôn. Dân tộc Banar cũng như dân tộc Giarai và một số dân tộc khác có phong tục nuôi người chết trong 3 năm, và thời gian này họ thường xuyên bỏ thức ăn vào mộ, vì họ coi linh hồn người chết vẫn sống, vẫn gần gũi với mọi người, không thể đặt xa buôn được. Đó cũng là nguyên nhân lây nhiễm và dịch bệnh thường xảy ra với các buôn làng.

### **a.3. Đánh giá chung**

Qua nghiên cứu quy hoạch xây dựng buôn làng cổ truyền người Banar ta rút ra một số nhận xét :

+ Ưu điểm :

- Việc lựa chọn hệ thống giao thông dạng mạng nhện và công trình công cộng đặt gần như về phía tâm của buôn làng là một việc làm hợp lý trong điều kiện địa hình miền núi, tránh san ủi nhiều trong quá trình mở hệ thống giao thông nội bộ, tạo ra một khoảng cách đi lại ngắn nhất giữa các nhà. Khi có điều kiện xây dựng hệ thống cấp điện và nước và các hệ thống kỹ thuật khác thì việc đầu tư hệ thống đường ống, dây dẫn là ngắn nhất, kinh tế nhất.

- Việc lựa chọn hệ thống giao thông mạng nhện nó còn xuất phát từ ý thức phòng thủ rất cao. Xuất phát từ điều kiện tự nhiên cụ thể, từ hoàn cảnh sống tự nhiên cụ thể, người Ba Na đã suy nghĩ tìm ra những giải pháp quy hoạch hợp lý, có tính chất truyền thống nhưng rất khoa học cần được lưu trữ và phát triển.

**+ Nhược điểm :**

- Việc tổ chức các nhà ở đều phải có cửa chính hướng về phía nhà Rông (trong khi nhà ở truyền thống của người Banar chỉ có một cửa chính) thì rõ ràng có những nhà sẽ may mắn được hưởng gió tốt và chắc chắn sẽ có nhiều nhà gặp hướng gió bất lợi tới sức khoẻ. Điều đó phải được nghiên cứu tổ chức lại một cách hợp lý.

- Việc chắn thả tự nhiên và trồng cây trong khu ở đã tạo nên một môi trường sống trong buôn làng thiếu trong lành, ảnh hưởng sức khoẻ, buôn làng đơn điệu và mang tính tạm bợ. Tất cả những điều đó thể hiện một điểm dân cư chưa ổn định. Đây cũng là một vấn đề lớn cần được nghiên cứu đề xuất trong mô hình quy hoạch xây dựng buôn làng mới.

- Xây dựng nghĩa địa ngay sát buôn làng, tục nuôi nhà mồ là nguyên nhân gây dịch bệnh. Nghĩa địa không những gây ô nhiễm cho chính buôn làng ấy mà còn gây ô nhiễm cho những làng lân cận. Vì vậy, song song với việc nghiên cứu đề xuất mô hình quy hoạch xây dựng buôn làng, việc xác định vị trí nghĩa địa cần phải được nghiên cứu đề xuất, cùng với những biện pháp cụ thể, đồng bộ để tránh tình trạng dịch bệnh thường xuyên gây ra với các buôn làng.

Với những yêu cầu trên, cần phải nghiên cứu, đề xuất mô hình quy hoạch xây dựng buôn làng mới của đồng bào Banar phù hợp với truyền thống lâu đời, đồng thời từng bước đưa vào những nguyên lý quy hoạch khoa học một cách hài hoà trong từng điều kiện tự nhiên và địa hình cụ thể.

**b. Dân tộc Êđê :**

**b.1. Phân bố dân cư truyền thống của dân tộc Êđê :**

Dân tộc Êđê là dân tộc đông thứ hai ở Tây Nguyên, tập trung chủ yếu ở vùng Trung Tây Nguyên, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các buôn làng của người Êđê được phân bố trên diện tích rộng khoảng 100km<sup>2</sup>, mật độ cư trú chỉ tính riêng cho người Êđê là khoảng 8 người/km<sup>2</sup>, tuy phạm vi cư trú toàn vùng của đồng bào không có ranh giới rõ, nhưng với mật độ dân cư thấp nên vùng đất canh tác tương đối tự do trong một phạm vi rất rộng.

Các buôn được phân bố tản mạn tương đối đồng đều trên vùng đất cư trú mỗi buôn cách nhau khoảng 3 ÷ 5km, buôn có quy mô nhỏ, trung bình khoảng 100 ÷ 200 người/buôn, phạm vi đất đai của mỗi buôn chỉ có tính chất quy ước với các buôn láng giềng, giữa các buôn ít có quan hệ về sản xuất và sinh hoạt.

Khu ở của buôn nhất thiết phải bố trí cạnh các nguồn nước, đó là các con suối đầu nguồn của các sông lớn, xuất phát từ Tây Nguyên, nước ở đây chỉ chủ yếu dùng cho sinh hoạt hàng ngày như ăn uống, tắm giặt chứ không dùng cho sản xuất. Đồng bào thường chọn ở những nơi được xác định là nguồn nước sạch. Nơi đây được xem là một nơi thiêng liêng, được bảo vệ kỹ lưỡng; việc chọn vị trí của khu ở trước tiên là chọn vị trí của bến nước.

Khu ở được chọn cũng gắn liền với khu vực sản xuất, là nơi đất đai, địa hình phù hợp cho việc sản xuất lúa rẫy và gần các cánh rừng có điều kiện hái lượm, săn bắt tăng thêm nhu cầu thực phẩm, có gỗ, tre để làm nhà.

Khu ở thường được đặt ở những vùng đất tương đối bằng phẳng để thuận tiện cho việc xây dựng. Đối với những căn nhà dài, nếu độ dốc càng lớn, độ chênh lệch giữa hai đầu càng cao, do vậy thường các khu đất này ít khi dốc trên 5%.

Dạng này thường được xây dựng phổ cập đối với người Êđê, JaJai...

Nhìn chung, đặc điểm phân bố dân cư chủ yếu là tuân theo những quy luật tự nhiên, chưa có những tác động đáng kể của chiến tranh, cũng như các yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Các buôn thường ổn định tại một vị trí lâu dài, việc di chuyển đến một vị trí khác hay tách khi buôn đã quá đông không đủ điều kiện sản xuất và sinh hoạt, mâu thuẫn trong nội bộ buôn làng, thiên tai dịch bệnh, hay do mê tín di đoan... Việc di chuyển một điểm dân cư rất khó khăn và phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của đồng bào. Do vậy, có thể nói rằng người Êđê thực sự đã định cư, đến hiện nay vẫn còn có những buôn tồn tại ở một vị trí đã hàng trăm năm và còn giữ lại phần lớn những đặc trưng của mình.

### b.2. Truyền thống quy hoạch xây dựng buôn làng của người Êđê :

Khu ở là nơi cư trú của các đại gia đình mẫu hệ. Các gia đình này đều có mối quan hệ với nhau về thân tộc hay thích tộc ở mức độ gần xa khác nhau. Về tổ chức khu ở có các đặc trưng sau đây :

+ Buôn của người Êđê là một làng định hướng trong đó tất cả các căn nhà đều được đặt theo một hướng duy nhất, hai đầu hồi quay về hướng Bắc, Nam. Do vậy, các nhà đều song song với nhau, các mặt nhà có thể thẳng hàng hoặc so le và cùng hướng ra con đường xuyên buôn. Như vậy đầu hồi chính của nhà có thể xoay về hướng Bắc hay hướng Nam tùy theo vị trí bên này hay bên kia đường. Nhưng đặc biệt, có những buôn tất cả các nhà chỉ xoay về một hướng là hướng Bắc và thường ở những buôn này ở trên vị trí đất dốc từ Bắc xuống Nam. Như vậy sàn ở đầu hồi chính thấp hơn sàn mặt sau.

+ Buôn được xây dựng với mật độ tương đối cao, gồm các căn nhà dài trung bình 30 ÷ 50m. Đôi khi có nhà dài đến 100m được đặt gần nhau khoảng cách trên dưới 10m .

+ Đất trong khu ở thuộc sở hữu chung, chỉ được phân chia để làm nhà, các gia đình không được chiếm dụng cho mục đích khác. Do vậy, giữa các nhà không có các hàng rào phân cách, mọi người có thể đi lại khắp nơi theo các lối mòn hình thành tự nhiên.

+ Trong khu ở không có các công trình công cộng riêng biệt, chỉ có nhà dài và kho lúa. Kho lúa được đặt tách riêng nằm bên cạnh hay phía sau căn nhà dài.

+ Trên khu ở không thấy có những mảnh vườn trồng rau hay cây ăn quả, do vậy đất trong khu ở thường để trống hay chỉ có những thảm cỏ mọc tự nhiên.

+ Chung quanh khu ở có thể có một hay hai lớp hàng rào phân cách với bên ngoài.

+ Khu nghĩa địa thường được bố trí ở đầu buôn, bên cạnh lối vào chính, các nhà mồ đặt theo hướng Đông Tây ngược lại, theo hướng Bắc Nam của nhà ở.

+ Các loại gia súc thường được thả rong trong buôn, thường trú dưới các gầm sàn, gây mất vệ sinh cho khu ở và trong khu ở cũng khó trồng bất cứ một loại cây gì.

## **I.2. Đặc điểm tự nhiên :**

### **1.2.1. Địa hình :**

Tây Nguyên là một lãnh thổ rộng lớn nằm trong phạm vi dãy Nam Trường Sơn bao gồm 4 tỉnh : Gia Lai, Kontum, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Diện tích tự nhiên khoảng 56,120km<sup>2</sup> chiếm 16,9% diện tích tự nhiên toàn quốc, dân số toàn vùng là 4,1 triệu người.

Địa hình vùng Tây Nguyên bị chia cắt bởi các hệ thống sông suối và các dãy núi cao, xen vào đó là những cao nguyên với những thung lũng và đồng bằng giữa núi, tạo ra những độ cao khác nhau từ 300 ÷ 400m đến 1500m ÷ 1700m, giữa các cao nguyên Konplong, KonhảNường, Pleiku, Buôn Ma Thuột, M'Đrak, Di Linh, Đăknong và Bình Sơn Đà Lạt. Trong đó có hai cao nguyên rộng nhất là cao nguyên Pleiku và Buôn Ma Thuột và hệ thống dãy núi cao : Ngọc Linh, An Khê, Chư Dju, Vọng Phu, Tây Khánh Hoà, Chư Yang Sin và dãy núi Đansotana. Trong đó dãy núi Ngọc linh đồ sộ án ngữ phía Bắc Tây Nguyên (đỉnh cao nhất là 2,598m). Dãy núi Chư Yang Sin nằm về phía Nam vùng trũng Krong Păk - lăk, là dãy núi có đỉnh cao nhất Trường sơn (đỉnh cao nhất là 2,405m) xen kẽ các vùng núi và cao nguyên có 5 vùng trũng và đồng bằng : An Khê, Kontum, Cheo reo-Phú túc, Krông păk-lăk và bình nguyên EaSup. Hệ thống sông suối tương đối dày đặc. Ba con sông chính là sông SêrêPôc, sông Ba, sôngĐa Dung, tạo ra những thác nước hùng vĩ và nguồn nước mặt dồi dào. Sông nước, núi non đã tạo ra một Tây Nguyên có tiềm năng kinh tế và du lịch. Nhìn chung về mặt địa hình thiên nhiên có địa hình đa dạng với những cao nguyên xếp bậc, các núi thấp đến trung bình và những thung lũng.

### **1.2.2. Đặc điểm khí hậu :**

Đặc điểm khí hậu của Tây nguyên là khí hậu nhiệt đới gió mùa Cao nguyên.

Tây Nguyên có hai mùa mưa nắng rõ rệt, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa tập trung khoảng 80 ÷ 90% tổng lượng mưa trong năm, mùa khô thường từ tháng

11 đến tháng 4 năm sau. Chính vì vậy vào những tháng mùa khô trong năm cây trồng thường bị khô hạn.

Khí hậu Tây Nguyên quanh năm mát mẻ, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, ở những vùng cao từ 500 ÷ 1500m trung bình từ 18 ÷ 23 độ đôi khi dưới 18 độ. Ở những vùng thấp hơn 500m nhiệt độ có thể lên đến 20÷24 độ. Chính nhiệt độ này đã tạo ra cho những miền đất của Tây Nguyên giàu tiềm năng du lịch như vùng Đà Lạt, Gia lai, Kontum, Buôn Mê Thuột và một số vùng khác.

### **1.2.3. Tài nguyên thiên nhiên :**

Rừng Tây Nguyên phong phú với nhiều loại gỗ quý, chiếm 31,2% về diện tích và 36,3% về trữ lượng lâm sản của toàn quốc, độ che phủ lớn, nhiều loại đặc sản dưới tán rừng quý hiếm có giá trị kinh tế xuất khẩu cao. Động thực vật đa dạng, nhiều loại chim thú quý hiếm còn lưu trữ và phát triển, gắn với những địa danh quen thuộc như Bản Đôn (Đắk Lắk) có nghề truyền thống là thuần dưỡng voi rừng, Kon chơ răng (Gia Lai) với một vùng rừng nguyên sinh hơn 10.000ha đang được khoanh nuôi, bảo vệ.

Đất Tây Nguyên màu mỡ, với một dải đất đỏ bazan rộng lớn đã tạo cho Tây Nguyên bạt ngàn những rừng ca phê, cao su đã tạo cho Tây Nguyên một tiềm lực về kinh tế trong những năm trước mắt và lâu dài để phát triển đi lên.

Tài nguyên trong lòng đất Tây Nguyên phong phú có nhiều loại quặng như : sét, vàng, kẽm, thiếc, bô xít; đặc biệt là bô xít có trữ lượng nguyên xấp xỉ 4,55 tỷ tấn, quặng tinh 1,5 tỷ tấn, lượng vàng sa khoáng lớn và phân bố hầu hết ở các đầu nguồn sông suối. Nó là nguồn thu nhập lớn cho người dân Tây Nguyên những năm qua và nếu Nhà nước tổ chức khai thác với một quy mô thì đó cũng là một nguồn kinh tế lớn thu nhập cho ngân sách.

### **1.2.4. Đặc điểm sông suối :**

Trung bình hàng năm , Tây Nguyên nhận một lượng mưa gần 2000mm. Dòng chảy ít biến động cho nên việc khai thác dòng chảy cục bộ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp khi cần mở rộng vẫn đảm bảo mà không sợ thiếu nước. Lượng nước trên không những phục vụ cho nhu cầu địa phương mà còn là nguồn cung cấp quan trọng cho các vùng lân cận (nước sông Ba dùng cho đồng bằng Phú Khánh, nước sông Đồng Nai chuyển sang sông cái Phan Rang và đồng bằng vùng hạ du...).

Các sông của Tây Nguyên chảy trên các độ cao địa hình khác nhau, hai lưu vực lại ở gần nhau và có chênh lệch độ cao tương đối lớn; vì vậy có thể lợi dụng ưu thế này để chuyển nước từ lưu vực này sang lưu vực khác với mục đích khai thác sức mạnh của dòng nước để phát điện hoặc phân phối lại nguồn nước cho phù hợp.

### **1.2.5. Nhận xét đánh giá :**

Qua các đặc điểm trên, điều kiện tự nhiên và khí hậu của Tây Nguyên có một số đặc điểm nổi bật sau :

a. Thuận lợi :

- Tây Nguyên là vùng đất vừa có núi, đồi lại vừa có cao nguyên bazan rộng và bằng phẳng kết hợp với những thung lũng giữa các triền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.

- Đất phát triển trên đá bazan là loại đất tốt nhất của vùng đồi núi nhiệt đới, thích hợp với nhiều loại cây lâu năm có giá trị. Khí hậu của Tây Nguyên có nền nhiệt độ cao, không có mùa đông lạnh giá, không có bão.

b. Khó khăn :

Nổi bật nhất là mùa khô khắc nghiệt, kéo dài gần 5 tháng gây nên sự thiếu nước cho cây trồng và gia súc chăn nuôi. Mùa khô có gió mạnh làm tăng cường sự mất hơi nước. Mùa mưa lại thừa nước gây ảnh hưởng xói mòn mạnh.

### **I.3. Nhà ở các dân tộc vùng Tây Nguyên :**

#### **I.3.1. Các dân tộc thuộc các tỉnh Tây Nguyên :**

- Tỉnh Kontum có các dân tộc : Banar, Giẻ triêng, Brâu, Rơmăm, Xơ Đăng, Gia rai. Dân tộc Banar chiếm số đông và ở các huyện : Đắc Pốt, Kôn Plông, An Khê và ngoại vị trí xã Komtum.

- Tỉnh Gia Lai có dân tộc Gia rai gồm 5 nhóm : Hơ Đung, Tbulan, Mthur, Chor và Arap.

- Tỉnh Đắk Lắk tập trung 2 dân tộc chính : Êđê và Mnông. Dân tộc Êđê có nhiều nhóm : Kpa, Adtham , Krung, Mthur, Ruê, Blô, Kdrao.

- Tỉnh Lâm Đồng có các dân tộc chủ yếu : Chu Ru, Cơ Ho, Mạ.

#### **I.3.2. Truyền thống xây dựng nhà ở của các dân tộc Tây Nguyên :**

Truyền thống xây dựng nhà ở của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đều là nhà sàn. Nhà sàn của các đồng bào dân tộc Tây Nguyên với hệ thống cột khung nhỏ hơn nhà sàn của đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc và chiều cao gầm sàn từ 1,2 ÷ 1,8m, không gian trong nhà khoảng 2 ÷ 2,5m. Việc xây dựng nhà sàn của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên do nhiều nguyên nhân :

- Chống thú dữ : Giữa núi rừng hoang dã, từ xa xưa khi mà thú dữ như hổ, lợn lòi và một số loài khác chưa bị tình trạng báo động diệt chủng như hiện nay thì việc chống thú dữ (đặc biệt vào đêm) là một vấn đề quan tâm hàng đầu với đồng bào dân tộc và nhà sàn là một biện pháp chống thú dữ.

- Phù hợp với địa hình đồi núi : Trong mọi điều kiện địa hình cho phép thì việc xây dựng nhà sàn không cần san ủi, thi công xây dựng nhanh và chống được sỏi lở mùa mưa.

- Phù hợp với điều kiện sinh hoạt vệ sinh : Do việc sinh hoạt từ nấu ăn, ăn uống, ngủ đều thực hiện quanh bếp lửa nhà sàn vì vậy tiện cho việc tiêu thoát nước và nhanh khô ráo. Đặc biệt là giữa rừng già thì nhà sàn tạo ra sự thoáng mát về mùa hè, khô ráo về mùa mưa.

Việc xây dựng nhà sàn để ở là xuất phát từ một điều kiện sống cụ thể, một môi trường thiên nhiên cụ thể, để bảo tồn giống nòi của mình, con người luôn luôn phải chống trả kẻ thù “hai chân và bốn chân” để tồn tại phát triển. Việc đó nó đã ăn sâu vào tiềm thức, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, điều đó nó đã ăn sâu vào máu thịt của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Sắc thái trên mỗi căn nhà, cách trang trí trên mỗi căn nhà đều được thể hiện rõ sắc thái của từng dân tộc Tây Nguyên, cũng là nơi ngồi uống rượu, giã gạo, đan lát nhưng cách bố trí của người Banar khác với người JaJai, khác với người Xơ đăng và khác với người Êđê.

Những nét đặc thù của mỗi dân tộc cũng rất khác nhau : Diềm mái nhà của người Banar xưa được trang trí bằng một hàng hoa văn, mà hàng hoa văn này giống như được trang trí diềm váy của phụ nữ mặc vào ngày lễ hội. Điều đó tượng trưng cho một xã hội sống theo chế độ “mẫu quyền”. Người JaJai cũng thể hiện chế độ “mẫu quyền” theo cách : Trên hai cột từ cầu thang vào nhà thường tạc hai quả bầu. Với họ, quả bầu tượng trưng cho người mẹ. Và các dân tộc khác cũng vậy, họ đều có những cách trang trí, những biểu tượng riêng thể hiện trong xây dựng nhà ở mà ta dễ nhận biết đó là dân tộc nào.

Từ những điều đó để chúng ta thấy rằng, mỗi dân tộc đều có truyền thống một văn hoá riêng, và truyền thống đó được thể hiện rất tinh tế trong lĩnh vực xây dựng nhà ở. Nếu bỗng nhiên điều kiện đó mất thì họ cảm thấy ngôi nhà đó hoàn toàn xa lạ với họ dù là căn nhà đó to cao và kiên cố.

Nhìn chung, mỗi dân tộc đều có những nét đặc thù riêng trong việc bố trí nhà ở của mình. Song trong quá trình bố trí đan xen giữa các dân tộc qua một thời gian dài, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc diễn ra và trong quá trình đó các dân tộc có quy mô dân số lớn hơn sẽ đồng hoá các dân tộc có ít dân cư trú trong địa bàn của mình. Ví dụ như một số buôn làng của người JaJai sống trên địa bàn cư trú của người Banar thì việc xây dựng nhà ở của họ cũng mang đậm nét của người Banar, hay một vài buôn của dân tộc Banar, Xơ đăng đóng trên địa bàn cư trú của dân tộc JaJai thì việc xây dựng nhà ở của họ cũng mang những nét nhà ở của đồng bào dân tộc JaJai.

Nhưng trong mặt bố trí của căn nhà, chúng ta thấy có một điểm chung là đều phải bố trí bếp lửa, bởi lẽ điều kiện môi trường cư trú của các dân tộc giống nhau; song số lượng bếp lửa, vị trí đặt của mỗi dân tộc có khác nhau.

- Bếp lửa có tác dụng sưởi ấm cho gia đình trong lúc ăn cơm, lúc sinh hoạt trong nhà, lúc ngủ trong điều kiện khí hậu núi rừng lạnh lẽo, trong điều kiện sinh hoạt của đồng bào dân tộc là thiếu áo ấm, thiếu chăn đắp ấm...

- Bếp lửa còn có tác dụng nhanh làm khô ráo nơi ở và sinh hoạt trong điều kiện hầu hết các sinh hoạt của đồng bào là ăn, rửa tại chỗ.

- Bếp lửa có tác dụng đuổi muỗi, chống được bệnh sốt rét và một số bệnh dịch truyền qua muỗi trong điều kiện người dân ngủ không có màn hoặc có thói quen ngủ không màn.

- Ánh lửa còn có tác dụng chống thú dữ trong đêm .

- Bếp lửa là nơi cả gia đình đoàn tụ sau một ngày làm việc, nghe người già kể chuyện về dân tộc mình, có chuyện cần lưu lại cho các đời con cháu, và từ đó bếp lửa là một “vị thần” trong nhà, bếp lửa đã đi vào đời sống tâm linh của đồng bào.

Nó cũng giống như nhiều tộc người trên thế giới trước đây, thậm chí đối với người Kinh, bếp lửa trong nhà đã gắn bó suốt bao đời, bao thế hệ, khi đời sống kinh tế phát triển, nơi ngủ, đồ mặc đã đủ ấm, ngủ có màn chống muỗi thì bếp lửa sẽ dần mất đi hoặc thay thế bằng những lò sưởi văn minh hơn mà nhiều dân tộc ở vùng lạnh vẫn đang dùng, thậm chí những ống khói nhà sưởi vẫn còn tồn tại ở các biệt thự thời Pháp xây dựng tại Hà Nội và nhiều nơi ở Việt Nam.

Mặt đứng nhà ở của các dân tộc Tây Nguyên cũng có những nét đặc trưng khác nhau, như mặt đứng nhà đồng bào dân tộc Banar khác mặt đứng đồng bào dân tộc JaJai hay Xơ đăng, mặt đứng của đồng bào dân tộc Êđê... xuất phát là do mặt bằng bố trí khác nhau vì vậy dẫn đến mặt đứng khác nhau.

Tuy nhiên ngay hình thức trang trí mái, lối ra vào, cầu thang lên nhà cũng có những đặc trưng khác nhau. Diềm mái nhà của người Banar thường được trang trí bằng một diềm hoa văn bằng tre nứa, mà hình dáng của đường diềm này rất giống đường diềm hoa văn trên váy của phụ nữ Banar trong những ngày lễ hội - có lẽ nó đặc trưng cho một chế độ mẫu quyền một thời kỳ dài của dân tộc Banar.

Trước cửa vào nhà của người JaJai, trên hai trụ cột cầu thang người ta thường trạm hai quả bầu - quả bầu đối với người JaJai cũng tượng trưng cho người mẹ, cũng thể hiện cho một chế độ mẫu quyền của dân tộc này. Những biểu tượng của các dân tộc rất phong phú, cùng tượng trưng cho người mẹ, nhưng người JaJai và người Banar hai hình ảnh rất khác nhau và đều tôn sùng người mẹ. Một lối lên nhà (cầu thang) hay các chi tiết trang trí hoa văn của mỗi dân tộc thể hiện trên nhà ở của mình đôi khi cũng rất khác nhau, đồng thời cũng biểu hiện tính đặc trưng của dân tộc mình.

### **1.3.3. Đặc trưng nhà ở một số dân tộc chính thuộc các tỉnh Tây Nguyên :**

#### **a. Đặc trưng nhà ở dân tộc Banar ở Komtum**

Nhà có một sàn và thang lên nhà đặt ở phía trước gian giữa. Sàn có mái che theo kiểu chuôi vồ, trên sàn đặt cối giã gạo chày tay. Gian giữa nhà tiếp khách chung, sát vách hậu thờ ảnh chúa (theo đạo Kitô). Hai bên mỗi bên một hộ hai gian có bếp riêng và có cửa ra sàn ở hai hồi nhà. Mái phụ che sàn hồi nhà đỡ bằng hệ con sơn. Có nhà phía trước có hành lang và lan can, cầu thang đặt về một bên.

Hệ khung nhà có loại hai cột, loại bốn cột theo kiểu cột - quá giang - đòn tay cái đặt trên đầu cột có nhà thêm một xà dọc đặt dưới quá giang để làm gác (xà kếp).

#### **b. Đặc trưng nhà ở dân tộc Gia rai ở Gia Lai**



- Kiểu Ayun Pa : Nhà sàn dài 9 gian rộng trên dưới 3m, bước cột khoảng  $2,2 \div 2,5$ m; có 2 sàn và thang lên nhà ở hai hồi. Một giành cho khách và nam, một giành cho nữ. Trong nhà được chia thành hai phần theo cột mốc : Phần giành cho sinh hoạt công cộng, tiếp khách, uống rượu, nhảy múa đánh chiêng. Phần giành cho ngủ và các thành viên trong gia đình. Mỗi phòng đều có quy định có tên gọi cụ thể.

- Kiểu Hơ Đrưng : Nhà sàn ngắn, một hộ ở, phía trước có sàn thang lên nhà, trong nhà cũng có cột giữa phân chia quy định các gian và vị trí sử dụng trên mặt bằng.

Hệ khung cột của hai kiểu nhà : Loại hai cột theo kiểu : Cột - đòn tay cái - quá giang đặt trên đòn tay cái.

### c. Đặc trưng nhà ở dân tộc Êđê ở Đăk Lăk

Nhà sàn dài gia đình lớn mẫu hệ. Trước đây có nhà dài hàng 100m nay chỉ có nhà dài khoảng  $20 \div 30$ m, từ  $7 \div 10$  gian, rộng  $5 \div 6$ m. Nhà thường có hai sàn và thang lên nhà ở hai đầu hồi. Sàn và cửa trước nhìn ra đường làng giành cho khách và nam, sàn giành một gian và lán vào gian trong một phần rất rộng. Cửa sau sàn hẹp giành cho sinh hoạt nữ. Thang bằng đoạn gỗ chặt khắc làm bậc (có nhà làm bậc thang rộng).

Trong nhà chia hai phần theo chiều ngang : Phần ngoài bao giờ cũng có một gian rất rộng để tiếp khách và sinh hoạt công cộng. Tổ chức uống rượu cần, nhảy múa tấu nhạc, cúng lễ khi nhà có đám khoảng  $1/2 \div 1/3$  căn nhà. Phần trong được chia làm hai phần theo chiều dọc. Phần trên ngăn thành buồng của vợ chồng chủ nhà, vợ chồng con gái và con gái (mẫu hệ). Phần dưới hành lang đi lại, đặt bếp và đặt các thứ dụng cụ sinh hoạt.

Nhà có hai mái, phía hồi đưa ra, trên nóc thành góc nhọn che sàn thang và chắn mưa hắt vào hồi.

Hệ khung theo kiểu : cột đòn tay cái, quá giang gác trên đòn tay cái. Thanh kèo đặt trên đòn tay cái và áp vào quá giang.

Hiện nay có nhà đã chuyển sinh hoạt từ mẫu hệ sang song hệ (con dâu về ở nhà chồng), hoặc sau khi cưới ra làm ăn riêng nhưng hầu hết vẫn giữ loại nhà sàn dài này.

### d. Dân tộc Churu

Sống tập trung các huyện Đơn Dương, Đức Trọng và Di Linh (tỉnh Lâm Đồng).

Gia đình dân tộc Churu, trước đây là gia đình lớn mẫu hệ, nay chỉ còn là tàn dư. Phần lớn đã chuyển sang ở nhà đất hoặc phần ở là sàn khu phụ (bếp) là đất.

Nhà sàn bốn gian phía trước có một hồi có hiên đi vòng xuống khu phụ phía sau. Trong nhà ngăn hai hồi thành buồng ngủ, hai gian giữa để thờ tiếp khách và sinh hoạt chung. Bếp núc và nghề phụ ở nhà đất phía sau.

Hệ khung : Vì quá giang - kèo cầu có thêm một hiên phía trước.

### e. Dân tộc Cơ Ho :

Sống trong các huyện Lạc Dương, Đức Trọng, Bảo Lộc, Di Linh, Đạ Huoai, Đà Lạt (Lâm Đồng).

Nhà ở dân tộc Cơ Ho có hai loại : Nhà sàn dài và nhà đất dài của gia đình mẫu hệ, nhà sàn ngắn và nhà đất ngắn của gia đình nhỏ (một hộ).

- Nhà sàn dài có 9 gian, 2 hộ gia đình : gia đình mẹ và gia đình con gái, có 3 thang, một thang ở giữa lên 3 gian ở giữa tiếp khách và sinh hoạt chung; hai thang lên hai hộ ở hai đầu hồi.

Hệ khung hai cột kiềng : Cột - đòn tay cái - quá giang.

- Nhà đất dài có 6 gian, hai hộ gia đình : Mẹ và con gái. Hai hồi nhà theo hình bán nguyệt. Phía trước có hai cửa vào hai hộ ngăn ở hai hồi. Các gian giữa được ngăn hai theo chiều dọc. Phía trước là hành lang đi lại và để các dụng cụ, phía sát vách lại được ngăn hai để mỗi hộ sử dụng và tiếp khách riêng, và giường ngủ của người con trai.

Hệ khung nhà kiềng vì ba cột, mái hình vòm cong kiềng cổ truyền.

#### **f. Dân tộc Mạ :**

Quê hương người Mạ trước ở dọc sông Đạ Đàng, nay 2/3 dân số sống ở Lâm Đồng và tập trung ở Bảo Lộc.

Ngôi nhà cổ truyền của người Mạ là nhà sàn dài. Nhà mười gian, có 3 thang lên nhà. Sàn và thang phía trước lên 4 gian ở giữa. Nơi thờ, tiếp khách và sinh hoạt chung. Hai thang ở hai hồi lên hai hộ gia đình mỗi hộ ba gian.

Kết cấu bộ khung nhà có hai kiểu : Kiểu hai cột (cột đòn tay cái - quá giang). Kiểu 4 cột, thêm một vì hai cột quân thấp hơn ở hai bên, quá giang được buộc vào thân cột cái. Khung mái làm vòm cong tròn úp lên hệ khung cột.

### **I.3.4. Giới thiệu một số nhà ở truyền thống các dân tộc ít người ở các tỉnh Tây Nguyên :**

#### **\* NHÀ Ở DÂN TỘC CƠ HO Ở LÂM ĐỒNG**

Người Cơ ho ở nhà sàn dài (gia đình lớn), nhà sàn ngắn (gia đình nhỏ). Xã hội gia đình mẫu hệ. Làng người Cơ ho gọi là Bon. Mỗi Bon là một Châu Quang Bon và một hội đồng già làng đại diện các nóc nhà (chủ gia đình).

Nhà người Cơ ho có hai loại khung mái cổ truyền :

- Loại nhà mái hồi khung hình mai rùa giống nhà của người Thái đen khác là không có "khu cút", có nhà đã cải tiến làm mái phẳng tam giác hoặc hình thang cân thụt vào trong hai mái chính một chút.

- Loại mái cong vồng (như kiềng vòm). Chỗ mái ở cửa ra vào làm vồng lên (cửa tò vò) để đi lại dễ dàng.

#### *1. Nhà sàn dân tộc Cơ ho xã Đạ lo, Đạ Huoai, Lâm Đồng*

Nhà sàn có 9 gian, có hai gia đình ở : gia đình người mẹ và gia đình con gái.

Nhà có 3 thang lên nhà : Hai thang hai đầu hồi đặt sát trước mặt và có sàn trước cửa vào từng hộ gia đình. Một thang ở chính giữa trước nhà.

- Ba gian đầu hồi bên phải của gia đình người mẹ và là chủ nhà dài (NM) : Hai gian hồi để ngủ, trên có gác xép (GX). Phía trước, góc cạnh cầu thang để củi (CĐ). Sát vách trước gian thứ hai, thứ ba có sàn gác đặt nước sinh hoạt (SN) dưới chứa các thứ vật. Gian thứ ba đặt bếp nấu ăn của gia đình mẹ (BM).

- Ba gian đầu hồi bên trái của gia đình người con gái (NC) và cũng bố trí đối xứng tương tự GX, CĐ, SN, BC.

- Ba gian giữa nhà sử dụng chung của cả hai gia đình. Gian giữa cửa đi của khách, cửa vào có giường khách (GK). Ở giữa vì cột thứ năm tính từ phải sang trái có một cột gọi là Do'rong tơ tơ. Cột này buộc những tàu lá bị rơi khi lợp nhà và dùng để buộc các ché rượu cần khi tiếp khách hoặc tổ chức cúng thần linh (CBBC). Giáp vách hậu, trên vách gian giữa treo bàn thờ bằng tấm gỗ nhỏ "Nao" (TN), xung quanh bàn thờ cắm số lá cây và những chùm búi nhùi quấn bằng các phoi tre. Dưới chân vách đặt các ché, ú đựng rượu cần (RC).

Khung nhà loại vì hai cột, giữa có đoạn trụ ngắn đặt trên quá giang, đầu chống vào đòn nóc.

Tường vách ngăn bằng phen nứa, mái lợp lá (H.KT37).

## 2. Nhà đất dân tộc Cơ ho ở Đạ Đờn, Lâm Hà, Lâm Đồng

Nhà có sáu gian kể cả hai gian hồi, đầu hồi hình bán nguyệt. Nhà có hai hộ : gia đình mẹ và con gái.

Nhà có hai cửa ở phía trước đi riêng của từng hộ.

Gian hồi bên phải có hai cốt thóc một ở trên sàn, một đặt dưới đất (CT). Gian thứ hai : Sát vách sau kê sạp ngủ của vợ chồng người mẹ (GM). Giữa nhà là kho thóc (KT.1). Phía trước là bếp của gia đình mẹ (BM). Gian thứ ba dành cho giường của khách (GK). Gian thứ tư, giữa là kho thóc (TK.2), phía trước là bếp của gia đình con gái (BC), phía sau là sạp của vợ chồng con gái (GG). Gian thứ năm là sạp của con gái (GG). Giáp vách trước của các gian ở giữa ngăn ba phần làm chuồng gà (NG) và chạn bát (CB). Gian hồi bên trái là giường ngủ của con trai (CT).

Hệ khung loại vì kèo ba cột. Xung quanh nhà bằng phen nứa đan. Mái lợp cỏ gianh (KT.36).

## \* NHÀ Ở DÂN TỘC CHU RU - BẢO LỘC - LÂM ĐỒNG

Nhà ở là nhà sàn có bốn gian. Phía trước và đầu hồi bên trái có hiên (H). Nhà có hai cầu thang : Cầu thang chính ở phía trước (T.1), cầu thang phụ ở phía sau hồi bên trái (T.2) từ hành lang hồi bên trái sang là phụ. Một cửa ra vào, quanh nhà đều có cửa sổ.

Nhà được ngăn hai gian ở hai hồi. Giữa hai gian để thông gian hồi bên phải lại được ngăn dọc thành hai buồng nhỏ, phía trước giường của khách (GK), phía sau buồng của con trai (GT). Hai gian giữa : Giáp tường phía sau ở giữa bàn thờ chúa Jesus (TJ), dưới để các ché rượu; Góc phía sau sát buồng bên phải để tủ áo (TA). Sát vách buồng bên trái đặt bàn ghế tiếp khách (BK) gần cửa vào. Buồng bên trái : Góc hồi phía trước vực thóc (VT), phía sau giường ngủ của chủ nhà (GC). Sát vách tường ngăn để dụng cụ và gùi (G).

Nhà bếp : là nhà đất ở phía sau gian hồi bên trái. Nhà ba gian hẹp cửa vào ở gian giữa. Nửa nhà phía sau có gác xép (GX).

Gian hồi bên phải phía trước để nước sinh hoạt (NO), phía sau là bếp (BC) góc hồi gian bên trái phía trước đặt chạn bát. Gian giữa và phần còn lại của gian hồi bên trái là phòng ăn.

Khung nhà người Chu Ru có hai loại :

+ Loại đơn giản chỉ có hai cột, quá giang thêm đoạn trụ ngắn ở giữa đặt quá giang. Mái úp trên khung cột.

+ Loại ba cột, trốn cột giữa, quá giang liên kết hai cột, có thêm cột hiên, có kèo đòn tay.

Tường vách nhà chính thượng ván, hiên có lan can, mái lợp ngói. Nhà phụ vách nửa mái lợp cỏ gianh (KT.35).

## **\* NHÀ Ở DÂN TỘC MẠ - LÂM ĐỒNG**

### *1. Nhà ở dân tộc Mạ ở Bảo Lộc Lâm Đồng*

Nhà sàn cỏ truyền của người Mạ dài 20 ÷ 30m có nhiều hộ ở. Nay loại dài hiếm và có nhiều dạng : Nhà sàn dài, nhà sàn ngắn, nhà nửa sàn nửa đất, nhà đất.

Nhà sàn dài cỏ truyền giới thiệu ở đây có 10 gian, hai hộ gia đình ở. Nhà có 3 cầu thang : Hai thang ở hai hồi (T2, T3) vào từng hộ. Một cầu thang ở giữa có sàn (T1) dành cho khách và đi chung.

Ba gian bên phải dành cho một hộ gia đình (GD.1) : Gian đầu hồi cạnh cửa dành tiếp khách (GK). Gian thứ hai, thứ ba, phía sau là nơi ngủ, khoảng giữa của hai gian có gác xép (GX), cách sàn nhà 1,5m, trên là kho thóc (KT), dưới gác xép là dàn treo để sấy các hạt giống, lạt buộc, đồ nan, vỏ bầu khô... dưới mặt sàn là bếp nấu ăn. Giáp vách trước có sàn nhỏ rộng khoảng 70cm cao 80cm, trên để các thức : bầu đựng nước, bát đĩa, gùi và các thứ rau quả, cạnh dàn cài các thứ xà gạc, dao gậy...

Ba gian bên trái giành cho hộ gia đình thứ hai (GD.2) cách bố trí đối xứng tương tự như hộ gia đình bên phải.

Khu vực ở giữa, buồng gian để trống giành cho sinh hoạt và tiếp khách chung của cả hai hộ gia đình. Có bố trí hai nơi ngủ của khách (K). Giữa hai sạp ngủ của khách có cột để buộc ché rượu cần tiếp khách hoặc rượu cúng lễ (CR). Sát vách hậu, phía trên khoảng giữa nhà treo bàn thờ thần bếp (TB), sát chân vách để các ché, ú, vò đựng rượu cần (CR).

Hệ khung nhà loại bốn cột, cột chôn. Hai cột giữa có xà ngang liên kết giữa hai cột (câu đầu). Hai cột ở hai bên. Có quá giang liên kết cả bốn cột, giữa gầm sàn có cọc gia cố đỡ sàn, khung mái hình vòm tròn úp lên hệ khung cột. Vách đan nửa lờ ô lóng một. Mái lợp cỏ gianh (KT.38).

## 2. Nhà nửa sàn nửa đất dân tộc Mạ ở Lâm Đồng

Nhà bốn gian, một hộ ở. Nhà chia hai phần theo chiều dọc. Phần phía trước nền đất, phần phía sau nhà sàn.

Nhà có hai cửa đi ở hai gian đầu hồi. Trong nhà bố trí : Hai gian bên phải giành cho tiếp khách : Trên sàn để ngủ, sát vách sau, trên treo bàn thờ (TB), chân vách để các ché, ú vò rượu (CR), giữa nhà cũng có cột buộc ché rượu cần tiếp khách. Hai gian bên trái, trên sàn để ngủ, khoảng giữa gian thứ hai (bên trong) có gác xép chứa thóc (KT), dưới là bếp nấu ăn (BN) đặt ở nền đất. Sát vách phía trước có sàn để ở nước sinh hoạt và chứa các thứ linh tinh.

Hệ khung nhà : Hai vì đầu hồi bốn cột. Các vì ở giữa có hai cột, ở giữa có cột đỡ sàn.

Vách bằng phen nửa đan. Mái lợp cỏ gianh (KT.34).

### \* NHÀ Ở DÂN TỘC RAGLAI

Dân tộc Ra Glai có nhiều tên gọi : Ra Glây, Rắc Lây, Krai, Noang, Na Oang, ỏăng Glai... Nơi cư trú chủ yếu ở vùng núi thuộc các tỉnh Thuận Hải, Bình Thuận và Lâm Đồng.

Nghề sống chính của dân tộc Ra Glai bằng nương rẫy du canh, có thêm nghề phụ : Đan lát, dệt vải, làm gốm (tự túc). Lối sống còn thiếu tàn dư của chế độ mẫu hệ. Làng của dân tộc Ra Glai gọi là Paley. Nhà cổ truyền là nhà sàn, nhưng nay nhiều người ở nhà đất.

Nhà đất dân tộc Ra Glai xã Lạc Xuân huyện Đơn Dương tỉnh Lâm Đồng : Nhà ba gian diện tích khoảng 20m<sup>2</sup>, có một cửa chính vào nhà đặt ở phía trước gian chính giữa. Trong nhà ba gian để thông và phân thành hai phần theo chiều dọc : Phía trước gian hồi bên trái đặt cót thóc CT, phía trước gian hồi bên phải đặt bếp chính (BC), sát vách trước có sàn đặt nước, sát vách hồi nuôi gia cầm (CN), trên bếp có dàn treo (DT) để sấy ngô, hạt giống và các thứ đan lát. Phía trong sát vách hồi bên trái đặt giường ngủ của vợ chồng chủ nhà (GC), giữa là bàn ghế tiếp khách (BK), bên phải là giường ngủ của các con và của khách (GK). Góc cuối gian hồi bên phải đặt cối giã gạo (G), nơi đan lát dệt vải và chứa công cụ (NC).

Khung nhà loại hai cột (cột chôn) : Đòn tay cái "Tườì" đặt trên đầu cột và liên kết giữa các vì. Quá giang "Đra" đặt trên đòn tay cái. Có đoạn trụ ngắn "Pơlơduh" (trục nóc) đặt giữa quá giang, đầu trụ là đòn rông (nóc) "Pơlung". Các thanh kèo gác trên đòn nóc và đòn tay cái.

Tường vách quanh nhà bằng phen nửa, có nhà làm vách đất.

Nhà hai mái trước và sau hình chữ nhật, hai hồi hình tam giác lợp ngói cỏ gianh (TK.33).

### \* NHÀ SÀN DÂN TỘC RƠ MẮM

Nhà sàn dài dân tộc Rơ Măm ở Làng Le, xã Mo Ray, Đắc tô, Kom tum : Làng người Rơ Măm gọi là Êđê, ở nhà sàn dài cũng chỉ có chín nóc nhà ở xung quanh, giữa là nhà Rông, quy hoạch làng theo hình bầu dục, quanh làng có hàng rào kiên cố. Có sáu cổng vào làng, cổng chính ở hướng Bắc, hai cổng ở phía Đông để ra sông Sa Thầy lấy nước sinh hoạt, hai cổng ở phía Nam và một cổng ở phía Tây để ra khu nghĩa địa của làng. Các chuồng gia súc ở phía Đông ngoài nhà. Các kho thóc ở phía Tây ngoài hàng rào. Trong làng chỉ có ít cây ăn quả còn chủ yếu là cây Bông gòn là những cây nêu được trồng trong các dịp lễ đâm trâu cúng Yàng.

Ngôi nhà ở có mười hộ gia đình bố trí ở hai bên và có hai loại hộ lớn nhỏ (1 ÷ 10). Bố trí đối xứng về số hộ nhưng khác là : Bên trái, phía trước ba hộ nhỏ, phía sau hai hộ lớn; Bên phải, phía trước hai hộ lớn, phía sau ba hộ nhỏ. Phần nhà của người chủ ở góc phía sau bên phải (5). Mỗi hộ có cầu thang lên nhà riêng, được đặt ở phía trước, sau cửa từng dãy nhà.

Giữa nhà dành một gian rộng để sinh hoạt và tiếp khách chung của các hộ trong ngôi nhà (Rơ ngao) và nơi giã gạo (M'rao). Gian này có cầu thang chung ở phía trước. Lối đi quan hệ giữa các hộ là hành lang chạy dọc suốt nhà (T'roong par h'nyay). Mỗi nhà có cửa đi ra hành lang chung.

Trong mỗi hộ có nơi ngủ, bếp núc, để ché rượu...

Kết cấu khung nhà loại vì hai cột, mái làm riêng úp lên khung cột. Sàn tương đối thấp. Vách đan bằng nứa, ngoài có các đố dọc hàng cây Le hoặc lồ, đố ngang thưa.

Nhà chỉ có hai mái, không có mái hồi, lợp cỏ gianh (KT.25).

### **\* NHÀ SÀN DÀI DÂN TỘC ÊĐÊ Ở ĐẮC LẮC**

Người Êđê ở nhà sàn dài. Hiện nay nhà dài còn độ 20 ÷ 30m. Mỗi buôn làng khoảng 10 nóc nhà sống quây tụ hai bên đường. Mỗi buôn có một người đứng đầu gọi là PôPin êa (chủ bến nước) và một số người giúp việc ông ta : K'eng (quân sự), Pô phát Kdi(sử án), Pô riu yang (cúng bái). Xã hội Êđê còn bảo lưu nhiều yếu tố của chế độ mẫu hệ.

#### *1. Nhà sàn cổ truyền :*

Nhà sàn giới thiệu ở đây có 8 gian, hai chái. Nhà có ba sàn, hai sàn hồi được che của hai chái, (sàn hồi bên trái rộng hơn vì lấn vào gian chính một phần). Sàn phía trước ở ngoài trời. Thang lên sàn bằng loại gỗ chặt khắc làm bậc. Cửa hai hồi là cửa chính. Cửa hồi bên trái dành cho khách, cửa hồi bên phải và phía trước chủ yếu của gia đình.

Trong nhà được chia làm hai phần theo chiều ngang, có tường ngăn.

+ Phần bên trái (Gah) : Phần này gồm 4 gian, bao giờ cũng có một gian rộng hơn để tiếp khách và sinh hoạt chung. Phía sau ở hàng cột thứ ba có cột khách (Kneh Khang) (CK), cạnh cột khách có bếp khách (Kpur gah) (BK), xung quanh bếp có các ghế dài để khách ngồi, sát tường để các ché rượu. Vì cột thứ tư là cột chiêng (Kneh Knah) (CC). Cạnh cột có ghế độc mộc lớn để chủ nhà ngồi (Jhưng) (GC). Hàng cột phía trước là (Kneh hgor). Sát vách trước là

một ghế dài làm bằng cây gỗ tơ nguyên (Kpan) để các nhạc công ngồi khi nhà có đám, dưới gầm ghế để các công chiêng.

+ Phần bên phải (Ôk) : Phần này được ngăn hai phần theo chiều dọc. Phía trước, từ cửa vào bên phải là bếp phụ (BP), bếp chính (BC), trên bếp chính có gác treo. Giữa là hành lang đi lại. Phía sau được ngăn thành các phòng. Buồng ngủ của vợ chồng con gái (PG1), buồng con gái út (PU), buồng của vợ chồng chủ nhà (PC), phòng cuối để dụng cụ và ché rượu (CR).

Bộ khung nhà loại hai cột (Kmek), đòn tay cái gác trên đầu cột, quá giang đặt trên đòn tay cái, chân thanh kèo giả (mal) gác trên đòn tay cái, áp vào quá giang.

Kết cấu sàn (tọt) : Dầm sàn ngang (Đê), dầm sàn dọc (Gấp), dầm sàn ngang lớp hai (nhỏ) (T'rung), trên T'rung trải những thanh tre hoặc lồ ô nhỏ bản lè (nê), trên cùng là đất sàn (Triạ).

Vách nhà bằng nan đan, ngoài có độ dọc và nẹp ngang trang trí đẹp. Nhà hai mái chính chữ nhật, hai mái phụ ở hai đầu thụt sâu vào trong hai mái chính để tránh mưa hắt vào nhà (KT).

## 2. Nhà sàn dân tộc Êđê buôn K'rông - Đắc Lắc :

Buôn K'rông Hông, trước Cách mạng tháng Tám 1945 có 7 nóc nhà, từ năm 1960 và sau giải phóng tới nay có 46 nóc nhà, 335 nhân khẩu.

Nhà được bố trí ở hai bên trục đường chính. Mỗi nhà một khuôn viên rộng trên khu đất bằng phẳng khô ráo, ô tô con vào sát các mặt đường. Mặt chính (hội thang chính) nhìn ra đường. Từ đường qua thảm cỏ lè đường, hàng rào cây cắt xén, đến các cây cảnh trước nhà và lên nhà. Quanh nhà trồng điểm các cây cảnh cây hoa, cây ăn quả, cây bóng mát, cây dừa... Nhà hoà quyện với thiên nhiên cây cảnh, xanh, sạch đẹp, rộng rãi, khoáng đãng.

Nhà sàn dài của dân tộc Êđê dựa trên cơ sở nhà truyền thống của chế độ mẫu hệ. Quá trình chuyển biến tới nay có hộ thành "song hệ" (con trai về ở nhà vợ, con dâu cũng về ở nhà chồng). Nhà đồng người, sau khi cưới tách hộ làm ăn riêng.

Nhà sàn của già làng Ama.Hrit : Nhà sáu gian hai chái. Diện tích sàn  $25,30 \times 5,30 = 134m^2$  có hai sàn và hai thang lên nhà đặt ở chính giữa hai hồi nhà. Mỗi thang có năm bậc, thành thang hai bên là tấm gỗ mặt phẳng đặt các bậc thang, cao hơn mặt sàn làm tay vịn khi lên sàn. Cầu thang chính tiếp khách có trang trí : Phần tay vịn uốn cong, ở giữa bụng có đẽo úp hình bán cầu (như hai mắt). Sàn thang phía trước (tiếp khách) chiếm hẳn một gian và lấn vào gian chính một phần diện tích tới  $24m^2$ . Hiện nay đặt một ghế băng tựa có thể tiếp khách luôn ở sàn ngoài. Sàn và thang phía sau hẹp, chủ yếu dành cho nữ và đi lại sinh hoạt trong gia đình. Cửa vào nhà phía trước và sau đều đặt lệch về phía bên trái và là cửa đẩy (kể cả cửa vào phòng ngủ). Trong nhà được ngăn thành hai phần theo chiều ngang : phần trước ba gian dành tiếp khách và sinh hoạt chung. Gian đầu từ cửa vào cạnh cột bên phải đặt bếp khách (BK), gian giữa khẩu độ rộng diện tích khoảng  $30m^2$  dành để tổ chức lễ tế, nhảy múa, tấu nhạc, tụ họp khi nhà có đám. Bên trái kê một tấm ván dài của cây gốc lớn bản rộng 80cm dày 10cm để trống

chiêng nhạc cụ và là chỗ ngồi của nhạc công khi tấu nhạc. Bên trái là dãy ghế để khách ngồi, sát vách đặt các ché rượu cần. Giữa nhà có cây gỗ đặt cọc trên hai quá giang để dựng cột rượu (đầu cột tựa và xà, dưới chân cột đặt các ché rượu). Tiếp gian thứ ba là chỗ xem tấu nhạc chủ yếu là người trong gia đình. Chủ nhà ngồi ở cột thứ ba bên phải và là sạp ngủ của chủ nhà (GC) bên phải giáp vách ngăn đặt bàn thờ chúa (TC) (ảnh chúa treo trên cột) hiện nay kê một tủ đứng.

Phần bên trong, ba gian được chia thành hai phần theo chiều dọc. Bên trái đặt một bếp phụ (BP) chứa các vật dụng, máy khâu bao lương thực, các ché rượu, trên có sà n gác, gian cuối là bếp nấu ăn chính (BC). Bên phải ngăn thành các buồng ngủ : con gái lớn (PG), con gái út (PGU), vợ chủ nhà (PV), cuối phòng ngủ của mẹ chủ nhà (MC).

Khung nhà hai cột chân cột kê tầng đá đôn tay cái đặt trên đầu cột và liên kết giữa các đầu cột, quá giang đặt trên đôn tay cái, có đoạn trụ đặt giữa quá giang đầu với đỉnh nóc và đỡ xà nóc. Chân thanh kèo giả đặt vào đôn tay cái và áp vào đầu quá giang. Các thanh kèo giả có khác để đặt các thanh xà dọc tạo thành các ô chữ nhật làm khung mái. Riêng hàng cột thứ hai (trước cửa vào) thân cột to D320, trên đặt quá giang kép.

Kết cấu sàn : Dầm sàn ngang được luồn vào mộng đục ở thân cột, hai đầu thừa ra ngoài cột 1m (để chân cột thu vào, sàn nhà đua ra). Dầm sàn dọc đặt trên dầm ngang. Lớp dầm ngang thứ hai là thanh nhỏ đặt mau trên dầm dọc, trên là lớp dất sàn bằng tre nửa đập dầm.

Vách nhà đan phen, ngoài có các đố dọc, đố ngang tạo thành khung thẳng đều “thượng khách hạ thu”, chân vách có tám gỗ hình chữ nhật bé xung quanh. Hai bên nhà có mở cửa sổ.

Nhà có hai mái, độ dốc nhỏ hơn 45°. Trên đỉnh nóc dài hơn phần dưới mái nên nhìn hai bên đỉnh nóc mái hai hồi đua ra góc nhọn trông bề thế hơn và chắn mưa hắt vào hồi nhà, quanh hồi có diềm mái. Hai đầu hồi thụt vào trong mái che nên phần tam giác đầu hồi chỉ chắn phen không có mái. Mái lợp hai lớp : phía trong lớp phen nửa, ngoài lớp ngói (KT.30).

### **\* NHÀ ĐẤT DÂN TỘC M'NÔNG GAR Ở ĐẮC LẮC**

Người M'Nông ở hai loại nhà : Nhà sàn dài và nhà đất. Các nhóm M'Nông Gar, M'Nông Prăng và M'Nông Preh ở nhà đất. Người M'Nông gọi là Bôn hay Buôn. Mỗi buôn khoảng hơn 10 nóc nhà. Người đứng đầu buôn gọi là (Rnut), xã hội người M'Nông cũng còn nhiều tàn dư của chế độ mẫu hệ.

Nhà đất có hai hộ gia đình của nhóm M'Nông Gar. Nhà bốn gian hai chái. Trong nhà được bố trí mỗi hộ ở hai gian một trái, bố trí đối xứng : gian giữa tiếp khách và sinh hoạt của mỗi căn hộ (Vah)(1). Gian hồi ở giữa làm sàn để cót thóc, dưới sàn thóc là bếp đun (Nal) (2). Sát vách hậu : Sạp nằm tiếp khách (3), Sạp nằm của gia đình (4). Hai hộ có cửa đi chung (5). Mỗi hộ có cửa đi riêng (6).

Khung nhà chủ yếu là hệ khung cột : Có hai cột chính (Girông rbung). Đôn tay cái (rcăng) đặt trên đầu cột. Quá giang (Cang ir) đặt trên đôn tay cái. Phần khung đỡ mái : Hai thanh kèo



giã, có hai cây còn nóc (T'rôm) một trên, một dưới kẹp lấy đỉnh kèo và đầu các thanh rui (N'ra), trên rui là mè (Op).

Vách bằng phen nửa, dựa trên hàng cọc chôn chắc cách xa cột. Mái nhà lợp cỏ gianh, hai hồi khung vòm theo hình mai rùa (KT.29).

### **\* NHÀ SÀN DÂN TỘC XƠ ĐĂNG Ở KON TUM**

Người Xơ Đăng trước kia ở nhà sàn dài, có ngôi nhà chứa hàng trăm người. Bước đầu kế tục nhiều thế hệ trong gia tộc, sau kết nạp thêm các thành viên bên vợ, bên chồng, anh em kết nghĩa, người xóm làng đến nương tựa nên ngôi nhà không còn là của gia đình lớn mà đúng hơn là của một xóm, cạnh nhà ở có nhà Rông lớn.

Nay nhà ở có hai loại : Nhà sàn dài của hộ gia đình lớn; Nhà sàn ngắn của hộ gia đình nhỏ. Mỗi nơi cũng có hình dáng khác nhau, tính chất sinh hoạt cũng có thay đổi. Song nhiều vẫn mang dấu ấn dân tộc, của gia đình mẫu hệ.

#### *1. Nhà sàn dài của bà Y Ngol ở xã Đắc Ruông, huyện Kon Plông, Kon Tum*

Nhà sáu gian, hai chái có năm hộ ở. Nhà có ba sân sàn. Hai ở đầu hồi có mái che (chái nhà) trên sàn có các cối giã gạo (chày tay). Một sân chung ở phía trước nhà. Thang lên sàn bằng đoạn gỗ chặt khắc làm bậc.

Nhà dành gian thứ tư (từ phải sang) để sinh hoạt chung và tiếp khách của các hộ trong nhà (GK) (Trong có khung cửri của gia đình Y Bloang -KCG).

Ba gian bên phải : Gian thứ nhất, gia đình Y Glin, có sáu người (hai trai). Gian thứ hai, gia đình Y Ngol, chủ nhà sàn, có tám người (hai trai). Gian thứ ba, gia đình Y Kvôi, có năm người (ba trai).

Hai gian bên trái : Gian thứ năm, gia đình Y Bloang có bốn người (hai trai). Gian thứ sáu, gia đình Y Đeh, có chín người (bốn trai).

Trong mỗi hộ có giường ngủ, bếp nấu ăn (Y), nơi để ché rượu, ống nước và dụng cụ sinh hoạt, có nhà có gác xép, gác treo trên bếp. Riêng nhà Y Glin có khung cửri (KCG).

( Diện tích ở rất hẹp có nhà bình quân 0,84m<sup>2</sup>/người ).

Kết cấu bộ khung nhà : Mỗi vì có hai cột (Drang), đòn tay cái (Nir) gác trên đầu cột, quá giang (Bơ dak) đặt trên đòn tay cái. Khung mái làm rời úp lên khung cột (H.KT ).

#### *2. Nhà sàn dân tộc Xơ Đăng Đắc Tô - Kon Tum :*

Ngôi nhà giới thiệu ở đây đã cũ nát. Gia đình chuẩn bị đi nơi khác. Lúc đầu xây có năm gian, hai cột ở, dàn phát triển sang hai hồi và phía sau tới sáu hộ.

Trước nhà có sân thang chung vào gian tiếp khách, sinh hoạt chung của các hộ (Thang lên sàn là đoạn chặt khắc làm bậc). Hai bên liền kề là hai hộ mỗi hộ hai gian, có cửa sang hai hộ phát triển ở hai chái đầu hồi, và có cửa ở vách hậu sang hai hộ phát triển ở phía sau. Hai hộ phía sau dựng về phía hai hồi để khoảng trống ở giữa mặt sàn thấp hơn 20cm (vì mái kèo

xuống bị thấp). Hai hộ phía sau có thang lên riêng đặt ở phía sau nhà. Mỗi hộ trong ngôi nhà có bếp ăn riêng.

Hệ khung nhà : Cột - đòn tay cái - quá giang. Có đoạn trụ ngắn đặt trên quá giang. Đỉnh là xà nóc.

Vách bằng phen nửa đan ngoài có nẹp dọc ngang.

### **\* NHÀ Ở DÂN TỘC GIÊ - TRIÊNG TÂY BẮC KON TUM**

Người Giê Triêng trước đây ở chung trong nhà sàn dài. Mỗi làng chỉ có một hoặc hai nhà, có nhà dài tới 200m. Giữa nhà giành một phòng rộng để sinh hoạt hội họp tiếp khách chung của các gia đình sống trong nhà. Giữa nhà là dãy hành lang chạy dọc. Hai bên ngăn các hộ của từng gia đình Người ta phải trở các cửa ở hai bên mái để thông gió và lấy ánh sáng. Gần đây nhiều người đã tách hộ ở riêng, nhà dài chỉ khoảng 14 ÷ 15m, có người đã ở nhà đất.

#### *1. Nhà ông Bloong Khinh làng Nông Kon - xã Dục Hồng , huyện Sa Thầy - Kon Tum :*

Nhà có bốn gian, hai chái. Thang lên nhà đặt ở phía sau hồi bên trái và đi từ bên trái lên.

Sàn nhà hình chữ nhật, giữa đặt thanh gỗ chạy dọc nhà, chia mặt sàn thành hai phần bằng nhau. Ngoài mặt sàn chính nằm trong phạm vi hai cột chính, còn làm thêm hai rẻo sàn phụ phía trước và phía sau bên ngoài hai hàng cột chính. Để đỡ phần giàn phụ mở rộng này người ta làm thêm hàng cột phụ.

Trong nhà được bố trí từ bên trái sang : (1) Buồng con trai lớn của chủ nhà, (2) buồng của chủ nhà. Hai gian kế tiếp : Phía trước (3) dành cho một cụ ở bên ngoài, trong có bếp (B.1). Phía sau giành tiếp khách (GK) có bếp (B.2). Hai gian thứ ba và thứ tư : phía trước có bếp (B.5), phía sau (4) dành cho một cụ ở bên nội, trong có bếp (B.6). Gian trái bên phải : Phía trước (5) buồng con trai thứ hai của chủ nhà, (6) buồng của em trai chủ nhà. Trong nhà này có bốn bếp đặt giáp ranh giữa gian thứ nhất và thứ hai, giữa gian thứ ba và tư (B1,B2,B5,B6).

Khung nhà vẫn dựa trên cơ sở hệ khung cột, dùng ngoàm và buộc dây rừng là chính, chưa có kết cấu mộng. Mỗi vì có hai cột chính, thêm hai cột phụ ngoài cột chính để mở rộng sàn bốn gian trong lòng nhà.

Tường vách thương bằng phen nửa. Mái hình mai rùa, phía trước và sau lợp phen, hai hồi lợp cỏ gianh (H.KT ).

### **\* NHÀ Ở DÂN TỘC BANA - KON TUM**

Làng người Bana gọi là Plây . Mỗi làng có một nhà Rông , người Bana ở nhà sàn , còn nhiều tàn dư của chế độ mẫu hệ . Người Bana cư trú ở nơi hẻo lánh sâu , xa đến nơi gần thị trấn , thị xã , gần đường cái lớn và xen kẽ với nhiều dân tộc khác nhau nên nhà ở có nhiều thay đổi cả về quy mô , hình thức kết cấu ngôi nhà và bố trí mặt bằng sinh hoạt .

Tuy nhiên , nhà ở vẫn giữ những nét đặc trưng của dân tộc .

#### *1. Nhà ở người Bana làng Ha Le , xã Yang Trung , huyện An Khê - Kon Tum :*

Nhà ba gian , mặt trước nhà có sàn lộ thiên (SL) , trên sàn đặt cối giã gạo (chày tay) bằng gỗ , đáy cối có cái “ ngỗng” khi giã người ta đặt ngỗng vào cái lỗ có sẵn của tấm gỗ đặt trên mặt sàn . Thang lên sàn (T) là loại gỗ chặt khấc làm bậc tựa vào cột góc sàn . Cửa vào nhà mở ở hai gian chính giữa , hồi bên phải có một cửa sổ . Các khuôn cửa làm bằng gỗ tốt , thanh trên thẳng , thanh dưới hai đầu để thừa đểo cong thành hình sừng trâu .

Trong nhà ba gian thông nhau : gian giữa sinh hoạt chung và tiếp khách , sát vách hậu có nơi đặt bàn thờ và cột thiêng . Gian hồi bên phải , phía trước là giường ngủ của vợ chồng con gái (GV) có khi tiếp khách (GK) giữa đặt sa quay sợi (SS) , sát vách sau để cùi và dùi (CĐ) . Gian hồi bên phía trước là bếp chính (BC) trên bếp có gác treo , nửa phía sau là giường ngủ của vợ chồng con gái (GV) có khi tiếp khách (GK) , giữa đặt sa quay sợi (SS) , sát vách sau để cùi và dùi . Gian hồi bên phải , phía trước là bếp chính (BC) trên bếp có gác treo , nửa phía sau là giường ngủ của vợ chồng chủ nhà (GC) . Sát vách đặt cạnh ché rượu (CR) . Khung nhà kiểu vì hai cột truyền thống .

Vách bằng phen đan ( thượng khách hạ thu ) , Ngoài có các đồ ngang dọc chắc chắn , có nơi kết hợp trang trí rất đẹp .

Mái nhà lợp cỏ gianh . Hai đỉnh nóc đầu hồi có bộ sừng trang trí . Có nơi sử dụng đoạn kéo dài hai thanh bắt trên đỉnh nóc của tấm gỗ riềm chắn mái đầu hồi ( H.KT ) .

## 2. Nhà ở người Bana ông Kzãng làng pleinzai - Tỉnh Kon Tum :

Nhà sàn năm gian , diện tích sàn kể cả sàn thang 63,28m<sup>2</sup> . Diện tích ở 50m<sup>2</sup> hai căn hộ ở

Phía trước là sàn thang có mái che , trên sàn đặt cối giã gạo chày tay (GG) . Cửa vào nhà hai cánh đặt ở gian chính giữa . Gian giữa tiếp khách và sinh hoạt chung của hai hộ (TK) , sát vách hậu nơi thờ chúa (TC) . Hai gian bên trái là hộ gia đình bố mẹ chủ nhà (GC) . Hai gian bên phải của vợ chồng con gái (CG) . Mỗi hộ có một bếp riêng (B) và một cửa ra sàn nhà . Sát vách quanh nhà đặt các bao gạo , các ché rượu , gùi treo ở đầu cột . Phần gác trên bếp để thứ tre đan , gác vách hậu để các thứ sinh hoạt . Sàn hồi nhà thường để chạn bát , chai lọ , phơi phóng và các dụng cụ linh tinh .

Khung nhà kiểu bốn cột chân cột kê tầng đá . Hai cột cái và hai cột liền tường quá giang liên kết giữa hai cột cái . Cột liền tường liên kết theo hệ dầm sàn . Hia bên có xà dọc (dưới quá giang) liên kết giữa các vì và là nơi làm gác chứa vật dụng ở phía trước và sau nhà . Đòn tay cái đặt trên đầu trụ . Phần trụ liền tường cũng có đòn tay đặt trên đầu trụ . Có đoạn trụ ngắn đặt giữa quá giang , đầu tới đỉnh nóc và đầu trụ đặt xà nóc . Thanh kèo giả đặt trên ba xà từ xà nóc và đòn tay quai hai đầu trụ . Riêng vì hai hồi có thanh xà ngang gối vào hai hồi chót của đòn tay cái trên đầu trụ để làm phần mái hồi . Phần mái hồi có thêm hệ con sơn đỡ mái . Trên các thanh kèo giả đặt li tô lợp mái ngói . Phần mái sàn thang phía trước cũng có mái phụ đưa ra như hai hồi nhà và có hai cột phía trước đỡ mái . Phần sau gối hẳn lên mái nhà chính

Tường bao bằng vách cốt tre trát đất trộn rơm xoa phẳng quét vôi , sàn trong nhà và vách ngăn gỗ ván , sàn thang ngoài bằng cây gỗ xếp (H.KT ) .

### \* NHÀ SÀN DÂN TỘC BANA - KON TUM

Nhà này khi xây dựng ban đầu có năm gian , hai hộ ở phía trước có hiên , lan can cả khu sân thang phía trước nhà . Sàn thang có mái che , mái nhà kiểu chuôi vồ . Hai hồi có hiên không có lan can . Cầu thang lên sàn đặt ở bên phải sàn thang , sát mặt nhà và đi từ bên phải lên sàn . Gần đây xây thêm hai gian về phía bên trái để tách một hộ ra ở riêng . Hai gian này phía trước không có lan can . Nhà có bốn cửa đi : Cửa đi gian giữa sàn thang lên vào gian thờ chúa (TC) tiếp khách (TK) và sinh hoạt chung của các hộ . Hai cửa đi riêng vào hai hộ kề bên , mỗi hộ hai gian : Bên trái của chủ (GC) . Bên phải của vợ chồng con gái lớn (GG.1) . Một cửa vào hộ xây mở rộng thêm của vợ chồng con gái út (GG.U) . Mỗi hộ có một bếp riêng . Trong nhà có cửa thông sang các hộ và ra hiên hồi nhà .

Khung nhà kiểu 4 cột , hai cột cái , một cột hiên , một cột tường hậu . (Cột liền tường) . Quá giang liên kết giữa hai cột cái . Cột quân liên kết bằng hệ dầm sàn . Đòn tay cái đặt trên đầu cột . Có đoạn trụ ngắn đặt trên quá giang, đầu trụ là xà nóc . Thanh kèo gác trên các đòn tay . Hồi nhà có mái che hiên, có hệ con sơn mái phụ kể cả mái trước sàn thang .

Tường bao bằng cốt tre trát đất trộn rơm , quét vôi .

### \* NHÀ Ở DÂN TỘC GIARAI Ở GIALAI VÀ KOM TUM

Làng của người Gia Rai gọi là Ploi hay Bôn . Mỗi làng có từ 10 đến gần 100 nóc nhà . Gia đình Gia Rai là gia đình nhỏ mẫu hệ . Nhà ở truyền thống của người Gia Rai là nhà sàn dài .

Có nơi , nhà lớn hoặc nhỏ chỉ bố trí một hộ gia đình ở :

#### 1. Nhà sàn dài kiểu Ayun Pa :

Nhà sàn dài 13,5m rộng 3,5m , với những nét mang tính truyền thống . Nhà được chia làm hai phần theo cột mốc (có mũi tên chỉ) (6) .

- Phần về phía Nam ( từ hàng cột mốc tới hồi phía Nam gọi là (Mang mang ) dành cho sinh hoạt cộng đồng và tiếp khách :

1. Cầu thang : Rơ nhan (thang bên Mang) .

2. Sân sân : Adring mang , dành cho trai gái trong làng tới chơi lúc chiều tối

3. Cửa bên mang : Bá mang mang hay Pố mang máng .

4. Sinh hoạt công cộng : Gọi là (Ruông tpaì) (khoang rượu) : tiếp khách , uống rượu , nhảy múa , đánh chiêng . . .

5. Bếp cúng Yàng : Tpor giàng Tpaì .

6. Cột mốc : Tma'tăng Kra (chia hai phần)

- Phần phía Bắc (từ hàng cột mốc tới hồi phía bắc )

7. Gian dành cho con gái : Sẻ kế thừa

8. Bếp thiêng : Phia Pran

9. *Giường ngủ của cha mẹ - chủ nhà* : ( sang Prông )

10. *Bếp nấu ăn* : Tpor

11. *Cửa mang óc* (bá mang óc)

12. *Sân sàn bên óc* : (Atring óc )

13. *Thang óc* : (rơ nhan óc)

14. 15.16 . *Cửa sổ* : Bàng phá (14. Bàng phá đét , 15. Bàng phá Prông , 16. Bàng phá mang Prông)

17. *Cửa sổ* : Bàng phá ruông hra (H.KT ) .

### 2. *Nhà sàn nhỏ kiểu Hođrung* :

Nhà có chiều rộng nhỏ hơn 3m , chiều dài không quá 9m , chiều cao từ mặt đất tới nóc 4,5m và từ mặt sàn đến quá giang 1,8m . Bố trí một căn hộ ở .

1. Thang , 2. Sàn phơi , 3. Cửa đi chính , 4. Cột mốc : Tmé pkoi (cột đàn ống ) , 5. Nơi tiếp khách uống rượu , cúng giáng , 6. Chỗ ngủ của chủ nhà , 7. Bếp chính , 8. Chỗ ngủ của vợ chồng con gái ( bà chủ theo mẫu hệ ) , khu vực ở bên phải cột mốc , 9. Chỗ để chiêng ché , 10. Cửa sổ ( H.KT ) .

### 3. *Nhà sàn dài của dân tộc Gia Rai ở Làng Le, xã Mo Ray, huyện Sa Thầy, Kon Tum* :

Nhà sàn dài 11 gian , có bốn hộ gia đình nhỏ ở .

Phía trước nhà có thang lên sân sàn và chỉ có một cửa ra vào ở gian chính giữa . Phía sau có 5 cửa sổ .

Trong nhà được ngăn các phòng sử dụng chung và diện tích ở của các căn hộ :

Ba gian ở giữa và một nửa của hai gian bên liền kề dành cho tiếp khách và sinh hoạt chung của các hộ trong căn nhà ( khoảng 38% tổng diện tích sàn).

Hai gian đầu hồi bên phải của gia đình ông Đơi .

Gian thứ ba và nửa gian thứ tư của vợ chồng con gái ông Đơi .

Hai gian đầu hồi bên trái của gia đình ông Bro .

Gian thứ chín và nửa gian thứ tám của vợ chồng con gái ông Bro .

Nghĩa là ở mỗi đầu hồi có hai hộ của một gia đình đã tách thành hai khi người con gái đã có chồng con . (Gia đình mẫu hệ , người chồng theo vợ, người vợ là chủ của gia đình ) . Mỗi hộ có sạp ngủ , có bếp riêng và nơi chứa các dụng cụ sinh hoạt trong gia đình .

Kết cấu bộ khung nhà của người Gia Rai chủ yếu là hệ khung cột , liên kết với nhau bằng cột - xà và hệ dầm sàn , không có vì kèo chính .

1. Cột : Me (sang)

2. Đòn tay cái (Toa Grar) đặt trên đầu cột
3. Quá giang (soong) gác trên đòn tay cái
4. Dầm sàn dọc (Kôl)
5. Dầm sàn ngang (Roong)
6. Sàn (Chora) .

Phần đỡ mái chỉ có thanh kèo giả , chân kèo gác lên đòn tay cái ( có ngạnh tỉ hoặc buộc dây ) . Trên các thanh kèo có đòn tay và rui mè (H.165)

Tường vách bằng phên nứa hoặc nan đan , ngoài có đồ dọc ngang gia cố công phu kết hợp trang trí . Mái lợp phên nứa hoặc cỏ gianh (ảnh 58).

### **\* NHÀ SÀN DÂN TỘC BRĂU Ở ĐẮK TÔ - KON TUM**

Làng nhỏ người Brâu gọi là Srúc . Làng thường quy hoạch hình tròn , giữa làng có nhà Rông . Nhà dân ở xung quanh và đều quay đầu vào nhà Rông. Người Brâu ở nhà sàn ngắn .

1. Nhà ông Koóng ở làng Đăk Mế, xã Bờ Y huyện Đăk Tô Kon Tum : Nhà ba gian chính , hai gian phụ . Thang lên sàn đặt ở hồi gian phụ bên trái. Gian phụ này có bốn phần sàn , mỗi sàn có độ cao chênh nhau 20cm .

Phần sàn phía sau (phần trên) ghi (120) có độ cao bằng mặt sàn nhà , dành cho việc đan lát , giã gạo chày tay và ngồi nghỉ ngơi . Phần dưới nơi giáp cửa vào nhà thấp hơn 20cm (100) , cấp sát bậc thang (80) , phía trước còn thêm bậc sàn tụt xuống (60) để các ống đựng nước .

Trong nhà được chia hai phần theo chiều dọc :

Phía trước hẹp làm sạp cao hơn mặt sàn 80cm và chia làm ba ô : Ô thứ nhất dưới để củi , trên để bát đĩa . Ô thứ hai và ba , bên dưới chứa các thứ vật vãnh ( gửi, vỏ bầu khô . . . ) bên trên đặt bếp (B1,B2) .

Phía sau nửa gian thứ nhất được ngăn thành phòng nhỏ dành cho con gái (PG) . Phần còn lại của gian này và hai gian bên dành cho tiếp khách (GK) và sinh hoạt chung ban ngày của Nam (con trai tối ra ngủ ở nhà Rông) Khu này để các thứ : Ché rượu cần (CR) và các công chiêng (CC) .

Gian phụ ở đầu hồi bên phải được ngăn buồng ngủ của vợ chồng chủ nhà (OC) .

Kết cấu bộ khung nhà có hai cột , quá giang , liên kết giữa hai đầu cột, đòn tay cái gác trên đầu quá giang giáp vào đầu cột .

Tường vách bằng phên đan thượng thách hạ thu . Nhà bốn mái : Mái trước và sau hình chữ nhật , hai mái đầu hồi hình tam giác hoặc hình thang cân . Đỉnh nóc hồi có sừng bằng gỗ hoặc bằng tre Lồ . Tùy theo hình thức mà có tên gọi khác nhau : “Knâm” , “Brooc” . Có đường hoa văn chạy dọc trên sống mái . Mái lợp cỏ gianh (H.KT ) .

### **\* NHÀ RÔNG Ở TÂY NGUYÊN**

Nhà Rông là một công trình kiến trúc công cộng của đồng bào Tây Nguyên . Hầu hết các dân tộc Tây Nguyên để có nhà Rông ( trừ nhóm người Chơr và người Êđê ) . Khi nhóm nhà ở dân cư được hình thành và xây xong nhà ở của gia đình là tiến hành ngay việc xây dựng nhà Rông . Nhà Rông được xây dựng ở khu đất rộng giữa buôn làng . Mỗi buôn làng có vài chục nóc nhà . Những bản đông người hoặc có nhiều chi tộc thì có tới hai , ba nhà Rông , có nhà quy mô quá lớn chứa tới hai ba trăm người . Nhà Rông mang đậm nét hình thái và dấu ấn chức năng của một xã hội nguyên sơ . Một công trình độc đáo về kiến trúc nghệ thuật biểu tượng đẹp nhất của đồng bào Tây Nguyên , tương tự như ngôi đình làng của dân tộc kinh ở miền xuôi .

Nhà Rông được cái buôn làng tổ chức một “ Hội đồng già làng “ đứng đầu là “ chủ làng “ và là chủ nhà Rông quản lý thực hiện mọi luật lệ , tập tục của buôn làng với chức năng nhiệm vụ chính như sau :

- Người của buôn làng từ khi mới sinh ra phải làm lễ cúng nhà Rông gọi là “ lễ hiến sinh “ , lễ đặt tên và thổi tai “ lễ plei chắt con “ . Đến tuổi thành niên ” làm lễ thành đinh “ được gia nhập cộng đồng người lớn ra ở tập thể tại nhà Rông cùng với những người chưa vợ . Họ tách khỏi ra đình sống ở tập thể thực hiện các nghĩa vụ của người thanh niên đối với buôn langf và đất nước . Những năm tháng sống ở nhà Rông được già làng ra giáo dục dạy nghề cần thiết phục vụ cho đời sống và xã hội , khi lấy vợ về ở cùng với vợ .

- Nhà Rông là nơi thực hiện các nghi lễ nghi tôn giáo tín ngưỡng của buôn làng như : Nơi thờ “ Hòn đá thiêng “ “ lưới sét chữa bệnh “ . Thờ các vị thần tạo hoá , thần cấp cao thần cấp thấp ... Các nghi lễ liên quan đến sản xuất : Lễ cúng thần lửa , thần lúa , thần nông nghiệp , thần núi , thần nước . Lễ chọn rừng , phát rẫy , trỉa hạt , lễ mừng thu hoạch ăn mừng lúa mới . Các nghi lễ liên quan đến sức khỏe như : Lễ cầu an , cúng khi trong làng có dịch, lễ rửa sui , cúng thần làng , các lễ tạ ơn , mừng ở nhà mới , lễ mừng chiến thắngd . . .

- Nhà Rông là nơi bảo tồn lưu giữ những hiện vật quý giá như giống ngũ cốc , đầu sừng trâu , dê thú rừng ; các loại nhạc cụ , đàn công , chiêng , trống lớn , khiêng thờ và lưu giữ các chiến tích , các vũ khí ....

- Nhà Rông là câu lạc bộ sinh hoạt văn nghệ vui chơi giải trí : ca hát , tấu nhạc cụ , nhảy múa , luyện tập võ nghệ , quân sự .

- Nhà Rông là nơi thực hiện các kế hoạch công việc của buôn làng , sau cách mạng tháng 8 nhà Rông được sử dụng sinh hoạt học tập phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và còn là nơi tiếp khách của cả buôn làng .

- Về nội dung tích chất sử dụng của nhà Rông với dân tộc Tây Nguyên; về cơ bản giống nhau song về mặt kiến thức mỗi nơi có những nét khác nhau mang tính đa dạng phong phú của từng địa phương .

- Tóm lại nhà Rông đối với cư dân Bắc Tây Nguyên . Suốt cả cuộc đời từ khi sinh ra lớn lên , trưởng thành đến lúc qua đời đều gắn bó nghĩa tình sâu nặng với nhà Rông . Nhà Rông đã in sâu trong tâm thức của người trai làng , gắn kết quan hệ trong cộng đồng buôn làng để khắc phục thiên nhiên, đấu tranh xã hội để tồn tại mãi mãi đến ngày nay và mai sau .

### 1. Nhà Rông dân tộc Bana Kon Tum :

Nhà này được cải tạo sửa chữa một số thanh xà , khung mái tường vách , bậc thang . . . còn giữ lại hệ khung cột và hình dáng kiến trúc như xưa.

Nhà có 3 gian , mặt bằng hình “ thang trống “ (cong nhiều hơn , diện tích sàn  $13,80 \times 7,40 = 102m^2$  . Phía trước gian chính giữa có sàn ngoài trời , thang và cửa ra vào nhà . Cầu thang lên xuống được thay bằng bê tông cốt thép lên độ cao từ mặt đất đến mặt sàn nhà 2,70m . Hai bên cầu thang và sàn có tay vịn . Hai cột trước sàn thang cao trên lan can . Trước hai bên sàn thang cong thêm hai cột cao trên 3,00m , đầu cột đẽo khác hình trụ . Sàn ngoài trời và trong nhà đều lát ván dày 2cm rộng trên 20cm . Giữa sàn có thang gỗ ngăn thành hai phần theo chiều dọc . Khi tổ chức ngày vui , tiếp khách , lễ hội được tạo dựng thành lan can ngồi tựa uống chén rượu cần . Mọi tổ chức lễ nghi sinh hoạt và xếp đặt các thứ ở trong nhà Rông như giới thiệu ở phần trên . Hiện nay còn sử dụng làm lớp học cho các cháu nhỏ .

Nhà có 4 mái , mái trước và sau hình thang cân , đáy dưới dài khoảng gần 1,3 lần so với đáy trên , hai đáy đều cong vòng lên song song với nhau, hai cạnh bên từ đỉnh xuống cong lõm vào tạo thành góc nhọn đưa ra ở hai góc dưới của mái . hai mái đầu hồi là hình tam giác cân , đáy là đường thẳng, cạnh bên của tam giác cong tiếp giáp theo cạnh hình thang của mặt chính, đỉnh tam giác là góc rất nhọn cao vút trông như cánh bướm . Chiều cao của phần mái theo đứng thẳng chiếm gần 3/4 so với chiều cao của toàn nhà và khoảng 5,6 lần so với chiều cao phần tường vách nhà . Chân cột thẳng đứng và thu hẹp so với mặt sàn và chân cột to , cao so với mặt nền nên nhà càng cao, thanh thế và vững chắc .

Tường quanh nhà bằng vách đất trát nhẵn trộn rơm quét vôi trắng theo kiểu thượng thách hạ thu . Phía trước , phía sau của hai gian bên và hai gian đầu hồi có cửa sổ hình chữ nhật .

*Bộ khung nhà* : Nhà ba gian , bốn vì , hai vì đầu hồi hẹp lòng và thấp hơn để tạo độ cong trên nóc ở giữa nhà . Khung cột chỉ có cột và quá giang: Cột tròn D : 360 , quá giang tiết diện  $150 \times 250$  luồn qua đầu cột . Sát đầu quá giang chặt khố đỡ đòn tay cái . Đòn tay này cong hai chiều : vừa cong vòng lên theo độ cong của mái vừa cong vòng cung theo rộng hẹp của lòng nhà . Khung nhà là các thanh kèo giả gối lên các đòn tay (xà dọc) và đòn rông (xà nóc) , xà nóc cũng cong vòng lên tạo độ cong của nóc nhà . Các thanh kèo kéo dài đỡ riềm trang trí trên bờ nóc , liên kết giữa các thanh kèo (cắt ngang ) gồm các thanh giằng ngang chéo chữ (X) chân tì vào đầu cột ở gian giữa bắt chéo chống tới góc đỉnh nóc của nhà , cùng nhiều thanh giằng khác .

Mái nhà lợp bằng tôn , đứng ở bên trong nhà và lợp từ trên xuống .

*Phần trang trí* : Phía ngoài có hai cột trước sàn thang và riềm trên nóc mái . Trong nhà ở các cột , quá giang và thêm các băng ở gian giữa trang trí các cảnh sinh hoạt , hình mặt chiêng trống , ngôi sao , gùi , con thú , cây hoa.... đủ các màu sắc : Xanh, đỏ, tím, vàng, vui tươi lành mạnh (H.KT ) .

### 2. Nhà Rông dân tộc Xơ Đăng Đăk Tô Kon Tum :



Nhà có ba gian , mặt bằng theo hình “tang trống” , diện tích  $(11,30 \times 6,00) = 68m^2$  . Có hai sàn thang và cửa vào nhà đặt ở phía trước và sau gian chính giữa nhà . Cầu thang bằng đoạn gỗ chặt thành khúc làm bậc . Sàn ngoài trời xếp gỗ tròn D : 100 . Sàn trong nhà bằng phen nửa đập dập . Trên sàn nửa bên phải đặt một bếp nơi ở và sinh hoạt của các thanh niên chưa vợ ra ở nhà Rông . Tính chất , nội dung sử dụng nhà Rông như giới thiệu ở phần trên .

*Nhà bốn Mái* : Mái trước và sau theo hình thang cân đáy dưới dài khoảng 1,4 lần so với đáy trên . Hai đáy đều cong vòng lên song song với nhau , hai cạnh bên từ đỉnh xuống cong lõm vào một chút làm cánh mái đưa ra phía dưới tạo thành góc nhọn trông thanh thoát . Hai mái đầu hồi là tam giác cân đáy là đường thẳng , cạnh bên của tam giác cũng hơi cong tiếp giáp với cạnh hình thang của mặt chính . Đỉnh là một góc nhọn trên  $47^0$  , chiều cao của mái theo đường thẳng đứng gấp ba lần chiều cao của toàn nhà .

Vách quanh nhà thưng bằng phen nửa đan , ngoài có các đồ gỗ đỡ phen và các nẹp ngang dọc , theo kiểu thượng thách hạ thu . Chân cột thẳng đứng và thu hẹp so với mặt sàn làm tăng vẻ đồ sộ của công trình nhưng vẫn nhẹ nhàng.

*Bộ khung nhà* : Nhà ba gian bốn vì , hai vì đầu hồi lòng hẹp và thấp hơn để tạo độ cong ở giữa nóc nhà . Dưới gầm sàn có gia cố thêm 6 chân cột đỡ sàn ở 3 khoang , khung cột chỉ có hai cột và quá giang . Cột tròn D : 350 . Quá giang tiết diện  $150 \times 250$  làm mộng luồn qua đầu cột . Đầu quá giang sấn lòng máng để đặt đòn tay cái và buộc dây . Đòn tay cái cong hai chiều . Vừa cong vòng lên theo độ cung của mái , vừa cong vòng cung theo rộng hẹp của lòng nhà . Khung mái là các thanh kèo giả đặt trên cá đòn tay (xà dọc) và đòn rông (xà nóc) . Xà nóc cũng cong vòng lên theo độ cong của nóc nhà . Các thanh kèo được kéo dài tạo thành bộ sừng trên đỉnh nóc liên kết giữa các thanh kèo (cắt ngang) có các thanh giằng ngang và thanh bắt chéo hình chữ (X) . Vì kèo hai hồi có thêm các thanh dọc từ đỉnh nóc tới cạnh đáy tam giác . Mặt cắt dọc có các thanh giằng chéo dài chân có ngạnh tì vào đầu quá giang ở gian giữa bắt chéo chống tới đỉnh nóc hồi của nhà cùng các thanh giằng khác . Mái nhà lợp bằng cỏ gianh nẹp thành các tấm và đứng ở bên trong lợp từ trên nóc xuống (H.KT ) .

### \* NHẬN XÉT CHUNG

Hầu hết các dân tộc Tây Nguyên như : Gia rai , Êđê , Xơ Đăng , Banar, Brâu .... Nhà ở của họ đều là nhà sàn . Sàn so với mặt đất trên dưới 1m , dưới sàn là nơi để dự trữ củi đốt và chứa dụng cụ sản xuất . Kho lương thực đặt cạnh nhà .

Hệ thống khung nhà chủ yếu là cột gỗ tròn , kết cấu đơn giản chủ yếu là “ Ngàm “ và dùng dây song mây để buộc .

Mái chủ yếu lợp bằng cỏ tranh , vách thưng và sàn chủ yếu tre nửa đập dập hoặc đan mỏng . Các khu dân cư gần thị trấn , thị xã , trục đường giao thông đã được lợp bằng ngói , tôn , vách ngăn sàn bằng gỗ ván .

Có khác chỉ là cách tổ chức mặt bằng :

+ Đối với dân tộc Gia rai :

Mặt bằng tổ chức theo dạng “ ống “ một cửa ra vào chính phía tiền sảnh và một cửa phụ phía sau . Phần tiếp khách và sinh hoạt chung ở ngay phần đầu hồi , phía sau là sinh hoạt con cái , mỗi bếp lửa trong nhà là đặc trưng cho một cặp vợ chồng , bố mẹ , con cái sống trong ngôi nhà đó .

Phần tiền sảnh thường không lợp mái là nơi để cối giã gạo và cho một số công việc khác như ngồi đan lát , thêu ren .... Nhà chỉ duy nhất có hai cửa lên xuống ở hai đầu , hai cầu thang chính và phụ , không có cửa sổ và vậy trong nhà thường thiếu ánh sáng .

+ Đối với dân tộc Xơ Đăng :

Bố trí mặt bằng sinh hoạt cũng giống như người Gia rai , song chỉ có điều khác là người Xơ Đăng thường bố trí 3 - 4 cửa chính quay về các hướng , đặc điểm này tạo nên cho nhà đồng bào Xơ Đăng thoáng mát hơn song lại rất hạn chế về diện tích sử dụng .

+ Đối với dân tộc Êđê :

Bố trí mặt bằng sinh hoạt cũng giống người Gia rai song có điều khác là người Êđê thường bố trí hướng dọc nhà theo hướng Bắc - Nam. Hai mái đầu hồi đều đua ra rộng hơn vách và có diềm mái trang trí, độ dài nhà khác nhau tùy theo điều kiện từng hộ gia đình nhiều hay ít hộ ở chung .

Bố trí cửa chính và phụ đi vào bằng đầu hồi , hai bên dọc nhà có bố trí nhiều cửa sổ nên nhà thoáng , sáng sủa và tận dụng được diện tích sử dụng .

+ Đối với dân tộc Banar :

Mặt bằng nhà hình chữ nhật , kích thước ngang thường từ 3,2m - 3,6m . Dọc nhà bước cột gỗ từ 1,5m - 1,7m , mỗi nhà khoảng từ 5 -7 bước .

Bố trí hiên đón và cửa chính ở vị trí giữa nhà , hiên đón thường vuông có kích thước 2,1m x 2,1m , có cầu thang bằng gỗ đểo bậc lên xuống .

Nhà kho nhỏ hơn , kích thước thường 1,2m x 3m , cầu thang lên kho đặt ở đầu hồi và thường bố trí kho gần vị trí cổng ra vào khu vườn nhà .

+ Đối với dân tộc Gia lai ( Lâm Đồng ) :

Kiểu nhà tương đối giống nhà người Kinh , không làm nhà sàn mà làm trên nền đất . Kết cấu nhà bằng khung cột gỗ đặc biệt tường nhà từ nền lên cao 1m đóng gỗ ván nằm ngang , còn lại phần trên đóng gỗ ván thưng đứng. Mái nhà dốc đều hai phía lợp tôn .

## **II. MÔ HÌNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH XÂY DỰNG CÁC ĐIỂM DÂN CƯ TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC**

### **II.1. Mô hình điểm dân cư**

Qua nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm xây dựng khu dân cư của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên , ta thấy rõ các dân tộc có nhiều điểm giống nhau , song mỗi dân tộc cũng có những nét

riêng biệt, đặc trưng của dân tộc mình. Việc đề xuất mô hình xây dựng điểm dân cư của đồng bào dân tộc phải đảm bảo một số yếu tố cơ bản:

- a) Kế thừa một truyền thống xây dựng buôn làng lâu đời của từng dân tộc phát huy những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm, đưa những nguyên lý quy hoạch hiện đại vào một cách hài hoà, đảm bảo phong cách văn minh, tiến bộ của một nông thôn mới.
- b) Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa bàn cư trú như điều kiện địa hình, đất đai xây dựng, thiên nhiên khí hậu, thời tiết, đặc biệt là mô hình sinh sống và đối tượng sản xuất để xây dựng buôn làng.
- c) Việc quy hoạch xây dựng buôn làng phải tính đến đất dự trữ phát triển điểm dân cư đó cho 10 đến 15 năm sau, đồng thời phải tính toán trước những khả năng từng bước đô thị hoá những điểm dân cư đó khi có điều kiện. Cụ thể khi có điều kiện đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống cấp điện và hệ thống cấp nước....
- d) Phải tính toán xây dựng một số công trình văn hoá phục vụ công cộng với quy mô hợp lý trong giai đoạn trước mắt và dự trữ đất phát triển cùng với sự phát triển dân số trong điểm dân cư theo từng giai đoạn.

Cụ thể một điểm dân cư muốn tồn tại, phát triển lâu dài phải đảm bảo

- Phải có đường giao thông đi lại thuận lợi giữa các điểm dân cư với nhau và với các điểm dân cư đô thị để tạo điều kiện giao lưu văn hoá, đây là yếu tố quan trọng để sớm nâng cao trình độ dân cư của đồng bào.

- Điểm dân cư phải có nguồn nước để sinh hoạt giai đoạn trước mắt và lâu dài, nguồn nước ở Tây Nguyên nên quan tâm và lựa chọn nguồn nước mạch vì hệ thống sông suối tương đối dày đặc và phân bố tương đối đều trên địa bàn Tây Nguyên. Nước ngầm Tây Nguyên cũng có những vùng có trữ lượng nước ngầm phong phú nhưng ở độ sâu lớn hàng trăm mét và phải có điện mới khai thác sử dụng. Hệ thống nước ngầm mạch nông (giếng khơi) thông thường trên 10m sâu là có nước nhưng chỉ sử dụng tốt là mùa mưa, mùa khô thường thiếu nước và đặc biệt ở thời điểm giao mùa giữa mùa mưa và mùa khô thì đa phần các giếng khai thác nước ngầm mạch nông bị cạn kiệt, ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt của dân.

Đồng thời nhiều vùng nước ngầm mạch nông có độ cứng lớn vì vậy không đảm bảo an toàn cho sức khỏe khi sử dụng lâu dài. Chính vì vậy đồng bào địa phương thường sử dụng nước ăn là nước mạch được chảy ra từ các khe núi.

- Đất để canh tác, sản xuất rau xanh và lương thực (trong đó có cả đất rừng, đất trồng lúa nước) đó là yếu tố đảm bảo an toàn về đời sống cho điểm dân cư phát triển. Thói quen của đồng bào không thuần tuý làm lúa nước, chính vì vậy nhiều vùng đất khai hoang, làm thủy lợi rất thuận lợi cho làm lúa nước nhưng khi đưa điểm dân cư của đồng bào đến thì từ điểm dân cư

đó lại di chuyển , hoặc họ lại về rừng để canh tác còn ruộng nước bỏ hoang . Đây là yếu tố chính cần quan tâm trong quy hoạch xây dựng điểm dân cư cho đồng bào dân tộc .

Cơ cấu đất đai của một buôn làng cho thấy rõ là hình thức canh tác theo kiểu tự cung tự cấp , nhưng thực tế thì hình thức sản xuất này sẽ tồn tại nhiều năm nữa mà chúng ta không thể đốt cháy giai đoạn , chính vì vậy trong một điều kiện để đáp ứng được mục tiêu lớn của Đảng và Nhà nước , chúng ta cần tôn trọng một thực trạng để có bước đi thích hợp .

Chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay giao rừng cho dân để bảo vệ nhưng nếu hiểu rằng đó là giao cho từng hộ gia đình thì việc đó không biết bao giờ thực hiện được , bởi lẽ rừng Tây Nguyên là rừng nhiệt đới nhiều tầng , nhiều lớp vì vậy rất khó xác định ranh giới cho từng hộ chính vì vậy chủ trương này đã đặt ra nhiều năm nhưng không thực hiện được , rừng rất nhiều chủ nhưng thực chất là vô chủ, lực lượng kiểm lâm, các biện pháp phòng chống nhưng rừng vẫn bị tàn phá dưới nhiều hình thức .

Chính vì vậy biện pháp giao rừng tốt nhất cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là giao cho từng buôn làng, ranh giới được quy ước bởi các dòng sông con suối , các điểm cao ..... Đây là quy ước đã gắn bao đời với đồng bào dân tộc , nếu chúng ta khôi phục lại thì hoàn toàn thuận lợi , bởi lẽ

- Nó phù hợp với tập quán lâu đời của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đó là việc phân chia ranh giới giữa các buôn làng, một đống, một cây rừng xưa kia đều có chủ và được tôn trọng tuyệt đối và không ai giữ đất , giữ rừng chặt như người dân Tây Nguyên , chính vì vậy mà hai đế quốc lớn xâm lược đất nước ta và chúng hiểu rằng chỉ lấy được Tây Nguyên là lấy được đất nước này nhưng chúng đã thất bại và không làm được điều đó bởi người dân Tây Nguyên biết bảo vệ đất và rừng của mình , của tổ quốc .

- Việc giao đất , giao rừng như vậy hoàn toàn thuận lợi cho việc đo đạc phân chia , ít tốn kém về kinh phí mà hoàn toàn có thể thực hiện được trong thời gian ngắn và chắc chắn Tây Nguyên sẽ giữ được rừng và rừng Tây Nguyên sẽ phát triển .

- Thói quen lâu đời của người dân Tây Nguyên là hái lượm lâm sản dưới tán rừng như mật ong , sa nhân và nhiều sản vật của rừng nhiệt đới , cộng thêm sự hướng dẫn khoan nuôi , bảo vệ chăm sóc và khai thác hợp lý , khoa học thì đó là một nguồn lợi thu nhập rất lớn góp phần phát triển đời sống kinh tế của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên .

• “ Giữ được rừng mới giữ được nhiều thứ “ đó là lời khẳng định của ông chủ tịch tỉnh Đắk Lắk . Tháng 9 năm 1999 UBND tỉnh Đắk Lắk đã quyết định phê duyệt dự án giao hơn 2000 ha đất lâm nghiệp và rừng tự nhiên cho dân tại lâm trường Ea H'leo . Theo đó , người địa phương được UBND xã xác nhận (ưu tiên đồng bào dân tộc) được giao đất lâm nghiệp và rừng tự nhiên tới 50 năm . Trong đó chủ rừng này được thu nhập toàn bộ sản phẩm phụ trên diện tích được nhận , được ăn chia sản phẩm gỗ với nhà nước theo các tỷ lệ 30% ; 60% ; 90% giá trị tương ứng với các thời hạn 5,10,15 năm quản lý bảo vệ rừng . Từ năm thứ 16 trở đi hộ gia đình được hưởng 100% giá trị sản phẩm gỗ được phép lấy ra từ rừng .

• Ngoài việc xác định các điều kiện cần và đủ cho điểm dân cư tồn tại lâu dài, vấn đề bố trí mạng lưới điểm dân cư cũng cần được nghiên cứu. Nếu bố trí các điểm dân cư nông, lâm trường, các điểm dân cư đô thị, các điểm dân cư kinh tế mới dưới dạng xen kẽ trên địa bàn, xen kẽ những vùng có gian giới và khoảng cách để tránh sự tranh chấp về đất đai có thể xảy ra như tạo điều kiện giao lưu văn hoá giữa đô thị và nông thôn, giữa người kinh và đồng bào tại chỗ nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ hiểu biết của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Với một khoảng cách, gian giới các điểm dân cư giai đoạn trước mắt tạo ra một sự giao lưu, tiếp bước nền văn hoá giữa các dân tộc một cách có chọn lọc và vẫn giữ được bản sắc văn hoá đặc trưng của từng dân tộc, tránh tình trạng đồng hoá văn hoá dân tộc một cách cưỡng bức.

Trong quá trình phát triển, cùng với thời gian khi dân cư phát triển nếu chúng ta áp dụng các chính sách dân tộc một cách phù hợp và đúng đắn, xu thế hệ thống điểm dân cư thống nhất, đa dạng về kiến trúc (xem hình)

## **II.2. Xác định quy mô tối thiểu của một điểm dân cư đồng bào dân tộc thuộc vùng II và III :**

Quy mô hợp lý tối thiểu của một điểm dân cư đồng bào dân tộc (vùng II và III) là 200 - 300 người, tương đương 40 - 60 nóc nhà. Số lượng này có thể tổ chức được một lớp học cấp I tại buôn làng với quy mô 20 - 35 học sinh và với số lượng này có thể tổ chức được một lực lượng tự vệ với quy mô trung đội từ 35 - 60 người, đây là lực lượng tương đối mạnh.

Tuy nhiên đây là quy mô tối thiểu, còn điểm dân cư có quy mô càng lớn thì càng thuận lợi về nhiều mặt, đặc biệt rất thuận lợi cho việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật như điện, nước và như vậy mức độ đô thị hoá càng đến nhanh với các điểm dân cư đồng bào dân tộc. Tuy nhiên, điểm dân cư lớn đến mức nào thì cũng do các yếu tố khác chi phối đặc biệt là yếu tố đất xây dựng.

## **II.3. Các giải pháp quy hoạch điểm dân cư cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên :**

- Xuất phát từ các yếu tố về điều kiện tự nhiên, địa hình
- Xuất phát từ truyền thống xây dựng buôn làng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Rút kinh nghiệm thực trạng công tác của nhiều năm qua.

Vì vậy việc nghiên cứu của buôn làng kể cả xây dựng mới và cải tạo cần thừa kế, phát huy một số giải pháp chung nhất :

### **II.3.1. Giải pháp ô bàn cờ :**

Quy hoạch xây dựng buôn làng có hệ thống giao thông ô bàn cờ là giải pháp xây dựng ở những nơi có địa hình tương đối bằng phẳng hay có độ dốc ít về một phía phù hợp với truyền thống xây dựng của đồng bào các dân tộc Êđê, Jarai. Hệ thống đường được chia theo hình ô bàn cờ :

### **Ưu điểm :**

- Khu ở gọn gàng , để tổ chức và phân chia đất ở .
- Mỗi hộ có phần đất riêng của mình sẽ có trách nhiệm giữ gìn và trồng trọt các loại cây một cách dễ dàng .
- Khu sản xuất phụ bên cạnh khu ở giải quyết được vấn đề ô nhiễm .
- Xây dựng các công trình phúc lợi và hạ tầng kỹ thuật thuận lợi .

**Nhược điểm :**

- Không phù hợp với cảnh quan tự nhiên của điểm dân cư miền núi .
- Đất kinh tế vườn không gắn liền với nhà ở tạo ra việc quản lý và đi lại khó khăn .

Nhưng đối với đồng bào dân tộc Banar và một số dân tộc khác ở vùng sâu vùng xa tổ chức được một buôn làng có hệ thống giao thông kiểu bàn cờ có nghĩa là tiến hành san ủi một mặt bằng tương đối lớn tốn kém kinh phí , mà kinh phí đó nhẽ ra nên dành để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng .

Một nhược điểm nữa là khoảng cách một số nhà đến khu trung tâm xa, thiếu đất dự trữ phát triển cho xây dựng . Trong quá trình san ủi , đất màu mỡ đã bị san hết , trong khi dân tộc Banar nhiều vùng chưa biết dùng phân gia súc để bón cây , vì vậy hầu hết các buôn làng được xây dựng đã lâu nhưng cây cối trong vườn trơ trọi .

Khi dân cư có nhu cầu phát triển , khi có đủ điều kiện để đầu tư các công trình kỹ thuật như cấp điện , cấp nước thì phải chịu tốn kém cho hệ thống kỹ thuật này .

Tất nhiên để giải quyết phương án này nhằm tạo điều kiện cho buôn làng tiếp tục phát triển thì phải bổ sung một số yếu tố :

- Tiến hành khoanh hành lang làm vườn để đồng bào trồng rau xanh và một số cây công nghiệp truyền thống , đồng thời cũng là đất dự trữ cho xây dựng khi dân cư phát triển trong tương lai .
- Tiến hành bổ sung một số công trình công cộng trong khu vực nhà rộng hiện có để đảm bảo việc học hành , vui chơi giải trí cho đồng bào sau giờ lao động .
- Tiến hành giao đất , giao rừng cho bản làng để họ tự chăm sóc , bảo vệ và khai thác theo pháp luật ( xem hình ) .

**II.3.2. Giải pháp đồng tâm (hệ giao thông dạng mạng nhện) :**

Quy hoạch xây dựng buôn làng theo hệ thống giao thông dạng mạng nhện . Giải pháp này áp dụng cho xây dựng buôn làng ở những vùng đồi núi cao , địa hình dốc hơn , thường phù hợp với truyền thống xây dựng buôn làng của đồng bào Banar , Xơ đăng ....

Với giải pháp này trong địa hình điều kiện dốc , phức tạp thì hệ thống giao thông san ủi đỡ tốn kém , được thiết kế chạy song song với các đường đồng mức , đường xá đỡ bị sụt lở về mùa mưa .

Với những dạng buôn làng thiết kế theo giải pháp này tạo ra một buôn làng có không gian đẹp, nếu biết nghiên cứu các mẫu nhà ở, mẫu nhà các công trình công cộng mang những nét đặc trưng của đồng bào dân tộc.

Với giải pháp này cái chính là phát huy được tính truyền thống xây dựng buôn làng của đồng bào từ xa xưa với các ưu điểm:

- Gần gũi với tâm lý của đồng bào.
- Hệ thống giao thông uốn lượn theo đường đồng mức địa hình, việc mở đường thuận lợi, (ít bị xói lở, bào mòn trong mùa mưa).
- Khoảng cách nhà ở đi đến trung tâm công cộng là gần nhất.
- Khi có điều kiện, xây dựng hệ thống cấp điện và cấp nước thuận tiện và kinh tế.

Trong đó đã đưa được những nét mới vào trong phương án xây dựng làng bản đó là:

- Khu trung tâm công cộng buôn làng được mở rộng. Ngoài việc xây dựng nhà rông là công trình văn hoá lâu đời của dân tộc Banar, việc xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo; lớp học cấp I, cửa hàng mua bán, hệ thống cây xanh, sân thể thao, là những công trình phục vụ mang tính chất nhu cầu, nhằm giải quyết vấn đề học hành của con em, vấn đề vui chơi giải trí của buôn làng sau những giờ lao động mệt nhọc. Tuy nhiên việc nghiên cứu thiết kế trung tâm này cũng phải mang những nét truyền thống của đồng bào Banar, kết hợp với những yếu tố kiến trúc hiện đại tạo ra một không gian kiến trúc hài hoà, có môi trường thoáng mát.

- Việc tổ chức các hộ gia đình, ngoài việc hợp lý, đảm bảo vệ sinh, đồng thời mỗi căn hộ cần có một diện tích 1500 - 2000 m<sup>2</sup> đất để trồng cây công nghiệp dài ngày.

- Việc tổ chức tạo ra một "Vườn rừng" cổ truyền của đồng bào để trồng rau xanh và một số cây công nghiệp ngắn ngày mà đồng bào vẫn thường trồng xung quanh buôn làng để tận dụng thời gian lao động, đồng thời cũng là một vùng đất dự trữ khi dân số gia tăng, các con cái lớn trong gia đình lập hộ riêng thì việc xây dựng trong buôn không bị xáo trộn.

- Gắn khu ở gần khu sản xuất để đồng bào tiết kiệm thời gian đi lại, tận dụng thời gian lao động và thuận lợi cho việc bảo vệ rừng. Tuy nhiên, đối với sản xuất lâm nghiệp thì bán kính sản xuất vẫn phải giải quyết bằng phương án "nhà đầm".

- Việc gắn lớp học cấp I trong khu công cộng tại buôn làng phù hợp với bán kính đi học và nguyện vọng của trẻ em. Như vậy, việc học tập của trẻ em sẽ được thường xuyên, tình trạng mù chữ sẽ nhanh chóng được khắc phục, trình độ dân trí của đồng bào sớm được nâng cao.

Việc đầu tư xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo trong buôn làng ngoài ý nghĩa nhân đạo còn góp phần giải phóng sức lao động của phụ nữ, nó có tác động rất lớn đến việc định hướng, giáo dục nhân cách của trẻ thơ, điều mà đồng bào Kinh đã và đang làm (xem hình ).

### **II.3.3. Giải pháp tuyến đồng tâm (bên sườn đồi):**

Được đặt ra trong điều kiện có đủ các yếu tố thuận lợi như giải pháp đồng tâm song đất đai xây dựng không phải là khu một quả đồi, mà vị trí được đặt bên một sườn núi địa hình dốc, thường phù hợp với dân tộc Banar, Xơ đăng ....

Đối với giải pháp này việc tổ chức nhà ở, công trình công cộng được bố trí như giải pháp đồng tâm và nhìn chung giải pháp này cũng có những ưu điểm như giải pháp đồng tâm, song vấn đề giải quyết giao thông trong giải pháp này còn sang giải quyết hệ thống thoát nước mưa, tránh tình trạng đường xá bị xói mòn mạnh trong mùa mưa (Hình ).

#### **II.3.4. Giải pháp đường xương cá :**

Đó là giải pháp xây dựng buôn làng theo hệ thống đường xương cá. Bao gồm một trục đường chính xuyên buôn, dẫn đến khu sản xuất và ra bên ngoài buôn, các trục phụ xuất phát từ trục chính mỗi trục có thể tổ chức một nhóm nhà bao gồm các gia đình có các mối quan hệ với nhau hay từ một nhà dài chia ra (Hình ).

##### **• Ưu điểm :**

- Khu ở tập trung nhưng nhà ở được phân thành từng nhóm độc lập.
- Có thể phân chia đất cho từng hộ.
- Xây dựng các công trình phúc lợi và kỹ thuật hạ tầng thuận lợi.
- Phù hợp với nhiều loại địa hình.

##### **• Khuyết điểm :**

- Các đường nhánh là đường cụt không thuận tiện giao thông.
- Nhà ở bố trí theo nhiều hướng (Hình )

#### **II.3.5. Giải pháp phân nhánh :**

Điểm dân cư này được tổ chức thành nhiều nhóm nhà được đặt trên những khu đất thuận lợi cho việc xây dựng và các nhóm nhà được phân cách nhau bởi các khu sản xuất phụ hay các giải cây xanh. Hệ thống giao thông bao gồm một trục chính dẫn từ bên ngoài vào và đưa ra khu sản xuất, từ trục chính này phân ra các nhánh và mỗi nhánh là một nhóm nhà, ở vị trí trung tâm sẽ hình thành một khu công trình công cộng cho cả khu nhà ở, có thể là một xã gồm nhiều buôn hay chỉ là buôn tùy theo quy hoạch chung cũng như địa hình và quy mô của khu ở (Hình ).

##### **• Ưu điểm :**

- Dễ phù hợp với địa hình, có thể ứng dụng phổ biến.
- Khu sản xuất gần với khu nhà ở.
- Phù hợp với cách tổ chức buôn làng truyền thống.
- Gần được với cảnh quan tự nhiên.



---

- **Khuyết điểm :**

- Khu ở bị phân tán dẫn đến hệ thống kỹ thuật hạ tầng bị kéo dài .
- Các công trình công cộng có bán kính phục vụ lớn hơn các khu ở tập trung .

- **II.3.6. Điểm dân cư theo tuyến :**

Đối với những khu vực bố trí điểm dân cư có địa hình hẹp không thể mở rộng được hai chiều . Do vậy phải bố trí điểm dân cư chạy dài theo tuyến , các tuyến được chọn nên là các trục đường liên buôn hay liên xã để tiện việc giao lưu ( Hình ) .

Điểm dân cư có thể chỉ có một tuyến hay có một tuyến chính và 1-2 tuyến phụ tùy điều kiện địa hình , nhưng không nên trải quá dài dẫn đến việc mở rộng bán kính phục vụ . Do vậy chỉ nên áp dụng cho điểm dân cư có quy mô nhỏ .

Dọc theo tuyến chính chỉ có một dãy nhà ở bám dọc theo và phía sau là khu đất sản xuất phụ , như vậy khu sản xuất phụ gần như gắn liền với nhà ở tạo điều kiện cho việc chăm sóc những vẫn có một khoảng cách ly cần thiết để không ảnh hưởng đến khu ở .

Tổ chức khu ở theo tuyến đường tương tự như cách tổ chức buôn làng truyền thống của đồng bào Êđê , do vậy dễ được tiếp nhận , đất trong khu ở có thể phân riêng cho từng hộ hay được xem như sở hữu chung và không có hàng rào phân cách các căn nhà , tùy theo từng trường hợp đều có thể chấp nhận được một trong hai cách trên .

- **Giải pháp một tuyến**

Đối với khu ở có quy mô nhỏ vì một điều kiện nào đó không thể kết hợp được với các buôn khác để tạo thành một điểm dân cư lớn , chỉ cần bố trí nhà dọc theo hai bên tuyến đường chính là đủ , phía sau nhà là khu sản xuất phụ được phân chia cho từng hộ gần như gắn liền với nhà ở rất thuận lợi cho việc chăm sóc nhưng vẫn có khoảng cách ly cần thiết ( Hình ) .

- **Ưu điểm :**

- Phù hợp với cách tổ chức buôn làng truyền thống .
- Nhà ở gắn liền với sản xuất phụ .

- **Khuyết điểm :**

- Quy mô nhỏ không đủ để bố trí các công trình phúc lợi .
- Việc đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng dẫn đến khu ở không thuận lợi .

- **Giải pháp nhiều tuyến**

Đối với những điểm dân cư trải dài theo một tuyến quá dài có thể tạo thêm 1-2 tuyến song song với tuyến chính để giảm chiều dài , hoặc những điểm dân cư được bố trí dọc hai bên bờ suối , hai tuyến được phân cách bởi con suối và giải cây xanh dọc suối . Sau từng dãy nhà là khu sản xuất phụ ( Hình ) .

• *Ưu điểm :*

- Tuy bố trí trải dài nhưng vẫn không quá phân tán
- Vẫn giữ được theo những phong cách tổ chức khu ở của người Êđê
- Gắn được với điều kiện tự nhiên
- Gắn được khu ở với khu sản xuất phụ .

• *Khuyết điểm :*

- Các tuyến có khoảng phân cách bởi cây xanh và khu sản xuất phụ tạo nên bán kính phục vụ các công trình phúc lợi và kỹ thuật hạ tầng bị kéo dài